CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 404/TTr-CP	*Hà Nội, ngày 11 tháng 10năm 2022*

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Phòng thủ dân sự

Kính gửi:Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 50/2021/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Phòng thủ dân sựnhư sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị

-Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đặt ra nhiệm vụ tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng nhằm nâng cao năng lực ứng phó với các thảm họa, sự cố, giảm thiểu thiệt hại góp phần củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Nghị quyết yêu cầu*"Sau năm 2010, xây dựng mới các đạo luật về phòng thủ dân sự, giáo dục quốc phòng, bảo vệ các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia, chống khủng bố…"*.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, đã xác định xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành khu vực phòng thủ vững chắc, là bộ phận hợp thành hệ thống phòng thủ chung của quân khu và cả nước giữ vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốcViệtNam XHCN.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị. Theo đó, nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về phòng thủ dân sự được đưa vào Kế hoạch do Chính phủ chủ trì thực hiện trong năm 2022.

-Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh một số quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển của đất nước, trong đó yêu cầu *"Chú trọng an ninh, an toàn là một trong những yếu tố hàng đầu trong cuộc sống của người dân. Xác định "chủ động phòng ngừa" là chính. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với các*

đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh".

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo đặt ra mục tiêu đến năm 2025 là *"Xây dựng Luật Phòng thủ dân sự và các văn bản pháp luật liên quan, trong đó chú trọng bổ sung cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chủ trương chính sách trưng thu, trưng dụng, huy động lực lượng, phương tiện, vật chất cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự, đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, nguy hiểm…; tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược phòng thủ dân sự"*(Mục III.2.1) và một trong các nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự là*"Khẩn trương xây dựng Luật Phòng thủ dân sự; rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự;đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong tình hình mới"*(Mục IV.3).

2. Cơ sở pháp lý

- Nhiều quy định về phòng thủ dân sự liên quan đến quyền con người, quyền công dân nhưng được quy định bằng văn bản dưới luật, có văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng do chưa đủ điều kiện nên trước mắt đã ban hành nghị định để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội[1]. Những quy định nàychưa bảo đảm nguyên tắc hiến định*"Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"* tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013.

- Khoản 1 Điều 13 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định *"Phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân"*. Theo đó, phòng thủ dân sựcó phạm vi rất rộng, bao gồm tổng thể các hoạt động được chuẩn bị từ thời bình và khi có chiến tranh, thảm hoạ, sự cố xảy ra để chủ động bảo đảm an toàn, hạn chế, khắc phục thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước,Nhân dân.Cụ thể hóa quy định về phòng thủ dân sự trong Luật Quốc phòng, Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019về phòng thủ dân sự. Bên cạnh đó, có nhiều văn bản pháp luật trong các lĩnh vực cụ thể có quy định liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự[2]nhưngcác văn bản này chỉ áp dụng cho từng lĩnh vực cụ

---

[1] Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính phủ về huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước CHXHCN Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 18/12/2015; Nghị định số 145/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ về huy động nhân lực, cơ sở hạ tầng viễn thông bổ sung cho lực lượng Thông tin liên lạc thường trực của Quân đội; Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự; Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

[2]Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Giao thông đường bộ,... và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

thể, chưa có tính bao quát[3],thống nhất, toàn diện để áp dụng chung đặt ra yêu cầu khắc phục để tạo lập khung pháp lý đầy đủ, toàn diện cho hoạt động phòng thủ dân sự.

3. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, công tác phòng thủ dân sự từng bước được hoàn thiện cả về thể chế và tổ chức thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quảthảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, góp phần to lớn vào việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, tạo môi trường ổn định phát triển KT-XH. Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số vấn đềđặt ra, cần phải luật hóađể tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thực tiễn. Cụ thể:

- Pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ràng các cấp độ về phòng thủ dân sự làm cơ sở để xác định các biện pháp ứng phó.Việc quy định các biện pháp ứng phó cũng chưa có sự thống nhất: Có văn bản quy định biện pháp theo cấp độ, có văn bản quy định theo quy mô, đơn vị hành chính hoặc theo trách nhiệm, thẩm quyền của từng cơ quan, có văn bản liệt kê theo loại dịch bệnh, có văn bản quy định liệt kê các biện pháp đểtùy thuộc tình hình cơ quan có trách nhiệm lựa chọn áp dụng biện pháp thích hợp,... dẫn đến khó khăn trong công tác triển khai thực hiện[4].

- Thực tiễn công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnhthời gian qua, nhất là đối với thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm, quy mô lớn cho thấy nhiều biện pháp đã được quy định nhưng chưa đủ, chưa phù hợpvàhiệu quả;nhiều biện pháp chưa được pháp luật quy định nhưng do yêu cầu cấp thiết đã được áp dụng và phát huy hiệu quả, như: Giãn cách xã hội,bắt buộc sơ tán người, tài sản để bảo đảm an toàn, lực lượng phòng, chống, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, nguồn lực, chính sách an sinh xã hội, khôi phục kinh tế,...Thực tiễn cũng đòi hỏi phải có những biện pháp có tính chuyển tiếp trước khi xã hội chuyển sang tình trạng khẩn cấp (giai đoạn tiền khẩn cấp)cần được luật hóa để có cơ sở pháp lý và thực hiện đồng bộ, thống nhất.

- Xuất phát từ nội hàm khái niệm phòng thủ dân sựrộng, bao hàm nhiều lĩnh vực liên quan đến các bộ, ngành nêncó nhiều tổ chức phối hợp liên ngành ở trung ương chỉ đạo trong việc phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh và tìm kiếm cứu nạn,dẫn đếncó sự trùng lặp về vị trí, chức năng, nhiệm vụ.Khi có thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh thì các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy đều vào cuộc, gây lúng túng cho các cơ quan, đơn vị trực

---

[3] Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phòng thủ dân sự.

[4]Luật Phòng chống thiên tai quy định 05 cấp độ rủi ro thiên tai, Luật Môi trường phân chia thảm họa, sự cố theo cấp hành chính, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm chia theo nhóm bệnh truyền nhiễm nhưng các quy định này không phải là cấp độ phòng thủ dân sự.

tiếp thực thi nhiệm vụ.

- Hệ thống tổ chức, chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự ở trung ương và các bộ, ngành hiện nay chưa thống nhất. Ở trung ương (cấp quốc gia) tồn tại độc lập nhiều cơ quan, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy (Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn,…),trong khi đó, cấp bộ, ngành trung ương và địa phương đã hợp nhất các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy thành một tổ chức duy nhất là Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ huyPhòng thủ dân sự, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo hoặc Ban Chỉ huyPhòng thủ dân sự cấp trên. Sự thiếu đồng bộ này khiến cho công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự khó thông suốt, lúng túng trong quá trình triển khai.

- Một số loại thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh có diễn biến nhanh, đòi hỏi phải huy động lực lượng và tổ chức ứng phó kịp thời, khẩn trương; những thảm họa, sự cố nguy hiểm cần huy động thêm lực lượng chuyên môn của cơ quan trong các ngành, lĩnh vực.Tuy nhiên, quy định về chức năng, nhiệm vụ, vai trò của lực lượng chuyên trách, của chính quyền chưa thực sự rõ ràng gây khó khăn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Ngoài ra, phòng thủ dân sự là lĩnh vực được nhiều quốc gia trên thế giới hết sức coi trọng và đã ban hành đạo luật riêng về phòng thủ dân sự hoặc quy định tại các văn bản pháp luật liên quan đến phòng thủ dân sự, như: Nga, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Philippin, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore… Các đạo luật về phòng thủ dân sự ở các quốc gia này thể hiện rõ khái niệm, chức năng,nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, sử dụng lực lượng, công tác chuẩn bị bảo đảm cho các lực lượng tham gia nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Từ các lý do nêu trên, việc xây dựng Luật Phòng thủ dân sựlà rất cần thiết,nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho việc chủ động phòng, chống, ứng phó hiệu quả với các thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an ninh, an toàn cho đất nước khi có tình huống xảy ra.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

a) Tạo khung pháp lý chung nhất cho việc phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, phòng, chống, khắc phụcthảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh nhằm bảo vệ cao nhất tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự.

b) Tăng cường các biện pháp phòng ngừa và bảo đảm tính chủ động trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ người dân, cơ quan, tổ chức, bảo vệ môi trường.

c) Nâng cao năng lực về phòng thủ dân sự, góp phần làm giảm thiểu thiệt

hại do thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnhgây ra; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển KT - XH của đất nước gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và từng bước hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

2. Quan điểm chỉ đạo

a) Thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

b) Tăng cường tính chủ động phòng ngừa, ứng phó có hiệu quả với thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy, tổ chức điều hành; bảo đảm các nguồn lực thực hiện; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

c) Kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về phòng thủ dân sự đã được thực tiễn kiểm nghiệm phù hợp, đồng thời bổ sung những vấn đề mới để giải quyết những nội dung về phòng thủ dân sự đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

d) Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và hoạt động phòng thủ dân sự của một số nước phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật Phòng thủ dân sự được xây dựng theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự từ năm 2005 đến năm 2021, lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, báo cáo và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022.

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, soạn thảo, xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến tham gia, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh, gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án Luật theo quy định.

- Ngày 11/7/2022, Bộ Tư pháp có Báo cáo số 111/BCTĐ-BTP thẩm định hồ sơ sự án Luật Phòng thủ dân sự. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu, hoàn chỉnh dự án Luật, trình Chính phủ.

- Ngày 26/7/2022, tại phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật, Chính phủ đã thảo luận, thống nhất thông qua dự thảo Luật, trình Quốc hội (tại Nghị quyết

số 95/NQ-CP ngày 01/8/2022).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật Phòng thủ dân sự gồm 7 chương, 71 điều: Chương I - Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 9); Chương II - Hoạt động phòng thủ dân sự (từ Điều10 đến Điều 36); Chương III - Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng phòng thủ dân sự (Điều 37, Điều 38); Chương IV - Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự (từ Điều 39 đến Điều 42); Chương V - Nguồn lực, chế độ, chính sách đối với người tham gia hoạt động phòng thủ dân sự (từ Điều 43 đến Điều 47); Chương VI -Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự (từ Điều 48 đến Điều 69); Chương VII - Điều khoản thi hành (Điều 70, Điều 71).

2. Nội dung cơ bản

Nội dungLuật Phòng thủ dân sự tập trung vào 06 chính sách đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022, gồm:

Chính sách 1: Đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh trong hoạt động phòng thủ dân sự.

Chính sách 2: Phân công trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh.

Chính sách 3: Quy định các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ người dân bị thiệt hại.

Chính sách 4: Đổi mới tổ chức của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Chính sách 5: Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (big data) trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh.

Chính sách 6: Hoạt động phòng thủ dân sự trong tình trạng khẩn cấp.

Trên cơ sở các chính sách được thông qua, dự thảo Luật đượcxây dựng với các nội dung cơ bản sau đây:

a) Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 9)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự; chính sách của Nhà nước về phòng thủ dân sự; đánh giá mức độ rủi ro về thảm hoạ, sự cố; khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự; hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự; các hành vi bị nghiêm cấm.

b) Chương II - Hoạt động phòng thủ dân sự(từ Điều 10 đến Điều 36)

Chương này gồm có 6 mục, quy định các hoạt động phòng thủ dân sự tiến hành xuyên suốt từ khi tình hình bình thường cho đến khi có nguy cơ xảy ra

thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh và khi thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnhxảy ra; khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh. Trong đó quy định một số nội dung trọng tâmsau:

- Xây dựng Chiến lược quốc gia về phòng thủ dân sự (Điều 10), xây dựng kế hoạch về phòng thủ dân sự (Điều 11), hệ thống công trình phòng thủ dân sự (Điều 12).

- Cấp độ phòng thủ dân sự là hoạt động của chính quyền, các lực lượng tham gia phòng thủ dân sự và người dân trongviệc ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố; cơ sở để xác định biện pháp, nguồn lực huy động và phân định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc ứng phó, khắc phục thảm hoạ, sự cố. Cấp độ phòng thủ được xác định thành 4 cấp độ 1, 2, 3, 4(Điều 21); thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự(Điều 22), thẩm quyền điều động, huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng thủ dân sự (Điều 23), phân công trách nhiệm phòng thủ dân sự (Điều 24).

- Các biện pháp áp dụng trong phòng thủ dân sựcấp độ 1, 2, 3 để làm cơ sở cho người có thẩm quyền tùy theo mức độ và tình hình thực tế để quyết định ban bố hoặc không ban bố cấp độ phòng thủ dân sự và có các biện pháp ứng phó kịp thời trên địa bàn quản lý (Điều 25 đến Điều 27).

- Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 4; chỉ đạo, chỉ huy trong phòng thủ dân sự cấp độ 4 (Điều 28, Điều 29).

- Các biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh, các biện pháp khắc phục hậu quả thảm họa do chiến tranh gây ra (Điều 30, Điều 31).

- Hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố: Hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại; cứu trợ, hỗ trợ thiệt hại; huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ; các chính sách, biện pháp hỗ trợ trong phòng thủ dân sự cấp độ 4 (từ Điều 32 đến Điều 36).

c) Chương III - Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng phòng thủ dân sự (Điều 37 và Điều 38)

Dự thảo Luật quy định cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự là tổ chức phối hợp liên ngành về phòng thủ dân sự. Cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sựđược thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn. Việc hợp nhất này cũng được thực hiện tương ứng với cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự ở cấp bộ, ngành Trung ương và các cấp địa phương. Dự thảo Luật giao "Chính phủ quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của cơ quan chỉ đạo quốc giaphòng thủ dân sự; cơ quan chỉ huy

phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành; cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương".

Việc thành lập cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự trên cơ sở hợp nhất một số tổ chức liên ngành ở trung ương, địa phương là cần thiết, góp phần thu gọn đầu mối cơ quan có trách nhiệm ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; giải quyết vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành và nâng cao hiệu quả công tác phòng thủ dân sự; bảo đảm rõ trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý, giải quyết các vấn đề phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh. Quy định tại dự thảo luật thể hiện đúng chính sách đổi mới tổ chức của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (chính sách 4) đã được Quốc hội thông qua, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 11 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành ban hành kèm theo Quyết định số 34/2007/QĐ-TTgngày 12/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Chương IV - Quyền, nghĩa vụcủa cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự(từ Điều 39 đến Điều 42)

Chương này quy định về quyền và nghĩa vụ của cá nhân; tổ chức kinh tế; cơ quan, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng thủ dân sự tại Việt Nam.

đ) Chương V - Nguồn lực, chế độ, chính sách đối với người tham gia hoạt động phòng thủ dân sự(từ Điều 43 đến Điều 47)

Chương này quy định về tài chính, lực lượng, phương tiện, dự trữ cho phòng thủ dân sự: Quỹ Phòng thủ dân sự; chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ lực lượng phòng thủ dân sự; bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố.

Quỹ Phòng thủ dân sự được thành lập ở Trung ương và cấp tỉnh. Nguồn tài chính của quỹ phòng thủ dân sự được hình thành trên cơ sở hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và điều tiết từ các quỹ ngoài ngân sách có liên quan đến thảm họa, sự cố, bảo đảm quỹ phòng thủ dân sự hoạt động không chồng chéo, linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.Quy định Quỹ Phòng thủ dân sự là nội dung lớn của dự thảo Luật nhằm góp phần bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng khắc phục khó khăn do hậu quả của thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh.Dự thảo Luật quy định các vấn đề liên quan đếnQuỹ Phòng thủ dân sự, gồm: Địa vị pháp lý của Quỹ; nguồn tài chính của Quỹ; mục đích sử dụng;

nguyên tắc hoạt động của Quỹ.Đối với bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố, dự thảo Luật quy địnhđối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm, nguồn kinh phí, điều kiện đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

e) Chương VI -Quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự(từ Điều 48 đến Điều 69)

Chương này quy định nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự nói chung; trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; kiểm tra, thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; xử lý vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

g) Chương VII - Điều khoản thi hành (Điều 70, Điều 71)

Quy định bãi bỏ một số điều của luật có liên quan đến phòng thủ dân sự, thời điểm có hiệu lực và trách nhiệm thi hành Luật.

Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật Phòng thủ dân sự./.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu sau: (1) Dự thảo Luật Phòng thủ dân sự; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý và bản chụp ý kiến góp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương; (4) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật(5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật (6) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật;(7) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (8) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật; (9) Tài liệu khác: Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính; Nghị quyết số 95/NQ-CPngày 01/8/2022 của Chính phủ về phiênhọp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 07 năm 2022; Thông báo số 1506/TB-TTKQH ngày 30/9/2022 của Tổng Thư ký Quốc hội về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp thứ 15 đối với dự án Luật Phòng thủ dân sự;Báo cáo của Chính phủ tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 15 đối với dự án Luật Phòng thủ dân sự; Tài liệu khảo cứu pháp luật về phòng thủ dân sự một số nước trên thế giới.

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Đã ký

Đại tướng Phan Văn Giang

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Bộ: Quốc phòng, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: CN, KTTH, NC, NN, TCCV, KGVX, KSTT;
- Lưu: VT, PL 165

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 409/TTr-CP	*Hà Nội, ngày12 tháng10 năm 2022*

TỜ TRÌNHTÓM TẮT
Dự án Luật Phòng thủ dân sự

Kính gửi:Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Chính phủ đã có Tờ trình số 404/TTr-CP ngày 11/10/2022 trình Quốc hội dự án Luật Phòng thủ dân sự. Nội dung tóm tắt dự án Luật Phòng thủ dân sự như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị

Dự thảo Luật được xây dựng dựa trên 04 văn bản chỉ đạo sau:

- Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020đã yêu cầu: "*sau năm 2010 xây dựng mới các đạo luật về phòng thủ dân sự, giáo dục quốc phòng…*"

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị.

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo đã xác định nhiệm vụ trong thời gian tới là "*khẩn trương xây dựng Luật Phòng thủ dân sự… đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong tình hình mới*".

2. Cơ sở pháp lý

Phòng thủ dân sự có phạm vi rộng, bao gồm tổng thể các hoạt động chuẩn bị từ thời bình và khi có chiến tranh, thảm hoạ, sự cố xảy ra để chủ động bảo đảm an toàn, khắc phục thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước, của Nhân dân. Các quy định về phòng thủ dân sự liên quan đến quyền con người, quyền công dân và cần phải được quy định bằng văn bản luật để bảo đảm nguyên tắc hiến

định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013 *"Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"*.

3. Cơ sở thực tiễn

- Trong những năm qua, công tác phòng thủ dân sự từng bước được hoàn thiện về thể chế và tổ chức thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quảthảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, góp phần to lớn vào việc bảovệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, tạo môi trường ổn định phát triển kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ràng các biện pháp ứng phó theo cấp độ phòng thủ dân sự dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện.

-Thực tiễn công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thời gian quađã cho thấy cần phải có các biện pháp, hoạt động khi xã hội chuyển sang tình trạng khẩn cấp. Các biện pháp này cần được luật hoá để có cơ sở pháp lý và được thực hiện thống nhất, đồng bộ.

- Hệ thống tổ chứcchỉ đạo, chỉ huyứng phó, khắc phục các dạng thảm họa, sự cố ở các cấp hiện nay còn tồn tại nhiều mô hình tổ chức khác nhau, thiếu đồng bộ, dẫn đến công tác chỉ đạo, chỉ huy hiệu quả chưa cao.

-Tham khảo kinh nhiệm một số quốc gia trên thế giới cho thấy, các nướcđều rất coi trọng công tác phòng thủ dân sự và đã ban hành thành đạo luật riêng như: Nga, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Philippin, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore…

Từ các lý do nêu trên, việc xây dựng Luật Phòng thủ dân sựlà rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

a) Tạo khung pháp lý chung nhất cho việc phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, phòng, chống, khắc phụcthảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh nhằm bảo vệ cao nhất tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự.

b) Tăng cường các biện pháp phòng ngừa và bảo đảm tính chủ động trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ người dân, cơ quan, tổ chức, bảo vệ môi trường.

c) Nâng cao năng lực về phòng thủ dân sự, góp phần làm giảm thiểu thiệt hại do thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnhgây ra; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và từng bước hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

2. Quan điểm chỉ đạo

a) Thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

b) Tăng cường tính chủ động phòng ngừa, ứng phó có hiệu quả với thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy, tổ chức điều hành; bảo đảm các nguồn lực thực hiện; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

c) Kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về phòng thủ dân sự, đồng thời bổ sung những vấn đề mới để đáp ứng yêu cầu về phòng thủ dân sự.

d) Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức và hoạt động phòng thủ dân sự của một số nước phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật Phòng thủ dân sự được xây dựng theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự từ năm 2005 đến năm 2021, lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, báo cáo và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022.

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, soạn thảo, xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải công khai.

- Hồ sơ dự thảo Luật đã được Bộ Tư pháp thẩm định và Chính phủ thống nhất thông qua dự thảo Luật, trình Quốc hội.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật gồm 7 chương, 71 điều.

2. Nội dung cơ bản

Trên cơ sở các chính sách được thông qua, dự thảo Luật đượcxây dựng với các nội dung cơ bản sau đây:

a) Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 9)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự; chính sách của Nhà nước về phòng thủ dân sự; đánh giá mức độ rủi ro về thảm hoạ, sự cố; khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự; hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự; các hành vi bị nghiêm cấm.

b) Chương II - Hoạt động phòng thủ dân sự(từ Điều 10 đến Điều 36)

Chương này gồm có 6 mục, quy định các hoạt động phòng ngừa, ứng phó,

khắc phục các dạng thảm họa, sự cố.Trong đó quy định một số nội dung trọng tâmsau:

- Chiến lược quốc gia về phòng thủ dân sự (Điều 10), kế hoạch về phòng thủ dân sự (Điều 11), hệ thống công trình phòng thủ dân sự (Điều 12).

- Cấp độ phòng thủ được xác định thành 4 cấp từ thấp đến cao(Điều 21). Dự thảo Luật quy định thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự(Điều 22), thẩm quyền điều động, huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng thủ dân sự (Điều 23), phân công trách nhiệm phòng thủ dân sự (Điều 24);

- Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1, 2, 3 để làm cơ sở cho người có thẩm quyền tùy theo mức độ và tình hình thực tế để quyết định ban bố hoặc không ban bố cấp độ phòng thủ dân sự và có các biện pháp ứng phó kịp thời trên địa bàn quản lý (từ Điều 25 đến Điều 27).

- Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 4; Chỉ đạo, chỉ huy trong phòng thủ dân sự cấp độ 4(Điều 28, Điều 29).

- Các biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh, các biện pháp khắc phục hậu quả thảm họa do chiến tranh gây ra (Điều 30, Điều 31).

- Hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố: Hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; Tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại; Cứu trợ, hỗ trợ thiệt hại; Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ; Các chính sách, biện pháp hỗ trợ trong phòng thủ dân sự cấp độ 4(từ Điều 32 đến Điều 36).

c) Chương III - Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng phòng thủ dân sự (Điều 37 và Điều 38)

Dự thảo Luật quy định cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự là tổ chức phối hợp liên ngành về phòng thủ dân sự. Cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sựđược thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn. Việc hợp nhất này cũng được thực hiện tương ứng với cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự ở cấp Bộ, ngành Trung ương và các cấp địa phương. Dự thảo Luật giao "Chính phủ quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của cơ quan chỉ đạo quốc giaphòng thủ dân sự; cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành; cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương".

d) Chương IV - Quyền, nghĩa vụcủa cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự(từ Điều 39 đến Điều 42)

Chương này quy định về quyền và nghĩa vụ của cá nhân; tổ chức kinh tế; cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng thủ dân sự tại Việt Nam.

đ) Chương V - Nguồn lực, chế độ, chính sách đối với người tham gia hoạt động phòng thủ dân sự(từ Điều 43 đến Điều 47)

Chương này quy định về tài chính,lực lượng, phương tiện, dự trữ cho phòng thủ dân sự: Quỹ Phòng thủ dân sự; chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ lực lượng phòng thủ dân sự; bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố.

Quỹ Phòng thủ dân sự được thành lập ở Trung ương và cấp tỉnh. Nguồn tài chính của quỹ phòng thủ dân sự được hình thành trên cơ sở hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và điều tiết từ các quỹ ngoài ngân sách có liên quan đến phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố,thiên tai, dịch bệnh, môi trường bảo đảm quỹ phòng thủ dân sự hoạt động không chồng chéo, linh hoạt,hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Chương VI -Quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự(từ Điều 48 đến Điều 69)

Chương này quy định nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự nói chung; trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; kiểm tra, thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; xử lý vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

g) Chương VII - Điều khoản thi hành (Điều 70, Điều 71)

Quy định bãi bỏ một số điều của luật có liên quan đến phòng thủ dân sự, thời điểm có hiệu lực và trách nhiệm thi hành Luật.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự án Luật Phòng thủ dân sự, kính trình Quốc hộixem xét, cho ý kiến.

Xin trân trọng cảm ơn./.

DỰ THẢO

LUẬT
PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Năm 2022

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /20…/QH15

DỰ THẢO
(08.10.2022)

LUẬT
PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng thủ dân sự.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động phòng thủ dân sự, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phòng thủ dân sự, quản lý nhà nước và nguồn lực bảo đảm thực hiện phòng thủ dân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phòng thủ dân sự* là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân.

2. *Sự cố* là tình huống nguy hiểm, nghiêm trọng do thiên nhiên, dịch bệnh nguy hiểm hoặc do con người gây ra hoặc do hậu quả chiến tranh có nguy cơ dẫn tới thảm họa.

3. *Thảm họa* là biến động do thiên nhiên, dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng hoặc do con người gây ra hoặc do hậu quả chiến tranh làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường.

4. *Đối tượng dễ bị tổn thương* là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi từ thảm họa, sự cố so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo, người mất năng lực hành vi dân sự và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Hoạt động phòng thủ dân sự đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

3. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức; tăng cường phối hợp, hỗ trợ giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp trong thực hiện các hoạt động phòng thủ dân sự.

4. Phòng thủ dân sự phải được chuẩn bị từ trước khi xảy ra thảm họa, sự cố; thực hiện phương châm phòng là chính; chủ động ứng phó kịp thời và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố nhanh nhất.

5. Tăng cường, củng cố năng lực phòng thủ dân sự là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; kết hợp phòng thủ dân sự với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, tài sản của Nhân dân, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống và tiến bộ khoa học công nghệ trong phòng thủ dân sự.

7. Việc áp dụng các biện pháp, huy động nguồn lực trong phòng thủ dân sự phải bảo đảm tính hợp lý, khả thi, hiệu quả, tránh lãng phí và phù hợp với độ tuổi, giới tính, đối tượng dễ bị tổn thương.

8. Các hoạt động liên quan đến phòng thủ dân sự được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước trong phòng thủ dân sự

1. Huy động nguồn lực thực hiện công tác phòng thủ dân sự; mua sắm vật tư, trang thiết bị kỹ thuật và đầu tư xây dựng công trình phòng thủ dân sự.

2. Bảo vệ, hỗ trợ các đối tượng bị thiệt hại do thảm họa, sự cố, ưu tiên vùng thường xuyên chịu tác động của thảm họa, sự cố và đối tượng dễ bị tổn thương.

3. Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến và hiện đại vào hoạt động phòng thủ dân sự.

4. Nâng cao năng lực cho lực lượng phòng thủ dân sự, xây dựng lực lượng chuyên trách về tổ chức và trang bị hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường trang bị, phương tiện lưỡng dụng cho lực lượng vũ trang; tăng cường truyền thông, xã hội hóa các dịch vụ công và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động phòng thủ dân sự.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về phòng thủ dân sự.

Điều 5. Các dạng thảm họa, sự cố

1. Thảm họa, sự cố trong chiến tranh.

2. Thảm họa, sự cố do thiên nhiên, con người gây ra.

3. Các dạng thảm hoạ, sự cố khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Đánh giá mức độ rủi ro về thảm hoạ, sự cố

1. Đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố là cơ sở xây dựng kế hoạch, phương án và triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố làm căn cứ xác định cấp độ phòng thủ dân sự.

2. Các căn cứ để đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố gồm:

a) Phạm vi ảnh hưởng, khả năng lan rộng của thảm hoạ, sự cố;

b) Đặc điểm địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa bàn chịu ảnh hưởng của thảm họa, sự cố;

c) Diễn biến, khả năng gây thiệt hại và thiệt hại của thảm họa, sự cố;

d) Khả năng ứng phó với thảm họa, sự cố của chính quyền địa phương và lực lượng tham gia phòng thủ dân sự.

3. Người hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 22 của Luật này có trách nhiệm đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố làm cơ sở để quyết định ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3.

Điều 7. Khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự

1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến để đầu tư, xây dựng các công trình phòng thủ dân sự và công trình dân sinh, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố.

2. Xác định mức độ nguy hiểm của thảm họa, sự cố, dự báo, cảnh báo tình hình thảm họa, sự cố, chuẩn bị nguồn lực và thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả.

3. Ứng dụng công nghệ dữ liệu trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

Điều 8. Hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự

1. Nguyên tắc hợp tác quốc tế

a) Bảo đảm tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế hợp tác trong phòng thủ dân sự; chia sẻ kinh nghiệm tìm kiếm, cứu nạn;

c) Ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; phối hợp tìm kiếm, cứu nạn; hợp tác đầu tư, xây dựng, nâng cấp công trình phòng thủ dân sự.

2. Nội dung hợp tác quốc tế

a) Trao đổi thông tin, dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố;

b) Tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ thảm họa;

c) Cứu trợ nhân đạo;

d) Đào tạo, huấn luyện, diễn tập, đầu tư, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chống đối, cản trở, cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự của cơ quan hoặc người có thẩm quyền; từ chối tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong trường hợp điều kiện thực tế cho phép.

2. Sử dụng trang thiết bị phòng thủ dân sự không đúng mục đích hoạt động phòng thủ dân sự.

3. Gây thảm họa, sự cố làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe con người; gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, Nhân dân, cơ quan, tổ chức và môi trường; nền kinh tế quốc dân.

4. Tạo chướng ngại vật nguy hiểm, cản trở hoặc chống lại người thi hành nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

5. Làm hư hỏng, phá hủy, trộm cắp trang thiết bị, công trình phòng thủ dân sự.

6. Xây dựng công trình làm giảm hoặc mất tác dụng của công trình phòng thủ dân sự; xây dựng trái phép công trình trong phạm vi quy hoạch công trình phòng thủ dân sự, công trình phòng thủ dân sự hiện có.

7. Khai thác, sử dụng không đúng công năng của công trình phòng thủ dân sự.

8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về phòng thủ dân sự; bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

9. Lợi dụng hoạt động phòng thủ dân sự để xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Mục 1
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ KHI TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG

Điều 10. Xây dựng Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự

1. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự được xây dựng theo chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 20 năm và được cập nhật, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc khi có thảm họa, chiến tranh.

2. Cơ sở xây dựng chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng thủ dân sự, phòng thủ đất nước và phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Thực tiễn hoạt động phòng thủ dân sự của quốc gia;

c) Kết quả xác định, đánh giá, phân vùng có nguy cơ thảm họa, sự cố;

d) Nguồn lực cho hoạt động phòng thủ dân sự.

3. Nội dung chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự gồm: Quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, dự án trọng điểm và việc tổ chức thực hiện phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước.

4. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự.

Điều 11. Xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự

1. Kế hoạch phòng thủ dân sự các cấp được xây dựng theo chu kỳ 05 năm và được điều chỉnh hằng năm khi cần thiết.

2. Nội dung Kế hoạch phòng thủ dân sự:

a) Đánh giá, cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, tình hình phát triển của các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng trên quy mô toàn quốc;

b) Dự báo các tình huống thảm họa, sự cố có thể xảy ra;

c) Xác định các biện pháp có thể được áp dụng tương ứng với từng cấp độ phòng thủ dân sự;

d) Xác định nội dung phòng thủ dân sự cần lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc địa phương;

đ) Xác định nguồn lực và tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng thủ dân sự;

e) Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Xây dựng, ban hành Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia

a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và địa phương xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

b) Hằng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách, vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự, phối hợp với bộ, ngành có liên quan điều chỉnh Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

4. Cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự cấp Bộ căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch phòng thủ dân sự cấp bộ.

5. Cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương các cấp căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia, kế hoạch phòng thủ dân sự cấp trên chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ban hành kế hoạch phòng thủ dân sự của cấp mình.

Điều 12. Xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự

1. Công trình phòng thủ dân sự là công trình do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố.

2. Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm: Hệ thống cảnh báo, thông báo, báo động; công trình trú ẩn cho nhân dân; công trình đê điều; khu neo đậu tầu thuyền tránh trú bão; hệ thống kho dự trữ quốc gia; công trình bảo vệ, cất giữ lương thực, thực phẩm, thuốc, vật tư; công trình cất giữ phương tiện phòng thủ dân sự; công trình bảo đảm cho nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự.

3. Xây dựng công trình phòng thủ dân sự

a) Xây dựng công trình phòng thủ dân sự ở từng cấp phải gắn với thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ, đảm bảo kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; triệt để tận dụng các hang động, địa hình, công trình nửa ngầm, công trình

đường hầm, công trình ngầm làm hầm trú ẩn cho Nhân dân, cơ quan, tổ chức;

b) Việc thẩm định, phê duyệt, kế hoạch xây dựng công trình phòng thủ dân sự được thực hiện theo quy định của Chính phủ về khu vực phòng thủ và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo công trình, hạ tầng kỹ thuật liên quan đến phòng thủ dân sự phải bảo đảm yêu cầu hạn chế đến mức thấp nguy cơ rủi ro thảm họa, sự cố và bảo đảm tính ổn định của công trình trước thảm họa, sự cố; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng, quy hoạch;

d) Nhà nước có chính sách để nhà đầu tư trong và ngoài nước xây dựng công trình ngầm bảo đảm tính lưỡng dụng.

Điều 13. Trang bị phòng thủ dân sự

1. Trang bị phòng thủ dân sự bao gồm các loại phương tiện, thiết bị, vật tư bảo đảm cho hoạt động phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố.

2. Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục trang bị phòng thủ dân sự; hướng dẫn việc sản xuất, dự trữ, sử dụng trang bị phòng thủ dân sự.

Điều 14. Theo dõi, giám sát nguy cơ, thông tin về thảm họa, sự cố

1. Theo dõi, giám sát các nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố gồm các hoạt động sau:

a) Điều tra, khảo sát, quan trắc, cập nhật, tổng hợp, xử lý thông tin và dự báo về nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố;

b) Nghiên cứu, phân tích các dạng thảm hoạ, sự cố có thể xảy ra trên địa bàn; lập bản đồ phân vùng rủi ro để theo dõi, giám sát;

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, liên thông và bảo đảm thông tin cho chính quyền các cấp và Nhân dân.

2. Thông tin về thảm họa, sự cố

a) Thông tin liên quan về thảm họa, sự cố phải được báo cáo kịp thời cơ quan có thẩm quyền và được thông báo rộng rãi đến cơ quan, tổ chức và Nhân dân;

b) Sử dụng chung 01 số điện thoại phục vụ thông tin về thảm họa, sự cố trên phạm vi toàn quốc.

Điều 15. Tuyên truyền, giáo dục về phòng thủ dân sự

1. Công dân được tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng thủ dân sự; trang bị kiến thức về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về phòng thủ dân sự được đưa vào môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức tuyên truyền, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao nhận thức về phòng thủ dân sự.

Điều 16. Đào tạo, huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự

1. Đào tạo, huấn luyện phòng thủ dân sự

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định nội dung, thời gian đào tạo, huấn luyện phòng thủ dân sự của lực lượng vũ trang;

b) Bộ trưởng của bộ có lực lượng chuyên trách về phòng thủ dân sự quy định nội dung, thời gian đào tạo, huấn luyện phòng thủ dân sự cho lực lượng do bộ mình quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung, thời gian đào tạo, huấn luyện phòng thủ dân sự cho lực lượng kiêm nhiệm tại địa phương.

2. Diễn tập phòng thủ dân sự

a) Cơ quan quân sự các cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung phòng thủ dân sự;

b) Các bộ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các địa phương trên địa bàn thực hiện diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của địa phương.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ KHI CÓ NGUY CƠ XẢY RA THẢM HỌA, SỰ CỐ

Điều 17. Thông tin khi có nguy cơ thảm họa, sự cố

1. Thông tin về nguy cơ thảm họa, sự cố phải kịp thời, chính xác, được chuyển tải bằng ngôn ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ khác phù hợp với đối tượng dễ bị tổn thương; trong trường hợp cần thiết được chuyển tải bằng tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài.

2. Thông tin về nguy cơ thảm họa, sự cố được truyền tải bằng nhiều hình thức phù hợp với từng loại đối tượng.

3. Nội dung chính của bản tin dự báo, cảnh báo thảm hoạ, sự cố bao gồm: Loại thảm họa, sự cố; cường độ, cấp độ thảm họa, sự cố; dự kiến khu vực ảnh hưởng và dự báo diễn biến của thảm họa, sự cố.

Điều 18. Các biện pháp được áp dụng khi có nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố

Căn cứ vào dự báo nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố của cơ quan chức năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được áp dụng các biện pháp sau:

1. Sơ tán người dân, phân tán tài sản của Nhà nước và Nhân dân đến khu vực an toàn; bảo đảm trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân, lương thực thực phẩm, nước uống và các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người dân tại khu vực sơ tán;

2. Ngăn không cho người dân vào khu vực có nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố;

3. Ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng chuyên trách tiếp cận hiện trường để kịp thời tiến hành các biện pháp ứng phó với thảm họa, sự cố.

4. Tạm dừng một số hoạt động làm tăng nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố hoặc giảm hiệu quả các biện pháp ứng phó.

Điều 19. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện

1. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch, xây dựng phương án huy động lực lượng, phương tiện để ứng phó thảm hoạ, sự cố.

2. Kiểm tra trang bị, phương tiện, vật tư hiện có; bổ sung trang bị, phương tiện, vật tư cho các khu vực trọng yếu.

3. Rà soát, chuẩn bị vật chất đảm bảo, các khu vực tập kết, tránh trú cho người dân.

4. Tăng cường bảo đảm thông tin liên lạc cho các lực lượng ở nơi có nguy cơ cao. Chuẩn bị tiếp nhận nhân lực, cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin.

5. Các đơn vị tăng cường lực lượng trực, triển khai trước một bộ phận ở khu vực có nguy cơ cao để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

Điều 20. Hoạt động chỉ đạo, điều hành

1. Căn cứ thông tin về thảm họa, sự cố và kết quả đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xác định cấp độ phòng thủ dân sự để tổ chức chỉ đạo, điều hành và áp dụng biện pháp phù hợp với khả năng của địa phương. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự và Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương chuẩn bị phương án ứng phó; phân công cán bộ kiểm tra địa bàn có nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố.

3. Tăng cường các biện pháp theo dõi, giám sát nguy cơ xảy ra thảm hoạ, sự cố; nắm chắc diễn biến tình hình; thông báo cho các lực lượng, người dân tin tức có liên quan.

4. Bổ sung lực lượng, sẵn sàng triển khai sở chỉ huy tại chỗ, chỉ đạo trực tiếp khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.

5. Kiểm tra khu vực sơ tán, khu tập kết để sẵn sàng sử dụng khi chuyển lên cấp độ phòng thủ dân sự cao hơn.

Mục 3
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ KHI XẢY RA THẢM HỌA, SỰ CỐ

Điều 21. Cấp độ phòng thủ dân sự

1. Cấp độ phòng thủ dân sự là hoạt động của các cấp chính quyền, lực lượng phòng thủ dân sự và người dân trong việc ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; làm cơ sở để xác định trách nhiệm, biện pháp, nguồn lực của các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc ứng phó, khắc phục hậu quả thảm hoạ, sự cố.

2. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2, Điều 5 và Điều 6 của Luật này, cấp độ phòng thủ dân sự được quy định thành 04 cấp như sau:

a) Phòng thủ dân sự cấp độ 1 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố trên một khu vực nhất định trong phạm vi địa bàn cấp huyện, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, không có khả năng lan sang địa phương khác;

b) Phòng thủ dân sự cấp độ 2 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố trên một khu vực nhất định trong phạm vi địa bàn cấp tỉnh, không có khả năng lan sang địa phương khác;

c) Phòng thủ dân sự cấp độ 3 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố trên địa bàn một hoặc một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có khả năng lan rộng;

d) Phòng thủ dân sự cấp độ 4 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố trong tình trạng khẩn cấp.

Điều 22. Thẩm quyền ban bố, công bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 1 trên địa bàn quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 2 trên địa bàn quản lý.

3. Thủ tướng Chính phủ ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 3.

4. Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp, các địa phương được đặt trong tình trạng khẩn cấp thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 4.

5. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự cấp độ 1, cấp độ 2 và cấp độ 3.

Điều 23. Thẩm quyền điều động, huy động lực lượng, phương tiện

1. Bộ trưởng quyết định điều động, huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang bị thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật để ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều động, huy động lực lượng của các ban, ngành, đoàn thể và người dân, các loại vật tư, phương tiện, trang bị của địa phương thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật để ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

3. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố thì Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo, đề nghị cấp trên, các cơ quan liên quan hỗ trợ.

4. Trường hợp khẩn cấp được huy động người, vật tư, phương tiện để triển khai các biện pháp phòng thủ dân sự. Vật tư, phương tiện được huy động để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ; trường hợp bị thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp khẩn cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi xảy ra thảm họa, sự cố đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, giúp đỡ để ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

Điều 24. Phân công, phân cấp trách nhiệm phòng thủ dân sự

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ huy các lực lượng, phương tiện tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thảm họa, sự cố xảy ra trên địa bàn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trực tiếp chỉ huy các lực lượng, phương tiện trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 1.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các lực lượng, phương tiện trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 2.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các lực lượng thuộc quyền thực hiện phòng thủ dân sự trên các vùng biển Việt Nam không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 3.

Điều 25. Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã, cấp huyện căn cứ mức độ, tình hình thực tế ngoài các biện pháp đã được quy định trong luật khác, có quyền quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

1. Tiếp tục khẩn trương sơ tán người dân, phân tán tài sản của Nhà nước và Nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm.

2. Bảo đảm trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân, lương thực thực phẩm, nước uống và các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người trong khu vực xảy ra thảm họa, sự cố.

3. Ưu tiên chuyên chở vật tư, trang bị, lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu đến khu vực bị thảm họa, sự cố.

4. Cấm người, phương tiện không có nhiệm vụ vào những khu vực nguy hiểm; đặt biển báo hiệu, trạm gác và hướng dẫn việc di chuyển tránh khu vực nguy hiểm.

5. Tăng cường các biện pháp phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an ninh trật tự.

6. Tổ chức hoạt động tiêu tẩy, khử độc, khử khuẩn.

7. Huy động các nguồn lực tăng cường bảo vệ công trình phòng thủ dân sự đang bị sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra nguy hiểm.

Điều 26. Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 2

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức độ, tình hình thực tế ngoài các biện pháp đã được quy định trong luật chuyên ngành có quyền quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:

1. Khuyến nghị thực hiện giãn cách xã hội căn cứ theo mức độ nguy cơ với từng khu vực trên địa bàn.

2. Khuyến nghị chuyển đổi hình thức hoặc tạm dừng hoạt động trường học, hoạt động công cộng, cơ sở vui chơi, giải trí, tập trung đông người, các hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu.

3. Hạn chế tổ chức lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa nghệ thuật, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn.

4. Tăng cường kiểm soát các hoạt động giao thông làm gia tăng rủi ro đối với tính mạng, sức khỏe người dân.

5. Áp dụng các quy định đặc biệt về thông tin liên lạc và sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc.

Điều 27. Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 3

Người đứng đầu cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự căn cứ mức độ, tình hình thực tế quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp sau:

1. Áp dụng một số biện pháp cách ly tập trung, giãn cách xã hội căn cứ theo mức độ nguy cơ với từng khu vực trên địa bàn.

2. Hạn chế hoặc tạm dừng một số hoặc tất cả hoạt động trường học, hoạt động công cộng, cơ sở vui chơi, giải trí, tập trung đông người, các hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu.

3. Hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa nghệ thuật, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn chưa cần thiết.

4. Hạn chế hoặc tạm dừng việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh nếu thấy cần thiết để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

5. Hạn chế hoặc tạm dừng các chuyến vận chuyển thông thường bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ ra vào địa bàn xảy ra thảm họa, sự cố.

6. Tạm dừng tiếp nhận trực tiếp hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

Mục 4
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 28. Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 4

1. Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 4 bao gồm:

a) Giãn cách xã hội, cách ly tập trung người đi và đến từ khu vực xảy ra thảm họa;

b) Hỗ trợ an sinh xã hội tại các vùng dịch, khu vực cách ly, chia cắt ở khu vực xảy ra thảm họa;

c) Xử lý khẩn cấp thi thể, ổn định tâm lý của người dân trong khu vực xảy ra thảm họa;

d) Dừng hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở khu vực xảy ra thảm họa.

2. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, người chỉ huy đơn vị quân đội được giao quản lý địa phương thiết quân luật nơi ban bố tình trạng khẩn cấp căn cứ tình hình thực tế quyết định áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 25, Điều 26 và Điều 27 của Luật này, quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp và một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Chỉ đạo, chỉ huy trong phòng thủ dân sự cấp độ 4

1. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp nơi ban bố tình trạng khẩn cấp thực hiện triển khai các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 4 quy định tại Điều 28 của Luật này.

2. Tại các địa bàn thực hiện lệnh thiết quân luật, người chỉ huy đơn vị quân đội được giao quản lý địa phương thiết quân luật chủ trì, triển khai các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 4 trong phạm vi quản lý.

Mục 5
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ TRONG TÌNH TRẠNG CHIẾN TRANH

Điều 30. Các biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh

1. Triển khai hệ thống đài quan sát, thông báo, báo động và cảnh báo.

2. Tổ chức sơ tán, phân tán người và tài sản của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

3. Cất giấu phương tiện, trang bị vào các công trình ngầm, hang, động.

4. Dự trữ lương thực, thực phẩm và nước uống.

5. Xây dựng bổ sung hầm ẩn nấp, công trình ngầm, công trình phòng, tránh kết hợp với ngụy trang, nghi binh; triển khai mục tiêu giả, hạn chế ánh sáng, tiếng động vào ban đêm.

6. Các cơ quan, đơn vị Quân đội và lực lượng Dân quân tự vệ tổ chức áp dụng các biện pháp khắc phục, vô hiệu hóa vũ khí hủy diệt lớn của địch.

7. Huy động lực lượng, phương tiện ở các cấp tiến hành các biện pháp khẩn cấp, kịp thời cứu chữa và đưa người ra khỏi khu vực xảy ra thảm họa.

Điều 31. Các biện pháp khắc phục hậu quả thảm họa do chiến tranh gây ra

1. Tổ chức lực lượng cứu sập, cứu thương vận chuyển, điều trị người bị

thương, nhiễm độc, nhiễm xạ; tiêu tẩy, tiêu độc; dự trữ, vô trùng nước; các biện pháp nhằm hạn chế, cách ly và chống các tác nhân sinh học trong khu vực bị nhiễm độc, nhiễm xạ.

2. Đánh giá, thống kê thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ, sửa chữa các công trình bị hư hỏng, bảo vệ an ninh, phòng, chống dịch bệnh.

3. Khắc phục hậu quả môi trường, nhanh chóng khôi phục sản xuất, thực hiện tốt công tác chính sách, bảo đảm đời sống Nhân dân và duy trì mọi hoạt động của xã hội.

Mục 6
KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THẢM HỌA, SỰ CỐ

Điều 32. Hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố

1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu hộ,cứu nạn, hỗ trợ nhu yếu phẩm thiết yếu đảm bảo đời sống của người dân.

2. Khắc phục, sửa chữa cơ sở hạ tầng công cộng thiết yếu.

3. Khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

4. Tổ chức thống kê thiệt hại, thực hiện các biện pháp, chính sách hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội.

Điều 33. Tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra trong phạm vi lĩnh vực quản lý, gửi cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp có trách nhiệm tổng hợp, thống kê thiệt hại trên địa bàn quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm kiểm tra kết quả đánh giá thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra của cấp dưới; tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra trong phạm vi địa bàn quản lý và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kết quả đánh giá thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra tại địa phương mình gửi cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 34. Cứu trợ, hỗ trợ thiệt hại

1. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào tình hình thiệt hại được xác định

tại Điều 33 của Luật này và mức độ thảm họa, sự cố ở địa phương xây dựng kế hoạch cứu trợ, hỗ trợ thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra trên địa bàn quản lý.

2. Kế hoạch cứu trợ, hỗ trợ thiệt hại phải xác định cụ thể các đối tượng cần cứu trợ khẩn cấp, đối tượng được hỗ trợ trung hạn, đối tượng được hỗ trợ dài hạn và xác định, bố trí nguồn lực để thực hiện việc cứu trợ, hỗ trợ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 35. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

1. Việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ để khắc phục hậu quả thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Tuân theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm công bằng, công khai và tránh trùng lặp;

c) Căn cứ vào mức độ thiệt hại;

d) Có sự phối hợp với chính quyền địa phương nơi có đối tượng được cứu trợ, hỗ trợ;

đ) Việc cứu trợ, hỗ trợ cần tập trung đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng bởi thảm họa, sự cố, nhất là đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Thẩm quyền huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ:

a) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp huy động nguồn lực của Nhà nước theo thẩm quyền để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về dự trữ quốc gia;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam các cấp vận động quyên góp và phân bổ nguồn lực để cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức, cá nhân được phép quyên góp từ cộng đồng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 36. Các chính sách, biện pháp hỗ trợ trong phòng thủ dân sự cấp độ 4

1. Chính phủ kịp thời báo cáo, đề xuất với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao Chính phủ quyết định, ban hành chính sách, biện pháp hỗ trợ an sinh xã hội, lao động việc làm; thuế; tài chính; thủ tục hành chính; đầu tư, kinh doanh;

xuất nhập cảnh và các lĩnh vực cần thiết khác; quyết định các biện pháp đặc biệt hỗ trợ, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn kịp thời ban hành các biện pháp hỗ trợ, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

Chương III
CƠ QUAN CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY, LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 37. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự

1. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự là tổ chức phối hợp liên ngành về phòng thủ dân sự.

2. Cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn.

3. Cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ.

4. Cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương được thành lập ở các cấp chính quyền địa phương trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương.

5. Chính phủ quy định cụ thể về cơ quan thường trực, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự; cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ; cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương.

Điều 38. Lực lượng phòng thủ dân sự

1. Lực lượng nòng cốt gồm Dân quân tự vệ, dân phòng; Công an xã, phường, thị trấn; lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và các Bộ, địa phương.

2. Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia.

Chương IV
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân

1. Cá nhân có quyền sau đây:

a) Tiếp cận thông tin về thảm họa, sự cố do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Tham gia hoạt động diễn tập phòng thủ dân sự;

c) Tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố khi được huy động; được bồi thường, hoàn trả vật tư, phương tiện theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản; hưởng tiền công lao động khi tham gia phòng thủ dân sự theo lệnh huy động của người có thẩm quyền; nếu bị thương, bị chết được xem xét, hưởng chế độ, chính sách như đối với thương binh, liệt sỹ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

d) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do thảm họa, sự cố theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự theo kế hoạch của địa phương;

b) Chủ động trang bị thiết bị để tiếp nhận bản tin dự báo, cảnh báo và sự chỉ đạo, của cơ quan chức năng;

c) Chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện để đảm bảo an toàn trước thảm họa, sự cố;

d) Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình khi thảm họa, sự cố xảy ra; tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng, chống thảm họa, sự cố;

đ) Chấp hành sự hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra khỏi hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm;

e) Chấp hành quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ hoạt động ứng phó khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền;

g) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc;

h) Thông báo đến cơ quan, người có thẩm quyền khi phát hiện sự cố hoặc hành vi gây mất an toàn cho công trình phòng thủ dân sự và tham gia các hoạt động bảo đảm an toàn cho công trình;

i) Cung cấp thông tin về diễn biến thảm họa, sự cố, thiệt hại do thảm họa, sự cố cho cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi nhận biết của mình;

k) Chủ động giúp đỡ người bị thiệt hại do thảm họa, sự cố tại địa phương.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế

1. Tổ chức kinh tế có quyền sau đây:

a) Được hoàn trả hoặc bồi thường vật tư, phương tiện bị hư hỏng trong quá trình huy động làm nhiệm vụ;

b) Tham gia đầu tư dự án xây dựng công trình phòng thủ dân sự và được

khai thác lợi ích do việc đầu tư mang lại theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức kinh tế trong phạm vi quản lý có nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo vệ công trình, cơ sở vật chất, tổ chức sản xuất, kinh doanh bảo đảm an toàn;

b) Xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố;

c) Tham gia chương trình thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng thủ dân sự; nâng cao kiến thức về phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố; tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố;

d) Chấp hành sự hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố;

đ) Chấp hành lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ hoạt động phòng thủ dân sự;

e) Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý;

g) Tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố tại địa phương trong phạm vi quản lý.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp

1. Cơ quan, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố có quyền sau đây:

a) Tiếp cận thông tin về phòng thủ dân sự do các cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Được hoàn trả hoặc bồi thường vật tư, phương tiện bị hư hỏng trong quá trình huy động làm nhiệm vụ;

c) Tham gia xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự tại địa phương;

d) Tham gia thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng thủ dân sự; nâng cao kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố phù hợp với điều kiện cụ thể;

đ) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do thảm họa, sự cố theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, vận động người dân và thành viên trong tổ chức mình chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự;

b) Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý bảo đảm an toàn trước thảm họa, sự cố;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố;

d) Tuân thủ quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động phòng thủ dân sự;

đ) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng thủ dân sự tại Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố tại Việt Nam có quyền sau đây:

a) Được miễn thuế, lệ phí về nhập khẩu, xuất khẩu đối với phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động cứu trợ khẩn cấp, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định của pháp luật;

b) Được ưu tiên về thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh; thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu đối với phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ;

c) Được ưu tiên về thủ tục đăng ký cư trú.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố tại Việt Nam có nghĩa vụ sau đây:

a) Đăng ký hoạt động với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

b) Hoạt động đúng mục đích đã đăng ký, tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Chương V
NGUỒN LỰC, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Mục 1
NGUỒN LỰC CHO PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 43. Tài chính, lực lượng, phương tiện, dữ trữ cho phòng thủ dân sự

1. Nhà nước có chính sách, kế hoạch xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, ưu tiên thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để bảo đảm cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

2. Nguồn tài chính cho phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Quỹ phòng thủ dân sự.

c) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân;

d) Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về phòng thủ dân sự. Tổ chức kinh tế bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Tài sản phục vụ phòng thủ dân sự là tài sản công do Nhà nước thống nhất quản lý và bảo đảm bao gồm:

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang bao gồm tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý về quốc phòng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tài sản trưng mua, trưng dụng, huy động và tài sản khác được Nhà nước giao cho các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang quản lý phục vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

5. Nhà nước có kế hoạch xây dựng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho phòng thủ dân sự. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho phòng thủ dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

Điều 44. Quỹ phòng thủ dân sự

1. Quỹ phòng thủ dân sự là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở Trung ương và cấp tỉnh để huy động các nguồn lực xã hội cho hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.

Quỹ phòng thủ dân sự được hình thành trên cơ sở điều tiết từ các quỹ ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự.

2. Quỹ phòng thủ dân sự được sử dụng để hỗ trợ hoạt động phòng thủ dân sự và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động sau đây:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thảm họa, sự cố;

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, làm nhà ở, cơ sở y tế, trường học.

3. Nguồn tài chính của Quỹ phòng thủ dân sự:

a) Nguồn tài chính của Quỹ phòng thủ dân sự Trung ương bao gồm hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và điều tiết từ các quỹ ngoài ngân sách có liên quan đến thảm họa, sự cố;

b) Nguồn tài chính của Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh bao gồm hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; điều tiết từ Quỹ phòng thủ dân sự Trung ương và các quỹ ngoài ngân sách có liên quan đến thảm họa, sự cố.

4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ phòng thủ dân sự:

a) Không vì mục đích lợi nhuận;

b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Hỗ trợ cho các hoạt động phòng thủ dân sự mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng thủ dân sự; điều tiết từ các quỹ ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự.

Mục 2
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 45. Chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự

1. Người làm nhiệm vụ trực thường xuyên tại cơ quan thường trực cơ quan chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự, cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ, cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp địa phương được hưởng chế độ khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Người được điều động, huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng trợ cấp; khi ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí, trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 46. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng thủ dân sự

1. Cơ quan, tổ chức, công dân tham gia , phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng th ủ dân sự có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài

sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Người được huy động tham gia nhiệm vụ phòng thủ dân sự bị thương, chết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có đủ điều kiện, được xem xét công nhận là liệt sỹ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 47. Bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố

1. Bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố là loại hình bảo hiểm cho đối tượng chịu ảnh hưởng của thảm họa, sự cố; thực hiện bồi thường bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm được thực hiện phù hợp với khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, thông qua việc hỗ trợ phí bảo hiểm cho một số tổ chức, cá nhân tại khu vực thường xuyên xảy ra thảm họa, sự cố nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ.

3. Kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được bảo đảm từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và từ Quỹ phòng thủ dân sự.

4. Doanh nghiệp cung cấp bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố phải đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 48. Nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự

1. Nội dung quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án về phòng thủ dân sự;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng thủ dân sự;

d) Chỉ đạo, điều hành phòng thủ dân sự;

đ) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập, xây dựng lực lượng, trang bị, phương tiện, công trình phòng thủ dân sự;

e) Quy định và hướng dẫn bảo đảm ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự;

g) Thẩm định, phê duyệt các dự án, thiết kế và nghiệm thu công trình xây dựng về phòng thủ dân sự;

h) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng thủ dân sự;

i) Hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự;

k) Kiểm tra, thanh tra nhà nước về phòng thủ dân sự;

l) Tổ chức thống kê nhà nước về phòng thủ dân sự;

m) Sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm về phòng thủ dân sự.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự trong phạm vi cả nước;

b) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự;

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự thuộc phạm vi lĩnh vực được phân công trên phạm vi cả nước; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố thuộc phạm vi quản lý.

d) Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự tại địa phương.

Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

b) Trình cấp có thẩm quyền tổ chức lại các tổ chức phối hợp liên ngành tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các vấn đề liên ngành về phòng thủ dân sựtheo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia; tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch quốc gia; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, bảo đảm phương tiện, vật tư thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước.

d) Xây dựng nội dung, chương trình giáo dục, huấn luyện, diễn tập, bồi

dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng nòng cốt, cán bộ, đảng viên, công chức, học sinh, sinh viên, học viên và toàn dân trên lĩnh vực được phân công.

đ) Xây dựng các công trình phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan xây dựng Kế hoạch cấp quốc gia về phòng thủ dân sự theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

3. Phối hợp với các bộ liên quan xây dựng, thẩm định kế hoạch phòng thủ dân sự.

4. Tổ chức nghiên cứu, phổ biến ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng thủ dân sự.

5. Thực hiện nhiệm vụ là đầu mối hợp tác quốc tế phòng thủ dân sự. Trình Chính phủ về việc tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế về hoạt động phòng thủ dân sự; thực hiện các hoạt động quốc tế liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự theo thẩm quyền.

6. Tổ chức thống kê, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về hoạt động phòng thủ dân sự.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội về phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ có liên quan và chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong vùng, khu vực xảy ra thảm họa, sự cố.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Kế hoạch cấp quốc gia ứng phó sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư; ứng phó sự cố an ninh mạng; quản lý và sử dụng lực lượng Công an chuyên trách làm nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

4. Chỉ đạo lực lượng Công an xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự trong Công an nhân dân; phối hợp với các lực lượng vũ trang và đơn vị liên quan tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng, ứng phó thảm họa, sự cố, tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

5. Chủ trì nghiên cứu nắm tình hình, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống đối lợi dụng thảm họa, sự cố để kích động, chống phá; trao đổi thông tin cho các bộ, địa phương tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nhận thức, phòng tránh.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm nhẹ hậu quả thảm họa, sự cố do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch cấp quốc gia: Ứng phó sự cố vỡ đê, hồ, đập; sự cố cháy rừng; bão, áp thấp, lũ, lụt; lũ quét, lũ ống, sạt, lở đất đá và các loại hình thiên tai khác.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm giao thông trong phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị, phương tiện, vật tư vận tải trong phạm vi phụ trách để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự. Khi xảy ra thảm họa, sự cố, chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức lực lượng, phương tiện sơ tán người dân, tìm kiếm, cứu nạn theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Y tế, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cấp quốc gia: Ứng phó tai nạn tầu, thuyền trên biển; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng; tai nạn máy bay xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam. Triển khai kế hoạch, phương án sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn; điều hành các đội tìm kiếm, cứu nạn thuộc ngành giao thông vận tải; khi xảy ra sự cố chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức các đội vận tải để sơ tán người dân, phương tiện đến khu vực an toàn, tiếp tế hậu cần, chuyển thương.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao trong việc cấp phép và phối hợp với lực lượng, phương tiện của nước ngoài thực hiện tìm kiếm, cứu nạn khi xảy ra thảm họa, sự cố.

Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán chi thường xuyên hàng năm để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức điều hành việc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp kịp thời, đầy đủ hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác phòng thủ dân sự khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ có liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng các công trình, xây dựng tầng hầm thuộc các nhà cao tầng, dự án đầu tư theo các yêu cầu về phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố sập đổ công trình xây dựng.

3. Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc quyền phối hợp với các địa phương trên địa bàn đứng chân tổ chức các đội ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng dự án công trình phòng thủ dân sự ở từng cấp, từng địa phương đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về y tế trong phòng thủ dân sự.

2. Thông báo tình hình dịch bệnh, mức độ ảnh hưởng và biện pháp phòng chống dịch bệnh.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các địa phương, các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về xây dựng, huấn luyện lực lượng huy động ngành y tế.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng quy hoạch hệ thống các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y ở khu vực biên giới, trên biển, đảo; tăng cường năng lực hệ thống y tế cho hoạt động phòng thủ dân sự.

5. Phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế thanh toán chi phí khám

bệnh, chữa bệnh, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm khi xảy ra thảm họa, sự cố.

6. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất chủ trương đầu tư cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y ở khu vực biên giới, trên biển, đảo theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố về môi trường. Chỉ đạo và điều phối việc tổ chức kiểm tra, xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn liên tỉnh, liên quốc gia, hướng dẫn việc xác định thiệt hại và việc tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ có liên quan xây dựng trung tâm nghiên cứu, hệ thống dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố do thiên nhiên, môi trường liên quan đến phòng thủ dân sự.

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, tai biến địa chất.

4. Chỉ đạo thực hiện dự báo, cảnh báo, cung cấp đầy đủ, kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo sự cố, thiên tai liên quan đến địa chất, khí tượng, thủy văn, hải văn cho Ban chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự, các bộ, ngành, địa phương và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

5. Chỉ đạo việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm thông tin trong phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương có liên quan thống nhất quy định các tần số trực canh, cấp cứu khẩn cấp; quy định về thông tin liên lạc vô tuyến, ưu tiên bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ việc chỉ đạo, điều hành trong công tác phòng thủ dân sự; xây dựng kế hoạch đảm bảo quyềnưu tiên sử dụng tần số các phương tiện thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực phòng thủ dân sự.

3. Quy định, hướng dẫn số điện thoại thống nhất trên phạm vi toàn quốc phục vụ thông tin về thảm họa, sự cố.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng

mạng thông tin liên lạc, thông báo, báo động giữa các đài quan sát, trạm quan sát, trung tâm nghiên cứu với cơ quan thường trực phòng thủ dân sự các cấp theo quy định.

5. Phối hợp với Bộ Công an tuyên truyền cho nhân dân nhận thức, cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống đối lợi dụng thảm họa, sự cố để kích động chống phá.

6. Phối hợp với Bộ Khoa học công nghệ và các bộ ngành liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ trong phòng thủ dân sự, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

7. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng thủ dân sự theo quy định.

Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự, bảo đảm an toàn các công trình thủy điện thuộc phạm vi quản lý.

2. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, khai thác điện nguyên tử, khoáng sản, hóa chất độc hại, vật liệu nổ công nghiệp để hạn chế nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố trong lĩnh vực công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc xuất nhập khẩu các loại hóa chất độc hại, gây nguy hiểm.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ có liên quan chỉ đạo và hướng dẫn việc xử lý các vụ nổ, sập hầm lò ở các cơ sở sản xuất, khai thác điện nguyên tử, than, xăng, dầu mỏ, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan xây dựng Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu, hóa chất độc, khí, sự cố sập đổ hầm lò khai thác khoáng sản; hướng dẫn các địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và chuẩn bị lực lượng, phương tiện thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất độc theo quy định.

5. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch dự trữ nguồn năng lượng để duy trì các hoạt động quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và phục vụ nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

6. Ổn định giá cả thị trường, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho người dân trong vùng xảy ra thảm họa, sự cố và khi có chiến tranh.

Điều 60. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia.

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh.

4. Hướng dẫn các cơ sở bức xạ xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở.

Điều 61. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc phạm vi quản lý.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự khi đào tạo, huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

3. Rà soát, nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bị ảnh hưởng do thảm họa, sự cố và các chính sách đối với người tham gia hoạt động phòng thủ dân sự.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp kịp thời, hiệu quả đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thảm họa, sự cố; Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội khẩn cấp linh hoạt, toàn diện đa dạng để trợ giúp người dân ứng phó với thảm họa, sự cố.

5. Tập huấn chuyên môn, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố cho các đối tượng dễ bị tổn thương.

Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, phối hợp với các cơ quan chức năng nước ngoài, các tổ chức khu vực, quốc tế và các tổ chức phi chính phủ tìm kiếm, cứu nạn người, phương tiện của Việt Nam bị nạn ở nước ngoài hoặc vùng biển quốc tế; thực hiện các thủ tục cần thiết để đưa người, phương tiện về nước.

2. Phối hợp, hướng dẫn tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ người và phương tiện nước ngoài gặp thảm họa, sự cố trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Hướng dẫn các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lực lượng chức năng thường xuyên tăng cường hợp tác quốc tế để phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong phòng thủ dân sự.

Điều 63. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lồng ghép kiến thức phòng thủ dân sự vào chương trình giáo dục và đào tạo.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, tổ chức đào tạo nguồn nhân lực thực hiện hoạt động phòng thủ dân sự.

Điều 64. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan tổ chức khác ở trung ương

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan liên quan ban hành và trình cấp có thẩm quyền các văn bản pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc phạm vi quản lý.

3. Xây dựng, ban hành kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức thực hiện kế hoạch, biện pháp phòng thủ dân sự; kịp thời việc tổ chức lực lượng, phương tiện của mình làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo lệnh điều động của cấp có thẩm quyền.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng tiến hành thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác phòng thủ dân sự.

Điều 65. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định chủ trương, biện pháp nhằm phát huy tiềm năng của địa phương để xây dựng phòng thủ dân sự vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện.

3. Quyết định chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng phòng thủ dân sự.

4. Quyết định ngân sách bảo đảm cho hoạt động phòng thủ dân sự của địa phương.

5. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về phòng thủ dân sự ở địa phương.

Điều 66. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành các văn bản hướng dẫn về phòng thủ dân sự ở địa phương theo thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

b) Chỉ đạo giáo dục, tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức người lao động, nhân dân tham gia phòng thủ dân sự; nâng cao ý thức cảnh giác cho các tầng lớp nhân dân tại địa phương, quan tâm những khu vực vùng sâu, vùng xa nhận thức về thảm họa, sự cố để giảm thiểu tối đa thiệt hại;

c) Bố trí ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự và đầu tư trang bị phương tiện phòng thủ dân sự;

d) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự, kế hoạch xây dựng thế trận phòng thủ dân sự của địa phương và triển khai thực hiện các kế hoạch. Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của địa phương, của các cơ quan, tổ chức trung ương hoạt động tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo sự chỉ đạo của cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên;

đ) Chỉ đạo tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và diễn tập về phòng thủ dân sự cho các lực lượng thuộc quyền;

e) Tổ chức các lực lượng thuộc quyền thực hiện các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, bảo vệ Nhân dân khi có chiến tranh;

g) Kiến nghị với các cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên để huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, địa phương khác phối hợp thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp mình;

h) Thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm cho công tác phòng thủ dân sự;

i) Chỉ đạo và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo, khen thưởng về phòng thủ dân sự ở địa phương;

k) Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên, Chính phủ về phòng thủ dân sự.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự tại địa phương; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng thủ dân sự;

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng thủ dân sự cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn; xây dựng phong trào toàn dân về phòng thủ dân sự;

c) Bảo đảm ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự; trang bị phương tiện phòng thủ dân sự;

d) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên tổng hợp, chỉ đạo và thực hiện kế hoạch, phương án huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của địa phương, của các cơ quan, tổ chức hoạt động tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện;

đ) Tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và diễn tập về phòng thủ dân sự theo quy định; thực hiện các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, bảo vệ người dân khi có chiến tranh;

e) Kiến nghị với cơ qua chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện để huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan, tổ chức khác phối hợp thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp mình;

g) Thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm cho công tác phòng thủ dân sự;

h) Thực hiện công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo, khen thưởng về phòng thủ dân sự ở địa phương;

i) Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về phòng thủ dân sự.

Điều 67. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan tuyên truyền, vận động người dân thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự; giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 68. Kiểm tra, thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của mình thực hiện kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định.

2. Nội dung kiểm tra tập trung vào các vấn đề: Việc quán triệt, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; kết quả chỉ đạo, thực hiện các kế hoạch, chế độ báo cáo, thông báo tình hình, kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ, công tác bảo đảm ngân sách hoạt động thường xuyên, đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, chế độ, chính sách về phòng thủ dân sự.

3. Thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự đối với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 69. Xử lý vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự, tùy theo

tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Bãi bỏ, sửa đổi một số điều của các luật có liên quan đến phòng thủ dân sự

1. Bãi bỏ Điều 44 Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

2. Sửa đổi, bổ sung cụm từ "Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh" tại Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 thành "Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương"; "Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp bộ" tại Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 thành "Ban chỉ huy phòng thủ dân sự".

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 như sau:

"3. Quỹ phòng, chống thiên tai được sử dụng để hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động sau đây:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai, thảm họa, sự cố;

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học;

c) Xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, thảm họa, sự cố."

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 62 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm như sau:

"*1. Quỹ hỗ trợ phòng, chống dịch được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để hỗ trợ điều trị, chăm sóc người mắc bệnh truyền nhiễm, các hoạt động phòng, chống dịch khác và điều tiết để hỗ trợ các hoạt động phòng thủ dân sự*"

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 151 Luật Bảo vệ môi trường như sau:

"*1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước, được thành lập ở trung ương, tỉnh, thành phố trực*

thuộc trung ương để cho vay ưu đãi, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tài chính đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường và điều tiết để hỗ trợ các hoạt động phòng thủ dân sự.”

6. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 91 Luật Năng lượng nguyên tử như sau:

“*c) Điều tiết để hỗ trợ các hoạt động phòng thủ dân sự.”*

Điều 71. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ .... thông qua ngày tháng năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 408/BC-CP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2022*

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 15 đối với dự án Luật Phòng thủ dân sự

Kính gửi: Quốc hội

Căn cứ Thông báo số 1506/TB-TTKQH ngày 30/9/2022 của Tổng Thư ký Quốc hội về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp thứ 15 về dự án Luật Phòng thủ dân sự, Chính phủ đã chỉ đạo Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh dự án Luật Phòng thủ dân sự; trân trọng báo cáo Quốc hội như sau:

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị nghiên cứu, thể chế đầy đủ nội dung Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo (Nghị quyết số 22-NQ/TW).

Chính phủ đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật bảo đảm thể chế hóa đầy đủ nội dung Nghị quyết số 22-NQ/TW, thể hiện rõ trong các chương, điều, khoản của dự thảo Luật; trong đó:

- Quan điểm phòng thủ dân sự là một nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước về phòng thủ dân sự, đã được thể chế hoá tại khoản 5 Điều 3 về nguyên tắc phòng thủ dân sự.

- Quan điểm phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân, được thể chế hóa trong các quy định từ Điều 10 đến Điều 16.

- Quan điểm phòng thủ dân sự được thống nhất tổ chức từ trung ương đến địa phương; người đứng đầu cấp ủy là người lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng thủ dân sự; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, sự phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương, các lực lượng nhằm xử lý mọi tình huống kịp thời và hiệu quả, được thể chế tại các Điều 22, 23, 24.

- Quan điểm phòng thủ dân sự phải chủ động, chuẩn bị từ sớm, từ xa, từ trước khi xảy ra chiến tranh, thảm họa, sự cố, được thể chế hóa trong các quy định tại Mục 1 Chương II (từ Điều 10 đến Điều 16).

- Quan điểm hoạt động phòng thủ dân sự phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc, được thể chế hóa thành các quy định tại khái niệm phòng thủ dân sự (khoản 1 Điều 2), Điều 38 về lực lượng phòng thủ dân sự và xuyên suốt nội dung của dự thảo Luật là phòng thủ dân sự nhằm bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân.

- Quan điểm tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng thủ dân sự trên nguyên tắc bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc, tôn trọng độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, thể chế chính trị, tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, được thể chế hóa tại khoản 5 Điều 4 và Điều 8.

- Về mục tiêu trong Nghị quyết số 22-NQ/TW, được thể chế tại các điều, khoản của Chương II về hoạt động phòng thủ dân sự và Chương III về cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng phòng thủ dân sự.

- Về nội dung, giải pháp trong Nghị quyết số 22-NQ/TW, đã được thể chế thông qua 9 nội dung, giải pháp quy định tại Chương IV về quyền, nghĩa vụ của cơ quan tổ chức và cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự và Chương V về nguồn lực, chế độ, chính sách đối với người tham gia hoạt động phòng thủ dân sự.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị nghiên cứu hoàn thiện khái niệm "Phòng thủ dân sự" bao quát và thống nhất với quy định của Luật Quốc phòng và các luật khác có liên quan.

Chính phủ báo cáo như sau: Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định Phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân. Khái niệm này đã truyền tải đầy đủ nội hàm quy định về phòng thủ dân sự tại Nghị quyết số 22-NQ/TW; kế thừa và thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Quốc phòng và các luật khác có liên quan; đồng thời, khái niệm phòng thủ dân sự nêu trên đã bao quát được phạm vi lĩnh vực cần điều chỉnh.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng chỉ quy định những nguyên tắc, vấn đề chung nhất, những nội dung đặc thù và những nội dung còn thiếu trong hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự.

Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Phòng thủ dân sự theo hướng chỉ quy định những nội dung, biện pháp chung liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự, đáp ứng tình hình thực tiễn và một số vấn đề mới mà các luật khác không quy định, như: Xây dựng chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự (Điều 10, Điều 11); các cấp độ phòng thủ dân sự (Điều 6); biện pháp ứng phó trong từng cấp độ phòng thủ dân sự; hoạt động phòng thủ dân sự trong tình trạng khẩn cấp,

phòng thủ dân sự trong tình trạng chiến tranh (các Điều 25, 26, 27, 28, 30); hoạt động phòng thủ dân sự trên các vùng biển Việt Nam không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 4 Điều 24).

4. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị luật hóa các quy định liên quan đến phòng thủ dân sự trong các văn bản quy phạm pháp luật đã được thực hiện ổn định, được thực tiễn kiểm nghiệm là khả thi, hiệu quả.

Chính phủ đã nghiên cứu, tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Luật các quy định liên quan đến phòng thủ dân sự tại Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự (Nghị định số 02/2019/NĐ-CP) và văn bản dưới luật khác đã được thực hiện ổn định, khả thi, hiệu quả; đồng thời, luật hóa các biện pháp chưa được pháp luật quy định nhưng do yêu cầu cấp thiết đã được áp dụng và phát huy hiệu quả trong thực tiễn, như: Giãn cách xã hội, bắt buộc sơ tán người, tài sản để bảo đảm an toàn (Điều 28), lực lượng phòng thủ dân sự (Điều 38), nguồn lực (Điều 43, Điều 44), chính sách an sinh xã hội, khôi phục kinh tế (Điều 36),...

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị làm rõ và quy định cụ thể về thảm họa, sự cố, các dạng thảm họa, sự cố cho phù hợp, bao quát, dễ hiểu, thống nhất với pháp luật có liên quan; rà soát quy định về đánh giá mức độ rủi ro thảm họa, sự cố.

Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý, báo cáo như sau:

- Về các dạng thảm họa, sự cố, dự thảo Luật quy định gồm thảm họa, sự cố trong chiến tranh; thảm họa, sự cố do thiên nhiên, con người gây ra; thảm hoạ, sự cố khác theo quy định pháp luật là bao quát hết các dạng thảm họa, sự cố trong thực tiễn, đồng thời để bảo đảm tính khái quát, tính ổn định, bền vững của Luật. Riêng về thảm họa, sự cố trong chiến tranh, do tính đặc thù và hậu quả của chiến tranh đối với con người, nền kinh tế đất nước và môi trường rất khốc liệt nên cần xác định là một dạng thảm họa, sự cố độc lập để có biện pháp phòng, chống, ứng phó, khắc phục phù hợp.

- Đối với đánh giá mức độ rủi ro thảm họa, sự cố, Điều 6 dự thảo Luật đã quy định cụ thể các căn cứ để đánh giá; đồng thời, xác định người có thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự có trách nhiệm đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố làm cơ sở để quyết định ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3. Dự thảo Luật sau khi tiếp thu, chỉnh lý đã thể hiện rõ hơn về các căn cứ để đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố và người có thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự.

6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị nghiên cứu quy định về thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự để không chồng chéo trong hệ thống pháp luật và bảo đảm tính khả thi.

Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý, báo cáo như sau:

- Theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến phòng thủ dân sự, việc ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thuộc trách nhiệm các cơ quan chức năng mà không phải là chính quyền; công bố dịch bệnh có trường hợp thuộc trách nhiệm của cơ quan chức năng, có trường hợp thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Cụ thể:

+ Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai do Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đảm nhiệm.

+ Công bố dịch bệnh truyền nhiễm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C; Bộ trưởng Bộ Y tế công bố dịch theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và đối với một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B khi có từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên đã công bố dịch; Thủ tướng Chính phủ công bố dịch theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A khi dịch lây lan nhanh từ tỉnh này sang tỉnh khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Trong quá trình phòng, chống dịch bệnh, các cấp chính quyền vẫn phải theo dõi, giám sát nguy cơ, thông tin về dịch bệnh truyền nhiễm; đánh giá mức độ rủi ro của dịch bệnh để xác định, ban bố cấp độ phòng thủ dân sự theo Điều 6, Điều 21 dự thảo Luật Phòng thủ dân sự.

- Dự thảo Luật Phòng thủ dân sự quy định thẩm quyền ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3 do người hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 22 của Luật này có trách nhiệm đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố làm cơ sở để quyết định ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3.

+ Trong một số trường hợp, mặc dù Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch thuộc nhóm B và nhóm C theo Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tiêu chí quy định tại Điều 6, Điều 21 dự thảo Luật Phòng thủ dân sự để ban bố hoặc không ban bố cấp độ phòng thủ dân sự và có các biện pháp ứng phó kịp thời trên địa bàn quản lý.

+ Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, dự thảo Luật Phòng thủ dân sự không quy định thẩm quyền ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 4 (hoạt động phòng thủ dân sự trong tình trạng khẩn cấp) mà quy định: Căn cứ vào nghị quyết ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các địa phương được đặt trong tình trạng khẩn cấp phải thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 4.

Như vậy, thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự trong dự thảo Luật Phòng thủ dân sự so với các luật chuyên ngành không chồng chéo trong hệ thống pháp luật, bảo đảm tính khả thi.

7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị làm rõ và quy định cụ thể về lực lượng phòng thủ dân sự, vai trò của từng lực lượng gắn với cơ chế "4 tại chỗ", trong đó phát huy vai trò của lực lượng chuyên trách, nòng cốt; quy định cơ chế chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự theo hướng gọn, tập trung, thống nhất nhưng rõ cơ quan đầu mối, phát huy được vai trò của người đứng đầu chính quyền, các cơ quan.

Chính phủ tiếp thu, chỉnh lý, báo cáo như sau: Quy định về lực lượng phòng thủ dân sự tại dự thảo Luật là kế thừa và luật hóa các quy định tại Nghị định số 02/2019/NĐ-CP đã được thực hiện có hiệu quả thời gian qua; đồng thời, thể chế hóa quan điểm, nhiệm vụ giải pháp tại Nghị quyết số 22-NQ/TW. Theo đó, dự thảo Luật quy định về lực lượng phòng thủ dân sự gồm lực lượng nòng cốt (dân quân tự vệ, dân phòng, công an xã, phường, thị trấn), lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, các bộ, địa phương và lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia (tại Điều 38); cơ chế chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự theo hướng gọn, tập trung tại Điều 24, Điều 37 và Chương V trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự, bảo đảm tập trung, thống nhất, rõ cơ quan đầu mối, phát huy được vai trò của người đứng đầu chính quyền và các cơ quan.

8. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị làm rõ quy định về tổ chức quỹ phòng thủ dân sự, bảo đảm hoạt động không chồng chéo, có hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính phủ tiếp thu và hoàn chỉnh tại Điều 44 theo hướng không sáp nhập các quỹ phòng chống thiên tai và quỹ hỗ trợ phòng chống dịch. Quỹ Phòng thủ dân sự được thành lập ở Trung ương và cấp tỉnh. Nguồn tài chính của quỹ phòng thủ dân sự được hình thành trên cơ sở hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và điều tiết từ các quỹ ngoài ngân sách có liên quan đến thảm họa, sự cố, bảo đảm quỹ phòng thủ dân sự hoạt động không chồng chéo, linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Ngoài ra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị nghiên cứu các vấn đề như: Bảo đảm vai trò tham mưu, chủ trì của các cơ quan đầu mối phụ trách chuyên môn, chuyên ngành, có sự phân công, phân cấp cụ thể, rõ ràng, không làm thay, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; nâng cao trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự; nghiên cứu bổ sung cụ thể hơn các chính sách đầu tư nguồn lực để xây dựng lực lượng chuyên trách, trang bị phòng thủ dân sự đáp ứng yêu cầu phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố hiện nay.

Chính phủ tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Luật theo hướng xác định rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương trong phòng thủ dân sự, bảo đảm không chồng chéo, phù hợp với pháp luật hiện hành tại Chương VI và tại một số điều khoản khác trong dự thảo Luật. Bên cạnh đó, để xây dựng lực lượng chuyên trách, trang bị phòng thủ dân sự đáp ứng yêu cầu phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố, dự thảo Luật đã bổ sung quy định có tính nguyên tắc về chính sách của Nhà nước trong phòng thủ dân sự tại Điều 4; các quy định cụ thể về công trình, trang bị phòng thủ dân sự tại Điều 12, Điều 13 và quy định về nguồn lực, chế độ, chính sách trong hoạt động phòng thủ dân sự tại Chương V.

Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội./.

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Đã ký

Đại tướng Phan Văn Giang

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban QP&AN của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Bộ: Quốc phòng, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: CN, KTTH, NC, NN, TCCV, KGVX, KSTT;
Lưu: VT, PL 165

BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 111/BCTĐ-BTP	*Hà Nội, ngày 11tháng 7 năm 2022*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự án Luật Phòng thủ dân sự

Kính gửi:
- Bộ Quốc phòng;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) và theo đề nghị của Bộ Quốc phòng tại Công văn số 2048/BQP-TM ngày 29/6/2022về việc thẩm định dự án Luật Phòng thủ dân sự, ngày 07/7/2022, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định dự án Luật. Qua nghiên cứu hồ sơ dự án Luật và trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

TạiNghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28/02/2022 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2022, đề nghị xây dựng Luật Phòng thủ dân sự với 06 chính sách đã được Chính phủ thông qua. Trên cơ sở đề nghị của Chính phủ, Quốc hội đã ban hànhNghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, theo đó, Luật Phòng thủ dân sự được đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022. Do đó, Bộ Tư pháp nhất trí việc Bộ Quốc phòng xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự, trình Chính phủ trình Quốc hội nhằm tạo khung pháp lý chung nhất cho việc phòng ngừa, ứng phó khắc phục thảm họa, sự cố nhằm bảo vệ tài sản, sức khỏe, tính mạng của người dân.

II.Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

Tại đề nghị xây dựng Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 06 chính sách, gồm: (i) Đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự; (ii) Phân công trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố; (iii) Quy định các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại; (iv) Đổi mới tổ chức của Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; (v) Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (big data) trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; (vi) Quy định về tình trạng khẩn cấp tại Luật Phòng thủ dân sự.

a) Qua nghiên cứu dự thảo Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy, 02/06 chính sách đã được Chính phủ thông qua tại giai đoạn lập đề nghị xây dựng Luật nhưng chưa được cơ quan chủ trì soạn thảo cụ thể hóa phù hợp tại dự thảo Luật, cụ thể:

- Về các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại:

Tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong Đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất thành lập Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố trên cơ sở hợp nhất các quỹ phòng chống thiên tai, dịch bệnh thành một quỹ duy nhất để không gia tăng "gánh nặng", không phát sinh nghĩa vụ đóng góp tài chính của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân. Tuy nhiên, Điều 50 dự thảo Luật chưa thể hiện rõ nội dung chính sách này.

- Về đổi mới tổ chức của Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia:

Xuất phát từ những vướng mắc, bất cập do tồn tại nhiều tổ chức chỉ đạo, chỉ huy trong lĩnh vực phòng thủ dân sự, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong Đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất đổi mới tổ chức của Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia như sau:

+ Ở cấp quốc gia, hợp nhất 03 tổ chức phối hợp liên ngành (gồm: Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban quốc gia về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai) thành một tổ chức duy nhất có tên gọi Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia.

+ Ở cấp bộ, ngành và địa phương: hợp nhất Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thành Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; duy trì Ban An toàn giao

thông cấp tỉnh, cấp huyện; Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng cấp tỉnh, cấp huyện; Ban Chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích cấp tỉnh.

Tuy nhiên, Điều 43 dự thảo Luật chưa thể hiện nội dung nêu trên của chính sách đổi mới tổ chức của Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia đã được Chính phủ thông qua.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý các quy định nêu trên tại dự thảo Luật, bảo đảm bám sát các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Đề nghị xây dựng Luật hoặc giải trình cụ thể lý do không cụ thể hóa các chính sách này tại dự thảo Luật, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Ngoài ra, chính sách về ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (big data) trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố mới chỉ được quy định tại Điều 7 dự thảo Luật và nội dung này còn khá chung chung. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cụ thể hóa hơn nữa nội dung này tại dự thảo Luật.

c) Về quy định về tình trạng khẩn cấp tại Luật Phòng thủ dân sự

Tại Đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự, Bộ Quốc phòng đề xuất chính sách quy định về tình trạng khẩn cấp tại Luật Phòng thủ dân sự nhằm kịp thời khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn phòng chống dịch Covid 19 thời gian qua. Về vấn đề này, tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28/02/2022 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02/2022, Chính phủ có ý kiến về chính sách này tại Đề nghị xây dựng Luật Phòng thủ dân sự như sau:

"Về quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng thủ dân sự, cần có giới hạn cụ thể, phù hợp, bảo đảm thống nhất của hệ thống pháp luật; những nội dung mang tính dân sự nhiều hơn thì đưa vào Luật Phòng thủ dân sự, các nội dung mang tính chất quốc phòng, an ninh thì quy định trong Luật về tình trạng khẩn cấp.

Nội dung này còn có 02 loại ý kiến khác nhau. Đa số Thành viên Chính phủ thống nhất phương án quy định tình trạng khẩn cấp như Đề nghị xây dựng Luật phòng thủ dân sự. Ý kiến khác của các Thành viên Chính phủ đề nghị giữ như quy định hiện nay. Do đó, Hồ sơ trình Đề nghị xây dựng Luật cần nêu rõ 2 phương án và lập luận cụ thể cho từng phương án".

Căn cứ chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết nêu trên, Bộ Quốc phòng đã chỉnh lý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật theo hướng thuyết minh rõ về 02

loại ý kiến khác nhau đối với chính sách quy định về tình trạng khẩn cấp trong dự án Luật Phòng thủ dân sự, đồng thời, nêu rõ đề xuất của Chính phủ theo hướng quy định tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng thủ dân sự, trình Quốc hội xem xét, quyết định. Tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Quốc hội đồng ý đưa dự án Luật Phòng thủ dân sự vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trong đó không có ý kiến khác đối với đề xuất của Chính phủ về việc quy định tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng thủ dân sự.

Do đó, Bộ Quốc phòng đã cụ thể hóa chính sách quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng thủ dân sự theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 22/NQ-CP theo hướng chỉ quy định những nội dung mang tính dân sự, các nội dung mang tính chất quốc phòng, an ninh thì quy định trong Luật về tình trạng khẩn cấp.

2. Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng; về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

a) Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng

Về cơ bản, dự thảo Luật phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố đã được ban hành trong thời gian qua. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát các chủ trương, quan điểm chỉ đạo trong các văn bản của Đảng về phòng thủ dân sự để cụ thể hóa đầy đủ tại dự thảo Luật.

b) Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật

- Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp tại Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự, đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân để bảo đảm phù hợp với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013, cụ thể: *"Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định tại dự thảo Luật để bảo đảm những vấn đề có liên quan đến quyền con người, quyền công dân được cụ thể hóa đầy đủ tại dự thảo Luật.

- Theo quy định tại Điều 10 dự thảo Luật thì việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm hoạ, sự cố, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm hoạ, sự cố được thực hiện theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan.Trường hợp luật khác có quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố mà không trái với quy định tại Điều 3 của Luật này thì được thực hiện theo quy định của luật đó. Trường hợp luật khác không có quy định thì áp dụng quy định của Luật này.

Như vậy, dự án Luật Phòng thủ dân sự sẽ không thay thế các Luật hiện hành mà sẽ bổ khuyết vào những khoảng trống pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về thảm họa, sự cố ở các lĩnh vực khác nhau đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành trong thời gian qua (như Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Đê điều; Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Luật Năng lượng nguyên tử; Luật Phòng cháy, chữa cháy…) để bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản, tính đồng bộ với hệ thống pháp luật. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu, tiếp thu các nội dung tại mục 5 phần II Báo cáo này.

c) Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và các Công ước khác về quyền con người của Liên hợp quốc để bảo đảm nội dung của dự thảo Luật phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nhất là những nội dung liên quan đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân trong tình trạng khẩn cấp.

3. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật

- Quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu, đánh giá các thủ tục hành chính phát sinh theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chínhvà Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc

đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu, thực hiện lồng ghép bình đẳng giới theo quy định tại Luật Bình đẳng giới, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi năm 2020).Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật Phòng thủ dân sự, bảo đảm đánh giá đầy đủ, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật và hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo dự án Luật

- Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo:

Dự thảo Luật còn một số lỗi kỹ thuật cần được rà soát, chỉnh lý để bảo đảm tính chính xác, chẳng hạn: tại khoản 5 Điều 4 dự thảo Luật, đề nghị sửa từ "gia nhập" thành "ký kết", sửa cụm từ "tổ chức thực hiện" thành "thực hiện" để bảo đảm phù hợp với các thuật ngữ được quy định tại Luật Điều ước quốc tế; rà soát để thống nhất sử dụng các từ "thảm họa", "sự cố", "dịch bệnh" trong toàn bộ nội dung của dự thảo Luật (khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 5 dùng từ "dịch bệnh nguy hiểm" trong khi các quy định còn lại dùng từ "dịch bệnh"…).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

- Về hồ sơ dự án Luật:

+ Về Tờ trình:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung thêm cơ sở chính trị của việc xây dựng Luật; bổ sung nội dung về việc đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến góp ý theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đồng thời, nghiên cứu, bổ sung những nội dung lớn, quan trọng hoặc còn có ý kiến khác nhau của dự thảo Luật cần xin ý kiến Chính phủ, trong đó nêu rõ các phương án, lập luận cho từng phương án và phương án lựa chọn của cơ quan chủ trì soạn thảo để cung cấp đầy đủ thông tin trình Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Về Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương đối với dự án Luật. Trên cơ sở đó, thuyết minh rõ nội dung tiếp thu ý kiến góp ý đã được chỉnh lý tại điều, khoản, điểm cụ thể nào tại dự thảo Luật.

+ Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì "*Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết*" và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm *chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết sau khi Chính phủ quyết định trình dự án luật, pháp lệnh*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật Phòng thủ dân sự để bảo đảm đầy đủ hồ sơ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- *Về trình tự, thủ tục:*

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Luật bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, để bảo đảm Bộ Quốc phòng là cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì soạn thảo dự án Luật Phòng thủ dân sự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh năm 2023.

5. Một số vấn đề cụ thể

5.1. Về giải thích từ ngữ (Điều 2)

Qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp nhận thấy, một số khái niệm tại dự thảo Luật chưa có sự thống nhất với quy định tại Luật Quốc phòng, cụ thể:

- Về thảm họa, sự cố (khoản 1):

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật thì *"Thảm họa, sự cố là biến động do thiên nhiên, dịch bệnh nguy hiểm hoặc do con người gây ra làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên phạm vi rộng lớn"*. Tuy nhiên, khoản 13 Điều 2 Luật Quốc phòng quy định: "Thảm họa là biến động do thiên nhiên, dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng hoặc do con

người gây ra hoặc do hậu quả chiến tranh làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường". Như vậy có thể thấy, so với định nghĩa về "thảm họa" tại Luật Quốc phòng, định nghĩa về "thảm họa, sự cố" tại dự thảo Luật không bao gồm hậu quả chiến tranh.

Mặt khác, dự thảo Luật đưa ra định nghĩa chung mà không có sự tách bạch giữa "thảm họa" và "sự cố" là cũng cần được giải trình rõ để bảo đảm tính thuyết phục.

- Về phòng thủ dân sự (khoản 3):

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Luật "Phòng thủ dân sự là hoạt động phòng ngừa, khắc phục hậu quả chiến tranh và hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh nhằm bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và vật chất, nhanh chóng đưa mọi hoạt động xã hội trở lại trạng thái bình thường". Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Quốc phòng thì "Phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp *phòng, **chống** chiến tranh; phòng, **chống**, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh*; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân". Như vậy, so với quy định tại Luật Quốc phòng, định nghĩa về "phòng thủ dân sự" không bao gồm các biện pháp chống chiến tranh, các biện pháp chống thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc nội dung giải thích từ ngữ nêu trên để bảo đảm tính thống nhất với định nghĩa về *"thảm họa", "phòng thủ dân sự"* tại Luật Quốc phòng.

5.2. Về nội dung phòng thủ dân sự (Điều 5)

Điều 5 dự thảo Luật quy định nội dung phòng thủ dân sự theo hướng phân loại các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa thành 03 nhóm, gồm: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả chiến tranh; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thảm họa do thiên nhiên; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các thảm họa khác. Đồng thời, dự thảo Luật cũng liệt kê các loại thảm họa, sự cố tương ứng với từng nhóm. Bộ Tư pháp nhận thấy, việc phân nhóm và liệt kê các loại thảm họa, sự cố không phù hợp với nội hàm của tên Điều về *"nội dung phòng thủ dân sự"* bởi lẽ "nội dung phòng thủ dân sự" bao gồm tổng thể những hoạt độngcần triển khai trong phòng thủ dân sự (được cụ thể hóa tại Chương II dự thảo Luật) mà không phải liệt kê các loại thảm họa, sự cố. Hơn nữa, việc phân nhóm này cũng chưa hợp lý, chẳng hạn: sự cố bức xạ hạt nhân đang được quy định tại khoản 1 về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả chiến tranh;

tuy nhiên, thảm họa, sự cố này cũng có thể xảy ra trong điều kiện bình thường khi không có chiến tranh… Mặt khác, dự thảo Luật chỉ phân nhóm các loại thảm họa mà không bao gồm *"sự cố"* là chưa phù hợp nội hàm của phòng thủ dân sự cũng như toàn bộ nội dung của dự thảo Luật.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý để bảo đảm thống nhất giữa tên và nội dung của Điều này.

5.3. Về xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự (Điều 13)

Khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn công trình phòng thủ dân sự; quy định việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật bảo đảm yêu cầu phòng thủ dân sự. Tuy nhiên, nội dung của khoản này mới chỉ quy định những vấn đề liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố khi đầu tư xây dựng các công trình mà chưa quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn cần đáp ứng của công trình phòng thủ dân sự. Theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì Bộ trưởng thì Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và đề nghị thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia (Điều 11); Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý (Điều 27). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn công trình phòng thủ dân sự thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

5.4. Về tiếp nhận, xác minh, đánh giá, theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố (Điều 15)

- Khoản 1 Điều 15 dự thảo Luật quy định các hoạt động xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thảm họa, sự cố; theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố. Tuy nhiên, nội dung của khoản này có sự trùng lắp với Điều 6 về đánh giá mức độ rủi ro thảm họa, sự cố. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình sự khác nhau và mối liên hệ giữa 02 Điều này hoặc cân nhắc ghép chung vào 01 Điều để tránh trùng lặp.

- Tại khoản 2 Điều 15 dự thảo Luật, đề nghị xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng số điện thoại 112 để tiếp nhận thông tin về thảm họa, sự cố.

- Tại khoản 3 Điều 15 dự thảo Luật, đề nghị quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan (Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) trong việc tiếp nhận, xác minh, đánh giá, theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố mà không quy định chung chung như hiện nay.

5.5. Về phân loại cấp độ thảm họa, sự cố (Điều 22)

Theo quy định tại Điều 22 dự thảo Luật, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác, thảm họa, sự cố được phân loại thành 04 cấp độ (từ cấp độ 1 đến cấp độ 4). Theo đó, *"thảm họa, sự cố cấp độ 1 là tình huống xảy ra thảm họa, sự cố làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên một khu vực nhất định trong phạm vi địa bàn huyện, không có khả năng phát tán, lan rộng sang các khu vực khác"*. Bộ Tư pháp nhận thấy, việc phân loại cấp độ thảm họa, sự cố có liên quan mật thiết với thẩm quyền ban bố cấp độ thảm họa, sự cố (Điều 23), phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó thảm họa, sự cố (Điều 25). Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 dự thảo Luật thì *"Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thảm họa, sự cố xảy ra trên địa bàn…"*. Do đó, để bảo đảm thống nhất giữa các quy định có liên quan đến cấp độ thảm họa, sự cố, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung phạm vi gây thiệt hại trong địa bàn cấp xã đối với thảm họa, sự cố cấp độ 1, cụ thể: *"Thảm họa, sự cố cấp độ 1 là tình huống xảy ra thảm họa, sự cố làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên một khu vực nhất định trong phạm vi* ***địa bàn xã, huyện,*** *không có khả năng phát tán, lan rộng sang các khu vực khác"*.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định từng cấp độ thảm họa, sự cố phải **đáp ứng đồng thời các tiêu chí** về mức độ thiệt hại, phạm vi ảnh hưởng, khả năng phát tán sang các khu vực khác cũng là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc để bảo đảm tính khả thi và bao quát đầy đủ các tình huống thảm họa, sự cố có thể xảy ra trên thực tế, chẳng hạn: trường hợp thảm họa, sự cố làm *thiệt hại rất nghiêm trọng* về người, tài sản, môi trường trên một khu vực nhất định, không có khả năng phát tán, lan rộng sang các khu vực khác thì không xác định được cấp độ thảm họa, sự cố theo quy định tại Điều 22 để có biện pháp ứng phó tương ứng…

5.6. Về thẩm quyền ban bố cấp độ thảm họa, sự cố (Điều 23)

Khoản 4 Điều 23 dự thảo Luật quy định thẩm quyền ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp về phòng thủ dân sự của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Tuy nhiên, Điều 29 dự thảo Luật quy định *"Việc ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp… được thực hiện theo quy định tại Hiến pháp và pháp luật*

về tình trạng khẩn cấp". Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc quy định cụ thể thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước tại khoản 4 Điều 23 để thống nhất với quy định tại Điều 29 dự thảo Luật. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng, việc quy định cụ thể thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước tại khoản 4 Điều 23 là cần thiết thì đề nghị cân nhắc không quy định thẩm quyền bãi bỏ tình trạng khẩn cấp để phù hợp với tên Điều là "Thẩm quyền ban bố cấp độ thảm họa, sự cố"; đồng thời, chỉnh lý quy định tại Điều 29 dự thảo Luật cho phù hợp.

5.7. Về phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó thảm họa, sự cố (Điều 25)

Về khoản 1, khoản 2 Điều 25, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực để ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1 hay thảm họa, sự cố ở tất cả các cấp độ xảy ra trên địa bàn.

5.8. Về các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, 2, 3 (từ Điều 26 đến Điều 28)

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung tại Điều 27 theo hướng ngoài các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, tùy theo mức độ, tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2; bổ sung tại Điều 28 theo hướng ngoài các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, cấp độ 2 tùy theo mức độ, tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3.

- Về các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2:

Qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp nhận thấy, các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2 phần lớn là các biện pháp ứng phó khi có dịch bệnh nguy hiểm. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu nội dung này để bảo đảm các biện pháp ứng phó phù hợp với tất cả các loại thảm họa, sự cố cấp độ 2.

- Về các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3:

Tương tự như các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu nội dung này để bảo đảm các biện pháp ứng phó phù hợp với tất cả các loại thảm họa, sự cố cấp độ 3. Đồng thời, dự thảo Luật quy định *"**Chính phủ** quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3"* là chưa phù hợp với quy định về phân công, phân cấp

trách nhiệm ứng phó thảm họa, sự cố tại Điều 25. Theo đó, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự có thẩm quyền chỉ đạo các địa phương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3 (khoản 4 Điều 25 dự thảo Luật). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung này để thống nhất về thẩm quyền áp dụng các biện pháp ứng phó, thảm họa sự cố tại các quy định có liên quan.

5.9. Về tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp (Điều 30)

Đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 30 dự thảo Luật về thẩm quyền tổ chức, chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp, việc chấp hành quy định về tình trạng khẩn cấp. Theo đó, dự thảo Luật chỉ nên quy định những vấn đề có liên quan đến phòng thủ dân sự trong tình trạng khẩn cấp, những vấn đề chung nhất về tình trạng khẩn cấp thì đề nghị thực hiện thống nhất theo quy định tại Hiến pháp và pháp luật về tình trạng khẩn cấp (tương tự như quy định tại Điều 29 dự thảo Luật).

5.10. Về lực lượng thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp (Điều 31)

Điều 29 dự thảo Luật quy định lực lượng thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp trong trường hợp thảm họa, sự cố, dịch bệnh nguy hiểm (khoản 1); lực lượng thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (khoản 2). Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 22/NQ-CP, Chính phủ đề nghị *"cần có giới hạn cụ thể, phù hợp, bảo đảm thống nhất của hệ thống pháp luật; những nội dung mang tính dân sự nhiều hơn thì đưa vào Luật Phòng thủ dân sự, các nội dung mang tính chất quốc phòng, an ninh thì quy định trong Luật về tình trạng khẩn cấp"*. Như vậy, dự án Luật Phòng thủ dân sự sẽ không quy định những vấn đề liên quan đến tình trạng khẩn cấp trong quốc phòng, an ninh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định về lực lượng thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp liên quan đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 22/NQ-CP.

5.11. Về các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp (Điều 32)

- Khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật quy định *"Khi thảm họa, **thiên tai** đã công bố tình trạng khẩn cấp có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây…"*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ "thiên tai" có nằm trong nội hàm của "thảm họa" hay không, lý do sử dụng cụm từ "thảm họa, thiên tai"

mà không phải là "thảm họa, sự cố" để thống nhất với toàn bộ nội dung của dự thảo Luật.

- Bộ Tư pháp nhận thấy, một số biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp tại khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật có sự trùng lắp với các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3 tại Điều 28 dự thảo Luật, chẳng hạn: tạm dừng hoạt động trường học, hoạt động công cộng, cơ sở vui chơi, giải trí, các hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu; dừng các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn… Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát lại các nội dung này để tránh trùng lắp trong các quy định về biện pháp được áp dụng khi xảy ra thảm họa, sự cố ở các cấp độ khác nhau.

5.12. Về những việc cần làm ngay sau khi bãi bỏ tình trạng khẩn cấp (Điều 35)

Tương tự như Điều 30 dự thảo Luật về tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp, đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 2 Điều 35 theo hướng nội dung này sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Hiến pháp và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

5.13. Về các biện pháp đặc biệt hỗ trợ ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp độ 3 và cấp độ 4 (Điều 42)

Điều 42 dự thảo Luật quy định nhiều biện pháp, chính sách đặc biệt hỗ trợ ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp độ 3 và cấp độ 4. Đây là những chính sách rất mới nhằm kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp ổn định cuộc sống sau khi bị ảnh hưởng bởi thảm họa, sự cố cấp độ 3 và cấp độ 4. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí… và phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để hoàn thiện nội dung này, bảo đảm tính thống nhất với các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan cũng như bảo đảm tính khả thi của quy định này.

5.14. Về cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự (Điều 43)

Như đã phân tích tại mục 1 phần II về sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật, việc dự thảo Luật không quy định Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự được thành lập trên cơ sở hợp nhất một số tổ chức phối hợp liên ngành hiện có là chưa phù hợp với chính sách trong Đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự đã được Chính phủ thông qua nên cần được chỉnh lý. Đồng thời, đề nghị cân nhắc không quy định cụ thể thành viên của Ban Chỉ đạo mà để Thủ tướng Chính phủ quy định để bảo đảm phù hợp về thẩm quyền.

5.15. Về Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố (Điều 50)

Tương tự như nội dung về cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự và như đã phân tích tại mục 1 phần II về sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật, việc dự thảo Luật không quy định thành lập Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố trên cơ sở hợp nhất các quỹ phòng chống thiên tai, dịch bệnh thành một quỹ duy nhất để không gia tăng "gánh nặng", không phát sinh nghĩa vụ đóng góp tài chính của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân là chưa phù hợp với chính sách trong Đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự đã được Chính phủ thông qua nên cần được chỉnh lý.

Ngoài ra, khoản 2 Điều 50 dự thảo Luật quy định *"**Nguồn tài chính của Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố** bao gồm hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; **điều tiết từ Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố**"* là không phù hợp.

5.16. Về bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố (Điều 53)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố là loại hình bảo hiểm nào trong các loại hình bảo hiểm đã được quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm (bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm). Đồng thời, đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 4 Điều 53 dự thảo Luật về các điều kiện của doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh loại hình bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố. Bởi lẽ, Luật Kinh doanh bảo hiểm đã quy định cụ thể về các điều kiện đối với doanh nghiệp bảo hiểm (Điều 64, Điều 65, Điều 66). Do đó, đề nghị nội dung này thực hiện thống nhất theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

5.17. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự (từ Điều 54 đến Điều 75)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát quy định về trách nhiệm của các Bộ, ngành để chỉnh lý theo hướng chỉ quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan trực tiếp đến các nội dung của dự thảo Luật. Đồng thời, đối với trách nhiệm của từng Bộ, ngành cũng cần nghiên cứu để quy định ngắn gọn và xác định những trách nhiệm liên quan trực tiếp đến hoạt động phòng thủ dân sự, tránh dàn trải.

5.18. Về hiệu lực thi hành (Điều 76); Điều khoản chuyển tiếp (Điều 77)

Bộ Tư pháp thấy rằng, để triển khai thi hành Luật Phòng thủ dân sự, cần ban hành nhiều văn bản hướng dẫn (văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính

phủ, Bộ Quốc phòng,…), do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kéo dài thời gian có hiệu lực của Luật (không phải sau 06 tháng mà có thể là 1 năm).

Bên cạnh đó, quy định tại dự thảo Luật có nhiều nội dung liên quan đến các luật chuyên ngành, như: Luật Quốc phòng, Luật Phòng chống thiên tai, Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp… Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành để xác định cụ thểcác quy định/văn bản sẽ hết hiệu lực thi hành sau khi Luật Phòng thủ dân sự có hiệu lực thi hành. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung điều khoản chuyển tiếp trong trường hợp cần thiết.

III. KẾT LUẬN

Đề nghị Quý cơ quan tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung đã nêu tại Báo cáo thẩm định để hoàn thiện dự ánLuật trước khi trình Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Phòng thủ dân sự, xin gửi Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chínhphủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ các VĐCXDPL (để theo dõi);
- Cổng TTĐT Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ PLHSHC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Đặng Hoàng Oanh

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2248/BC-BQP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2022*

BÁO CÁO
Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định
của Bộ Tư pháp đối với Dự án LuậtPhòng thủ dân sự

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022; Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, Bộ Quốc phòngxây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự (Sau đây gọi là Dự thảo Luật)và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp (Văn bản số111/BCTĐ-BTP ngày 11 tháng 7năm 2022), Bộ Quốc phòng tiếp thu, giải trình như sau:

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

a) Đối với chính sách về các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại, Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ việc cụ thể hóa chính sách này trong dự thảo Luật. Cụ thể, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất thành lập Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố trên cơ sở hợp nhất các quỹ phòng chống thiên tai, dịch bệnh thành một quỹ duy nhất để không gia tăng "gánh nặng", không phát sinh nghĩa vụ đóng góp tài chính của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và Nhân dân. Tuy nhiên, Điều 50 dự thảo Luật chưa thể hiện rõ nội dung chính sách này.

Qua nghiên cứu dự thảo Luật, Bộ Tư pháp nhận thấy, 02/06 chính sách đã được Chính phủ thông qua tại giai đoạn lập đề nghị xây dựng Luật nhưng chưa được cơ quan chủ trì soạn thảo cụ thể hóa phù hợp tại dự thảo Luật, cụ thể:

- Về các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại.

- Về đổi mới tổ chức của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 48 và Điều 41 của dự thảo Luật.

b) Ngoài ra, chính sách ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big data) trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố mới chỉ được quy định tại Điều 7 dự thảo Luật và nội dung này còn khá chung chung. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cụ thể hóa hơn nữa nội dung này tại dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòngtiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của dự thảo Luật.

c) Quy định về tình trạng khẩn cấp của Luật Phòng thủ dân sự

Về quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng thủ dân sự, cần có giới hạn cụ thể, phù hợp, bảo đảm thống nhất của hệ thống pháp luật; những nội dung mang tính dân sự nhiều hơn thì đưa vào Luật Phòng thủ dân sự, còn các nội dung mang tính chất quốc phòng, an ninh thì quy định trong Luật về tình trạng khẩn cấp.

Nội dung này còn có 02 loại ý kiến khác nhau. Đa số Thành viên Chính phủ thống nhất phương án quy định tình trạng khẩn cấp như đề nghị xây dựng Luật Phòng thủ dân sự. Ý kiến khác của các Thành viên Chính phủ đề nghị giữ quy định hiện nay. Do đó, Hồ sơ trình Đề nghị xây dựng Luật cần nêu rõ 02 phương án và lập luận cụ thể cho từng phương án.

Bộ Quốc phòng báo cáo như sau: Quá trình xây dựng dự thảo Luật, các nội dung về biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về phòng thủ dân sự được nghiên cứu kỹ lưỡng, toàn diện. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã lựa chọn và thể hiện tại dự thảo Luật các biện pháp mang tính dân sự và không quy định các biện pháp mang tính quốc phòng, an ninh. Đối với chỉ đạo của Chính phủ về việc nêu rõ 02 phương án, Bộ Quốc phòng đã thể hiện tại Mục V Tờ trình (Những vấn đề xin ý kiến). Theo đó, một trong hai vấn đề xin ý kiến Chính phủ đã được nêu ra là vấn đề "quy định tình trạng khẩn cấp về phòng thủ dân sự" với phương án 1 là "quy định về tình trạng khẩn cấp về phòng thủ dân sự", phương án 2 là "không quy định về tình trạng khẩn cấp về phòng thủ dân sự".

2. Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng; về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

a) Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng

BộTư pháp đề nghịtiếp tục nghiên cứu, rà soát các chủ trương, quan điểm chỉ đạo trong các văn bản của Đảng về phòng thủ dân sự để cụ thể hóa đầy đủ tại dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp tục nghiên cứu, rà soát các chủ trương, quan điểm chỉ đạo trong các văn bản của Đảng, chỉnh sửa, bổ sung những nội dung cụ thể vào dự thảo Tờ trình Chính phủ và Điều 3 dự thảo Luật.

b) Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật

BộTư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định tại dự thảo Luật để bảo đảm những vấn đề có liên quan đến quyền con người, quyền công dân được cụ thể hóa đầy đủ tại dự thảo Luật; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về thảm họa, sự cố ở các lĩnh vực khác nhau được cơ quan có thẩm quyền ban hành trong thời gian qua (Như: Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Đê điều; Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Luật Năng lượng nguyên tử; Luật Phòng cháy, chữa cháy…).

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp tục nghiên cứu, rà soát quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân đểquy địnhcụ thể trong dự thảo Luật đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013; đồng thời, Bộ Quốc phòng cũng rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật (Kết quả rà soát được thể hiện trong Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật Phòng thủ dân sự).

c) Về tính tương thích với Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và các Công ước khác về quyền con người của Liên hợp quốc để bảo đảm nội dung của dự thảo Luật phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nhất là những nội dung liên quan đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân trong tình trạng khẩn cấp.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiến hành nghiên cứu, rà soát các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt, nghiên cứu quy định tại Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và các Công ước khác về quyền con người mà Việt Nam tham gia để phù hợp với quy định việc quyền không bị giới hạn và những quyền có thể bị giới hạn trong tình trạng khẩn cấp, bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế nêu trên.

3. Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới của dự thảo Luật

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện báo cáo về lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật Phòng thủ dân sự, bảo đảm đánh giá đầy đủ, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, tiếp tục rà soát, hoàn thiện báo cáo về lòng ghép vấn đề bình đẳng giới theo đúng quy định của pháp luật.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật và hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo dự án Luật

- Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo:

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tạiĐiều 2, Điều 4, Điều 5 của dự thảo Luật.

- Về hồ sơ dự án Luật:

+ Về Tờ trình: Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, rà soát, bổ sung thêm cơ sở chính trị của việc xây dựng Luật; bổ sung nội dung về việc đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến góp ý theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đồng thời, nghiên cứu, bổ sung những nội dung lớn, quan trọng hoặc còn có ý kiến khác nhau của dự thảo Luật cần xin ý kiến Chính phủ, trong đó nêu rõ các phương án, lập luận cho từng phương án và phương án lựa chọn của cơ quan chủ trì soạn thảo để cung cấp thông tin trình Chính phủ theo quy định.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh Tờ trình Chính phủ.

+ Về bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến: Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương đối với dự án Luật. Trên cơ sở đó, thuyết minh rõ nội dung tiếp thu ý kiến góp ý đã được chỉnh lý tại điều, khoản, điểm cụ thể nào tại dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung vào bản Báo cáo tổng hợp tiếp thu giải trình ý kiến của các bộ, ngành, địa phương.

+ Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: "Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết" và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm chuẩn bị văn bản dự thảo quy định chi tiết sau

khi Chính phủ quyết định trình dự án luật, pháp lệnh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật Phòng thủ dân sự để đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo quy đinh của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo văn bản quy định chi tiết của Luật Phòng thủ dân sự sau khi Chính phủ quyết định trình dự án Luật.

- Về trình tự, thủ tục:

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Luật bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, để bảo đảm Bộ Quốc phòng là cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì soạn thảo dự án Luật Phòng thủ dân sự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và các dự án Luật thuộc Chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh năm 2023.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện vào Tờ trình Chính phủ.

5. Một số vấn đề cụ thể

a) Về giải thích từ ngữ (Điều 2):

- Về thảm họa, sự cố (khoản 1); về phòng thủ dân sự (khoản 3):BộTư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc nội dung giải thích từ ngữ về ”thảm họa, sự cố (khoản 1), phòng thủ dân sự (khoản 3 Điều 2 Dự thảo) để bảo đảm tính thống nhất với định nghĩa về*“thảm họa”, “phòng thủ dân sự”* tại Luật Quốc phòng.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 2 của dự thảo Luậttheo hướng không quy định khái niệm chung về *“thảm họa, sự cố”*,chỉ quy định khái niệm *“sự cố”* (khoản 1 Điều 2). Khái niệm “thảm họa” được quy định tại Điều 2, khái niệm *“phòng thủ dân sự”* được quy định tại Điều 13 của Luật Quốc phòng.

b)Về nội dung phòng thủ dân sự (Điều 5):

Bộ Tư pháp cho rằng: Điều 5 dự thảo Luật quy định nội dung phòng thủ dân sự theo hướng phân loại các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa thành 03 nhóm, gồm: Phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả chiến tranh; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thảm họa do thiên nhiên; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các thảm họa khác. Đồng thời, dự thảo Luật cũng liệt kê các loại thảm họa, sự cố tương ứng với từng nhóm. Bộ Tư pháp nhận

thấy, việc phân nhóm và liệt kê các loại thảm họa, sự cố không phù hợp với nội hàm của tên Điều về *"Nội dung phòng thủ dân sự"* bởi lẽ *"Nội dung phòng thủ dân sự"* bao gồm tổng thể những hoạt động cần triển khai trong phòng thủ dân sự (được cụ thể hóa tại Chương II dự thảo Luật) mà không phải liệt kê các loại thảm họa, sự cố. Hơn nữa, việc phân nhóm này cũng chưa hợp lý, chẳng hạn: Sự cố bức xạ hạt nhân đang được quy định tại khoản 1 về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả chiến tranh; tuy nhiên, thảm họa, sự cố này cũng có thể xảy ra trong điều kiện bình thường khi không có chiến tranh… Mặt khác, dự thảo Luật chỉ phân nhóm các loại thảm họa mà không bao gồm *"sự cố"* là chưa phù hợp nội hàm của phòng thủ dân sự cũng như toàn bộ nội dung của dự thảo Luật.Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý để bảo đảm thống nhất giữa tên và nội dung của Điều này.

Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng quy định về các dạng thảm họa, sự cố cụ thể tại Điều 5.

c) Về xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự (Điều 13):

Bộ Tư pháp cho rằng khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật quy định:Tiêu chuẩn, quy chuẩn công trình phòng thủ dân sự; quy định việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật bảo đảm yêu cầu phòng thủ dân sự. Tuy nhiên, nội dung của khoản này mới chỉ quy định những vấn đề liên quan đến việc bảo đảm yêu cầu phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố khi đầu tư xây dựng các công trình mà chưa quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn cần đáp ứng của công trình phòng thủ dân sự. Theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và đề nghị thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia (Điều 11); Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý (Điều 27). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn công trình phòng thủ dân sự thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 13 của dự thảo Luật.

d) Về tiếp nhận, xác minh, đánh giá, theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố (Điều 15):

- Bộ Tư pháp thấy rằng khoản 1 Điều 15 dự thảo Luật quy định các hoạt động xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thảm họa, sự cố; theo dõi, giám sát

thảm họa, sự cố có sự trùng lặp với Điều 6 về đánh giá mức độ rủi ro thảm họa, sự cố. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình sự khác nhau và mối liên hệ giữa 02 Điều này hoặc cân nhắc ghép chung vào 01 Điều để tránh trùng lặp; xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng số điện thoại 112 để tiếp nhận thông tin về thảm họa, sự cố; quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan (Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) trong việc tiếp nhận, xác minh, đánh giá, theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố mà không quy định chung chung như dự thảo.

Về vấn đề này,Bộ Quốc phòngtiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 6 và Điều 15 của dự thảo Luật.

đ) Về phân loại cấp độ thảm họa, sự cố (Điều 22):

- Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung phạm vi gây thiệt hại trong địa bàn cấp xã đối với thảm họa, sự cố cấp độ 1, cụ thể: *"Thảm họa, sự cố cấp độ 1 là tình huống xảy ra thảm họa, sự cố làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên một khu vực nhất định trong phạm vi địa bàn xã, huyện, không có khả năng phát tán, lan rộng sang các khu vực khác".*

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa,hoàn chỉnh tại Điều 22 của dự thảo Luật.

- Bộ Tư pháp cho rằng:Dự thảo Luật quy định từng cấp độ thảm họa, sự cố phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí về mức độ thiệt hại, phạm vi ảnh hưởng, khả năng phát tán sang các khu vực khác cũng là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc để bảo đảm tính khả thi và bao quát đầy đủ các tình huống thảm họa, sự cố có thể xảy ra trên thực tế, chẳng hạn: Trường hợp thảm họa, sự cố làm thiệt hại rất nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên một khu vực nhất định, không có khả năng phát tán, lan rộng sang các khu vực khác thì không xác định được cấp độ thảm họa, sự cố theo quy định tại Điều 22 để có biện pháp ứng phó tương ứng…

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửatạiĐiều 5, Điều 6, Điều 15, Điều 22 của dự thảo Luật.

e) Về thẩm quyền ban bố cấp độ thảm họa, sự cố (Điều 23):

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thảo cân nhắc việc quy định cụ thể thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước tại khoản 4 Điều 23 để thống nhất với quy định tại Điều 29 dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 23 và Điều 29 củadự thảo Luật.

g)Về phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó thảm họa, sự cố (Điều 25):

Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực để ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1 hay thảm họa, sự cố ở tất cả các cấp độ xảy ra trên địa bàn.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng giải trình như sau: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện trực tiếp chỉ huy lực lượng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý để ứng phó đối với tất cả các cấp độ thảm họa, sự cố.

h) Về các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, 2, 3 (từ Điều 26 đến Điều 28):

- Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung tại Điều 27 theo hướng ngoài các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, tùy theo mức độ, tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2; bổ sung tại Điều 28 theo hướng ngoài các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, cấp độ 2 tùy theo mức độ, tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3; rà soát để đảm bảo các biện pháp ứng phó phù hợp với tất cả các loại thảm họa, sự cố cấp độ 2 chứ không phải chỉ đối với dịch bệnh; rà soát để đảm bảo quy định thống nhất về thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Luật tại Điều 27, Điều 28.

- Về các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2, Bộ Tư pháp cho rằng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2 phần lớn là các biện pháp ứng phó khi có dịch bệnh nguy hiểm. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu nội dung này để bảo đảm các biện pháp ứng phó phù hợp với tất cả các loại thảm họa, sự cố cấp độ 2.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 27 của dự thảo Luật.

- Về các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu nội dung này để bảo đảm các biện pháp ứng phó phù hợp với tất cả các loại thảm họa, sự cố cấp độ 3. Đồng thời, dự thảo Luật quy định *"Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3"* là chưa phù hợp với quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó thảm họa, sự cố tại Điều 25. Theo đó, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự có thẩm quyền chỉ đạo các địa phương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3 (khoản 4 Điều 25 dự thảo Luật). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn

thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung này để thống nhất về thẩm quyền áp dụng các biện pháp ứng phó, thảm họa sự cố tại các quy định có liên quan.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnhtại Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 của dự thảo Luật.

i) Về tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp (Điều 30):

Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 30 dự thảo Luật về thẩm quyền tổ chức, chỉ đạo thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp, việc chấp hành quy định về tình trạng khẩn cấp. Theo đó, dự thảo Luật chỉ nên quy định những vấn đề có liên quan đến phòng thủ dân sự trong tình trạng khẩn cấp, những vấn đề chung nhất về tình trạng khẩn cấp thì đề nghị thực hiện thống nhất theo quy định tại Hiến pháp và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 29của dự thảo Luật.

k)Về lực lượng thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp (Điều 31):

Bộ Tư pháp đề nghị không quy định về lực lượng thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp liên quan đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 22/NQ-CP.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu,chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 42 của dự thảo Luật.

l)Về các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp (Điều 32):

- Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ *"thiên tai"*tại khoản 1 Điều 32 có nằm trong nội hàm của *"thảm họa"* hay không, lý do sử dụng cụm từ *"thảm họa, thiên tai"* mà không phải là *"thảm họa, sự cố"* để thống nhất với toàn bộ nội dung của dự thảo Luật.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 30 của dự thảo Luật.

- Bộ Tư pháp cho rằng một số biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp tại khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật có sự trùng lắp với các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3 tại Điều 28 dự thảo Luật, chẳng hạn: Tạm dừng hoạt động trường học, hoạt động công cộng, cơ sở vui chơi, giải trí, các hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu; dừng các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn… Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát lại các nội dung này để tránh trùng lắp trong các quy định về biện pháp được áp dụng khi xảy ra thảm họa, sự cố ở các cấp độ khác nhau.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 30, Điều 33 của dự thảo Luật.

m) Về những việc cần làm ngay sau khi bãi bỏ tình trạng khẩn cấp (Điều 35):

Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 2 Điều 35 theo hướng nội dung này sẽ thực hiện thống nhất theo quy định tại Hiến pháp và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 35 của dự thảo Luật.

n) Về các biện pháp đặc biệt hỗ trợ ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp độ 3 và cấp độ 4 (Điều 42):

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí… và phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để hoàn thiện nội dung này, bảo đảm tính thống nhất với các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan cũng như bảo đảm tính khả thi của quy định này.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 40 của dự thảo Luật.

o) Về cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự (Điều 43):

Bộ Tư pháp cho rằng như đã phân tích tại nội dung về sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật, việc dự thảo Luật không quy định Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự được thành lập trên cơ sở hợp nhất một số tổ chức phối hợp liên ngành hiện có là chưa phù hợp với chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự đã được Chính phủ thông qua nên cần được chỉnh lý. Đồng thời, đề nghị cân nhắc không quy định cụ thể thành viên của Ban Chỉ đạo mà để Thủ tướng Chính phủ quy định để bảo đảm phù hợp về thẩm quyền.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 41 của dự thảo Luật.

p) Về Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố (Điều 50)

Bộ Tư pháp cho rằng việc dự thảo Luật không quy định thành lập Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố trên cơ sở hợp nhất các quỹ phòng chống thiên tai, dịch bệnh thành một quỹ duy nhất để không gia tăng *"gánh nặng",* không phát sinh nghĩa vụ đóng góp tài chính của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân là chưa phù hợp với chính sách trong Đề nghị xây dựng dự án Luật Phòng thủ dân sự đã được Chính phủ thông qua nên cần được chỉnh lý. Ngoài ra, khoản 2 Điều 50 dự thảo Luật quy định

"Nguồn tài chính của Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố... được điều tiết từ Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố" là không phù hợp.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 48 của dự thảo Luật.

q) Về bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố (Điều 53):

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố là loại hình bảo hiểm nào trong các loại hình bảo hiểm đã được quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm (bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm). Đồng thời, đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 4 Điều 53 dự thảo Luật về các điều kiện của doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh loại hình bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố. Bởi lẽ, Luật Kinh doanh bảo hiểm đã quy định cụ thể về các điều kiện đối với doanh nghiệp bảo hiểm (Điều 64, Điều 65, Điều 66). Do đó, đề nghị nội dung này thực hiện thống nhất theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 51 của dự thảo Luật.

r) Về trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự (từ Điều 54 đến Điều 75):

Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành để chỉnh lý theo hướng chỉ quy định trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan trực tiếp đến các nội dung của dự thảo Luật. Đồng thời, đối với trách nhiệm của từng bộ, ngành cũng cần nghiên cứu để quy định ngắn gọn và xác định những trách nhiệm liên quan trực tiếp đến hoạt động phòng thủ dân sự, tránh dàn trải.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh từ Điều 52 đến Điều 73 của dự thảo Luật.

s) Về hiệu lực thi hành (Điều 76) và Điều khoản chuyển tiếp (Điều 77):

Bộ Tư pháp nhận thấy, quy định tại dự thảo Luật có nhiều nội dung liên quan đến các luật chuyên ngành, như: Luật Quốc phòng, Luật Phòng chống thiên tai, Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp… Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành để xác định cụ thể các quy định, văn bản sẽ hết hiệu lực thi hành sau khi Luật Phòng thủ dân sự có hiệu lực thi hành. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung điều khoản chuyển tiếp trong trường hợp cần thiết.

Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh tại Điều 74 và Điều 75 của dự thảo Luật.

6. Một số nội dung khác

Bộ Quốc phòng đã hoàn thiện một số nội dung về kỹ thuật soạn thảo văn bản, ngôn ngữ tại các điều khoản có liên quan của dự thảo Luật theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiệnhồ sơ dự án Luật như: Tờ trình, dự thảo Luật, Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

Trên đây là nội dung Báo cáo tiếp thu, giải trình thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Phòng thủ dân sự. Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bộ trưởng BQP (để b/c);
- BTTM, TCCT;
- Lưu: VP, Cục CHCN, PC. Ti08.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Thượng tướng Nguyễn Tân Cương

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3075 /BC-BQP	*Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2021*

BÁO CÁO
Tổng kết tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu nạn

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 7485/VPCP-NC ngày 09/9/2020 của Văn phòng Chính phủ:*"Giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợpvớicác bộ, ngành, địa phương tiến hành* ***tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu nạn từ năm 2005 đến nay****"*, Bộ Quốc phòng đã phối hợp với các ban, bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành tổng kết thihành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu nạn từ năm 2005 đến năm 2020 (sau đâygọi chung làvăn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự). Trên cơ sở Báo cáo tổng kết của 63 tỉnh, thành phố, 45ban, bộ, ngànhở trungương, Bộ Quốc phòng xin báo cáo về tình hình và kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

1. Bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế - xã hội

Thếgiới trong Thế kỷ 21, mặc dù hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, song vẫn phải đối mặt với nhiều trở ngại, khó khăn, như:Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; xung đột cục bộ ở một số khu vực và quốc gia; toàn cầu hóa,… Tình hình đó làm gia tăng rủi ro đối với môi trường chính trị, an ninh quốc tế. Trong bối cảnh đó, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, là khu vực phát triển năng động, ngày càng thể hiện vị thế chiến lược quan trọng.Tuy nhiên, đây cũng là khu vực các nước lớn luôn muốn gia tăng sự ảnh hưởng, vì vậy tình hình khu vực luôn tiềm ẩn các yếu tố mất ổn định; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, tranh chấp khai thác tài nguyên,... đang diễn biến phức tạp, dễ nảy sinh xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ.Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Các thảm họa do chiến tranh, xung đột vũ trang là yếu tố tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp và khó lường.

Dịch bệnh COVID-19 đang diễn ra hết sức phức tạp, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố là "Đại dịch toàn cầu" với những tác động hết sức tiêu cực đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trên toàn thế giới: Thiệt hại về sinh mạng con người, suy thoái trầm trọng về kinh tế, bất ổn xã hội, tình trạng thất nghiệp,

phân biệt chủng tộc,... Theo dự báo của Ủy ban Đa dạng sinh học của Liên hợp quốc (IPBES), dưới tác động của tình trạng biến đổi khí hậu và suygiảmđa dạng sinh học, trong tương lai các đạidịch sẽ xảy ra thường xuyênhơn, với mức độ nguy hiểm cao hơn và gây nhiều thiệt hại hơn cho nền kinh tế toàn cầu.

Các bất ổn gây ra từ các yếu tố tự nhiên như động đất, sóng thần, nước biển dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, bão lũ, cháy rừng,... trong những năm qua đã xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới với phạm vi rộng, mật độ dày, cường độ cao, gây hậu quả nghiêm trọng. Số liệu thống kê trong 20 năm qua cho thấy tình hình thiên tai có xu thế ngày càng gia tăng và khó lường, diễn biến bất thường, trái quy luật và ngày càng nghiêm trọng. Ở Việt Nam, những năm gần đây tại khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ vốn ít khi xảy ra thiên tai lớn, thì nay bão lũ xảy ra ngày càng nhiều; nhiều khu vực mưa đặc biệt lớn, vượt giá trị lịch sử; bão lớn trên cấp 11-12thường xuyên xảy ra và trái quy luật; lũ lớn cũng xảy ra thường xuyên; hạn hán trên diện rộng, kéo dài tại các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây nguyên.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sự phát triển kinh tế, các hoạt động sản xuất, dịch vụ (xây dựng các khu công nghiệp lớn và hiện đại, nhà cao tầng, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí, chế biến, vận chuyển, khai thác thủy hải sản trên biển,...) phát triển nhanh, mạnh làm tăng nguy cơ xảy ra các sự cố, thảm họa như ô nhiễm môi trường quy mô lớn; cháy nổ, sập đổ hầm lò; tai nạn trong các hầm giao thông; cháy nổ khu công nghiệp, đường ống dẫn dầu, khí; tràn dầu, rò rỉ hóa chất độc xạ; sập đổ nhà cao tầng, chung cư,… Các áp lực về chuyển đổi phương thức phát triển trong bối cảnh khó khăn, thiếu hụt về tài nguyên, năng lượng, ô nhiễm môi trường trong thời gian tới cũng rất có thể sẽ đặt Việt Nam trước những thách thức mới. Cùng với đó, các thế lực thù địch đã, đang và sẽ lợi dụng công nghệ thông tin, không gian mạng và thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để chống phá, tạo ra khủng hoảng niềm tin, nguy cơ mất ổn định.

Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động, khó khăn, thách thức đó, hoạt động phòng thủ dân sự và cùng với nó là sự ứng phó, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa ngày càng đóng vai trò quan trọng, góp phần kịp thời triển khai các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm an toàn hoặc hạn chế thấp nhất mức độ thiệt hại về người và tài sản của nhà nước và nhân dân, đồng thời đặt ra yêu cầu đòi hỏi sự thích ứng, điều chỉnh nhanh của chính sách, pháp luật về phòng thủ dân sự.

2. Cơ sở chính trị của hoạt động phòng thủ dân sự

Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đề ra yêu cầu *"sau năm 2010, xây dựng mới các đạo luật về phòng thủ dân sự"*.

Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó,

khắc phục hậu quả thiên tai yêu cầu *"sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan theo hướng khắc phục các chồng chéo, xung đột, bổ sung các quy định mới bảo đảm sự thống nhất, phù hợp, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, khả thi, thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai"*.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh một số quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển của đất nước, trong đó yêu cầu "*Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm hoạ môi trường, dịch bệnh*"; "*Chú trọng an ninh, an toàn là một trong những yếu tố hàng đầu trong cuộc sống của người dân. Xác định "chủ động phòng ngừa" là chính. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh".*

3. Cơ sở pháp lý củahoạt động phòng thủ dân sự

Phòng thủ dân sự là bộ phận quan trọng trong hệ thống phòng thủ quốc gia, được Đảng, Nhà nước quan tâm. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quanvề phòng thủ dân sự đã được ban hành trong thời gian qua.Luật Quốc phòng năm 2005 và Nghị định số 117/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ về phòng thủ dân sự đã bước đầu đặt nền móng, tạo cơ sở pháp lý để hoạt động phòng thủ dân sự được tổ chức triển khai bài bản từ trung ương đến địa phương, nâng cao hiệu quả phòng, chống, ứng phó với thảm họa. Luật Quốc phòng năm 2018vàNghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự (sau đây viết gọn là Nghị định số 02/2019/NĐ-CP) đã tiếp tục kế thừa các nội dung còn phù hợp về phòng thủ dân sự tại các văn bản nêu trên, tạo khung pháp lý chung cho hoạt động phòng thủ dân sự. Trong đó quy định *"phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân"*.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật còn có nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự như: Luật Phòng, chống thiên tai,Luật Phòng cháy và Chữa cháy, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Giao thông đường bộ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

II.TÌNH HÌNH THI HÀNHCÁCVĂN BẢNQUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

1. Về triển khai các hoạt động phòng thủ dân sự trước khi có chiến tranh, thảm họa

a) Quy định của pháp luật

- Nghị định số 02/2019/NĐ-CP quy định nguyên tắc: "Phòng thủ dân sự phải được chuẩn bị từ trước khi xảy ra các thảm họa, chiến tranh; tích cực thực

hiệnphương châm phòng là chính;… phát huy vai trò của lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ, hậu cần tại chỗ" (khoản 4 Điều 3);cơ sở, nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung chính của chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự các cấp (Điều 5, Điều 6); xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự, trang bị phòng thủ dân sự (Điều 7, Điều 8); hệ thống tiếp nhận, xử lý, cảnh báo, thông báo, báo động thông tin phòng thủ dân sự (Điều 9, Điều 10); tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện về phòng thủ dân sự (Điều 15, Điều 16). Nghị định số 02/2019/NĐ-CP cũng quy định cụ thể các biện pháp phòng thủ dân sự trước khi có chiến tranh (khoản 1Điều 30); biện pháp phòng thủ dân sự trước khi có thảm hoạ (Điều 31).

- Luật Phòng, chống thiên tainăm 2013 quy định về nội dung phòng ngừa thiên tai (Điều 13) gồm: Điều tra cơ bản, xây dựng, phê duyệt và thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng, chống thiên tai; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của cả nước, của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành; xây dựng chính sách trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai và theo dõi, giám sát thiên tai; xây dựng, phê duyệt và thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, có kế hoạch di dời dân cư vùng có rủi ro thiên tai rất cao; xác định cấp độ rủi ro thiên tai[1]; xây dựng và quản lý công trình phòng, chống thiên tai; tổ chức, tham gia thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; chuẩn bị ứng phó thiên tai[2].

- Luật Phòng cháy và Chữa cháy năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định các biện pháp cơ bản trong phòng cháyđối với nhà ở, khu dân cư, phương tiện giao thông cơ giới, rừng, cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; phòng cháy trong khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng, bảo quản sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, vật tư, hàng hóa khác có nguy hiểm về cháy, nổ; phòng cháy đối với công trình cao tầng, công trình trên mặt nước, công trình ngầm, đường hầm, hầm lò khai thác khoáng sản, nhà khung thép mái tôn; phòng cháy trong sản xuất, cung ứng, sử dụng điện và thiết bị, dụng cụ điện; phòng cháy đối với cơ sở hạt nhân, chợ, trung tâm thương mại, kho tàng, cảng hàng không, cảng biển, cảng thủy nội địa, nhà ga, bến xe, bệnh viện, trường học, khách sạn, nhà nghỉ, vũ trường, rạp hát, rạp chiếu phim và những nơi đông người khác; cơ sở sản xuất, kho vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; trụ sở làm việc, thư viện, bảo tàng, kho lưu trữ,… (Chương II).

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễmnăm 2007 quy định về phòng bệnh truyền nhiễm, gồm: Thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bệnh truyền nhiễm; vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm; giám sát bệnh truyền nhiễm; an

[1] Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai (gồm 5 cấp độ).

[2] Bao gồm xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể; chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai; tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; tổ chức dự báo, cảnh báo thiên tai; tổ chức và tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

toàn sinh học trong xét nghiệm; sử dụng vac-xin, sinh phẩm y tế phòng bệnh; phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Chương II).

- Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 quy định về việc lập báo cáo đánh giá an toàn đối với công việc bức xạ, cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu, nhà máy điện hạt nhân, cơ sở thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ; kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh và kế hoạch ứng phó sự cố khi vận chuyển vật liệu phóng xạ; khai báo chất phóng xạ, thiết bị bức xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân; giấy phép tiến hành công việc bức xạ. Sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân được phân thành 5 nhóm tình huống có thể xảy ra để xây dựng kế hoạch ứng phó (Điều 82); có 7 mức sự cố để thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; kế hoạch ứng phó sự cố (bao gồm cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp quốc gia).

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (mục 1 Chương X) có quy định chung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường; phân cấp sự cố môi trường (sự cố môi trường cấp cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia - khoản 1 Điều 123) và các giai đoạn ứng phó sự cố môi trường; chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường.

b) Thực tiễn thi hành

Thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự trước khi có chiến tranh, thảm họa đã đạt được những kết quả sau đây:

- Các bộ, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch ứng phó với các tình huống, thảm họa cơ bản phù hợp với đặc điểm tình hình của bộ, ngành, địa phương, bước đầu cơ bản đáp ứng công tác chỉ đạo, chỉ huy điều hành và phối hợp giữa các lực lượng khi có tình huống xảy ra.Đến thời điểm hiện nay, đã hoàn chỉnh các kế hoạch ứng phó với tình huống cơ bản cấp quốc gia trong các lĩnh vực: (1) Kế hoạch quốc gia ứng phó với sự cố tràn dầu, (2) Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, (3) Kế hoạch quốc gia ứng phó tai nạn tàu thuyền trên biển, (4) Kế hoạch quốc gia ứng phó tai nạn máy bay.

- Các hoạt động phòng thủ dân sự trước khi có chiến tranh, thảm họa được các cơ quan, tổ chức triển khai thường xuyên; tuyên truyền, phổ biến, nâng cao kiến thức, hiểu biết về phòng chống chiến tranh, thảm hoạ; xây dựng các công trình phòng thủ dân sự; tổ chức huấn luyện, diễn tập hằng năm theo quy định; duy trì chế độ ứng trực sẵn sàng cơ động ứng phó và xử lý kịp thời các tình huống, nhất là ở những địa bàn trọng điểm, có nguy cơ cao xảy ra sự cố, thảm họa. Từ 2015 đến nay, các bộ, ngành, địa phương tổ chức huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường không, đường biển, ứng phó sự cố tràn dầu, ứng phó sự cố hóa chất độc xạ, sinh học, bức xạ hạt nhân và điều khiển phương tiện thủy nội địa được 170 khóa/103.878 lượt người; tậphuấn190 khóa/18.532 lượt người; diễn tập cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 1.383 cuộc/217.714 lượt người[3].

[3] Theo Báo cáo đánh giá thực trạng năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hiện nay (Bộ Quốc phòng), Hội thảo xây dựng đề án phát triển và nâng cao năng lực ứng phó SCTT&TKCN đến năm 2030 và những năm tiếp theo - tháng 3/2021.

- Hệ thống kết nối dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động thông tin phòng thủ dân sự (các trung tâm, các đài dự báo khí tượng thủy văn; các trạm báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; các trạm quan trắc - cảnh báo môi trường độc xạ; các đài, trạm quan sát, báo động phòng không nhân dân, hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin…) được đầu tư xây dựng ngày càng hiện đại[4]. Độ chính xác của các dự báo, cảnh báo được nâng lên[5]. Thông tin được truyền tải qua hệ thống thông tin, truyền thông ở trung ương và địa phương, mạng điện thoại di động, mạng xã hội, công cụ truyền thanh cơ sở bằng nhiều thứ tiếng dân tộc,… đã góp phần nâng cao nhận thức cũng như cung cấp thông tin về dự báo, cảnh báo, chỉ đạo điều hành, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố đến cộng đồng kịp thời.

c) Vướng mắc, bất cập

*Thứ nhất,*việc triển khai các hoạt động phòng thủ dân sự trước khi có chiến tranh, thảm họa chưa được sâu rộng về mọi mặt; công tác thông tin, tuyên truyền chưa được tổ chức thực hiện thường xuyên, bài bản, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nội dung về phòng thủ dân sự chủ yếu được thực hiện lồng ghép trong chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung, dẫn đến việc triển khai nhìn chung chưa được sâu sắc, hiệu quả.

*Thứ hai,*kế hoạch phòng thủ dân sự chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, việc triển khai kế hoạch trên thực tế khi xử lý tình huống xảy ra trên địa bàn thiếu nhịp nhàng, hiệu quả. Nhiều quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KT-XH chưa gắn chặt với việc phòng, chống sự cố, thảm họa. Một số kế hoạch quốc gia ứng phó với các tình huống cơ bản chưa được xây dựng, ban hành[6].

Thứ ba, công tác dự báo, cảnh báo mặc dù có nhiều tiến bộ, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, có lúc thiếu chính xác, không kịp thời, nhất là các loại hình thiên tai như lũ quét, sạt lở đất,… nên gặp nhiều khó khăn trong chỉ đạo phòng chống và chuẩn bị lực lượng, phương tiện ứng phó[7]; mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy vẫn còn hạn chế[8], mật độ các trạm thưa, thiết bị đo đạc còn

---

[4] Ví dụ như ứng dụng các sản phẩm dự báo số quy mô toàn cầu (Châu Âu, Nhật và Mỹ) và quy mô khu vực (WRF, HRM, COSMO) trong dự báo khí tượng; công nghệ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất (hệ thống FFGS và hệ thống SEAFFGS);

[5] Ví dụ: độ chính xác trong bản tin dự báo bão (vị trí và cường độ bão) của Việt Nam tiệm cận với trình độ dự báo bão của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới (từ năm 2018, đã nâng thời hạn dự báo quỹ đạo bão lên 05 ngày và ATNĐ lên 03 ngày nhằm đáp ứng tốt hơn công tác phòng, chống thiên tai). Dự báo, cảnh báo các hiện tượng thiên tai khí tượng khác (mưa lớn,dông, lốc, sét, mưa đá, mưa lớn cục bộ, định lượng mưa, rét đậm, rét hại, nắng nóng diện rộng): Độ tin cậy đạt từ 60-80% (Báo cáo tham luận của Tổng cục khí tượng thủy văn).

[6] Như: Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu, khí; kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư; kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng, hầm lò khai thác khoáng sản; kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố động đất, sóng thần; kế hoạch quốc gia ứng phó tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng; kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố vỡ đê, hồ, đập; kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố cháy rừng v.v... (theo Báo cáo đánh giá thực trạng năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hiện nay (Bộ Quốc phòng), Hội thảo xây dựng đề án phát triển và nâng cao năng lực ứng phó SCTT&TKCN đến năm 2030 và những năm tiếp theo- tháng 3/2021.

[7] Báo cáo tổng kết của Thành phố Hà Nội.

[8] Số lượng các trạm, điểm quan trắc khí tượng thủy văn được đầu tư xây dựng và thành lập mới trong giai đoạn 2016 -2020 cho mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn quốc gia là 59/1.433 trạm/điểm quan trắc, tỷ lệ trung bình chỉ đạt 4,2%.

thủ công[9]; chưa có bản đồ dự báo các loại hình thiên tai, đặc biệt là sạt lở đất, lũ ống, lũ quét, quy hoạch vùng dân cư thống nhất[10]; khâu điều tra, khảo sát, đánh giá và dự báo trong quá trình xây dựng các chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự chưa được chú trọng; năng lực dự báo còn hạn chế; cảnh báo thảm họa, sự cố có độ chính xác chưa cao.

Thứ tư, việc xây dựng các công trình phòng ngừa thảm họa chiến tranh chưa được chú trọng; các công trình phòng, chống thiên tai chưa được đầu tư đúng mức; việc chấp hành phương án quy hoạch của các vùng dân cư an toàn từ phía người dân còn chưa nghiêm; công tác quản lý quy hoạch còn thiếu kiên quyết nên thiệt hại trong thảm họa, thiên tai còn lớn.

d) Giải pháp khắc phục vướng mắc, bất cập trong việc triển khai các hoạt động phòng thủ dân sự trước khi có chiến tranh, thảm họa

- Việc xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự cần bài bản, khoa học, dựa trên kết quả khảo sát, đánh giá cấp độ rủi ro, nguy cơ xảy ra các thảm hoạ, sự cố thường gặp trên địa bàn; tính toán các yếu tố tác động và yêu cầu phòng thủ dân sự trong từng giai đoạn, thời kỳ; chuẩn bị sẵn sàng các phương án ứng phó, khắc phục, bố trí lực lượng, phương tiện, công trình phòng thủ, các biện pháp bảo vệ nhân dân, cơ quan, tổ chức, kế hoạch sơ tán,…

- Rà soát để sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định về tiêu chí đánh giá rủi ro, cấp độ rủi ro xảy ra thảm hoạ, sự cố. Việc quy định rõ các tiêu chí đánh giá rủi ro sẽ giúp tăng sự chủ động của người dân và các cấp chính quyền, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự, công trình phòng thủ,… phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương, địa bàn.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong dự báo, thông báo, cảnh báo, báo động sự cố, thảm họa,…

- Tăng cường huấn luyện, diễn tập các biện pháp phòng, tránh, khắc phục hậu quả thảm hoạ, chiến tranh; đổi mới toàn diện về huấn luyện phòng thủ dân sự, xây dựng chương trình huấn luyện chi tiết phù hợp với nhiệm vụ phòng thủ dân sự trên các địa bàn vùng, miền khác nhau[11].

- Thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời các nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố.

2. Về triển khai các biện pháp phòng thủ dân sự khi có chiến tranh, thảm họa

a) Quy định của pháp luật

- Biện pháp khi có chiến tranh (khoản 2 Điều 30Nghị định số 02/2019/NĐ-CP): Tiếp tục xây dựng bổ sung hầm ẩn nấp, công trình ngầm, công trình phòng, tránh kết hợp với ngụy trang, nghi binh mục tiêu; triển khai hệ

[9] Báo cáo tham luận của Tổng cục Khí tượng thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[10] Báo cáo tổng kết của Bộ Công Thương

[11] Báo cáo tổng kết của TP. Hà Nội.

thống đài quan sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân các cấp, kịp thời phát hiện các phương tiện bay của địch, tổ chức thông báo, báo động cho các lực lượng phòng, tránh, đánh trả; tổ chức sơ tán, phân tán cho người và tài sản của các cơ quan, đơn vị và nhân dân ra khỏi vùng trọng điểm địch đánh phá; cất giấu phương tiện, trang bị vào các công trình ngầm, hang, động để ẩn nấp, bảo toàn lực lượng, phương tiện; dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống cá nhân; hạn chế không phát ra ánh sáng, tiếng động, tạm dừng thông tin, liên lạc vào ban đêm; các cơ quan, đơn vị Quân đội và lực lượng Dân quân tự vệ tổ chức phòng tránh, bảo vệ các mục tiêu được phân công, đánh trả địch trên các hướng, áp dụng các biện pháp khắc phục, vô hiệu hóa vũ khí hủy diệt lớn của địch; nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện ở các cấp tiến hành các biện pháp khẩn cấp, kịp thời cứu chữa và đưa người ra khỏi khu vực xảy ra thảm họa chiến tranh.

- *Biện pháp khi có thảm họa (Điều 30 Nghị định số 02/2019/NĐ-CP):* Sơ tán nhân dân, phân tán tài sản của nhà nước và nhân dân đến khu vực an toàn; bảo đảm trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân, lương thực thực phẩm, nước uống và các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người trong khu vực xảy ra thảm họa; quan sát, trinh sát phát hiện kịp thời, đánh dấu, khoanh vùng, tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng cho người, trang bị, phương tiện ở khu vực bị nhiễm phóng xạ, sinh học, hóa chất độc hại; các cơ quan chức năng thuộc bộ, ngành trung ương, địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng, phương tiện cơ động, tiếp cận, nhanh chóng đến hiện trường để kịp thời tiến hành các biện pháp khẩn cấp, ứng phó với các thảm họa; sơ cứu, chuyển nạn nhân đến các cơ sở y tế gần nhất; tiếp tế nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, thuốc y tế và các vật chất cần thiết khác đến các khu vực bị nạn, kịp thời cứu trợ và bảo đảm đời sống, sinh hoạt cho nhân dân ở những vùng, khu vực bị chia cắt do thảm họa gây ra; các cấp, các ngành triển khai thực hiện các biện pháp khẩn cấp, nhanh chóng khắc phục hậu quả thảm họa, sớm ổn định tình hình chính trị xã hội và đời sống của nhân dân; bảo đảm an ninh trật tự; phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường tại những khu vực xảy ra thảm họa.

Ngoài ra, khi có sự hỗ trợ của quốc tế về ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạnBộ Quốc phòng chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ: Công an, Giao thông vận tải, Ngoại giao, Tài chính chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc quyền làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu: Đối với người được phép đến Việt Nam, được làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh ưu tiên tại các cửa khẩu đường không, đường thủy, đường bộ; trường hợp chưa có thị thực, được cấp thị thực tại cửa khẩu; phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa được phép nhập khẩu, tái xuất sau khi hoàn thành hoạt động ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn được ưu tiên làm thủ tục thông quan tại các cửa khẩu đường không, đường thủy, đường bộ; tiếp nhận, điều phối, triển khai bố trí lực lượng, phương tiện của nước ngoài tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa nhanh nhất, bảo đảm an toàn.

b) Thực tiễn thi hành

Việc triển khai các biện pháp phòng thủ dân sự khi có chiến tranh, thảm họa đạt được kết quả cụ thể như sau:

- Về cơ bản, các cơ quan, đơn vị duy trì nghiêm chế độ ứng trực 24/24 giờ ở các cấp, chủ động theo dõi nắm chắc tình hình, ứng phó kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra, góp phần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhà nước và nhân dân. Các đơn vị Quân đội trong khu vực xảy ra thiên tai đã tích cực, chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể và các lực lượng khác trên địa bàn tổ chức tìm kiếm cứu nạn, sơ tán người dân tới những nơi an toàn, hướng dẫn phòng tránh, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn địa bàn. Trong 05 năm qua, các bộ, ngành, địa phương điều động được 1.346.597 lượt người/44.739 lượt phương tiện ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; xử lý hiệu quả 11.490 vụ, cứu được 19.239 người/1.006 phương tiện. Trong đó, riêng Quân đội ứng phó, xử lý các vụ việc, tìm kiếm cứu nạn chiếm 70% trên phạm vi toàn quốc: Chỉ đạo, điều động 979.282 lượt người (Bộ đội 422.071 người, DQTV: 530.411 người) và 19.741 lượt phương tiện, tham gia tìm kiếm cứu nạn 6.962 vụ, cứu được 145.521 người và 11.488 phương tiện. Thiệt hại vật chất giai đoạn 2015-2020 khoảng 660 triệu USD/năm, giảm 32% so với giai đoạn 2006-2014 (giai đoạn 2006-2014 thiệt hại khoảng 976 triệu USD/năm). Đó là kết quả của việc triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Một số vụ việc điển hình có thể kể đến như: Vụ tìm kiếm cứu nạn 12 công nhân trong sập hầm Đạ Dâng, Lâm Đồng (năm 2014); vụ Tìm kiếm cứu nạn sập giàn giáo tại công trường FORMOSA, khu công nghiệp Vũng Áng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngày (3/2015); vụ cháy kho chứa vải thuộc Công ty may mặc KWUNG LUNG, MEKONG (3/2017) tại Cần Thơ; vụ chìm tàu Hải Thành 26 (3/2017); vụ cháy tàu chở dầu Hải Hà 18/Công ty Hải Linh/Thái Bìnhtại TP. Hải Phòng (3/2018); vụ sạt lở đất tại các huyện Trà Leng, Trà Vân, Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam (2020)[12].

- Công tác phòng, chống thiên tai, thông tin, tìm kiếm, cứu nạn trên biển được triển khai nghiêm túc với nhiều biện pháp như: Thường xuyên duy trì kênh thông tin liên lạc với ngư dân, tổ chức kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền, ngư dân đang hoạt động trên biển di chuyển ra khỏi vùng ảnh hưởng của bão hoặc về bờ neo đậu tránh, trú an toàn (những năm gần đây tuy số lượng tàu thuyền của ngư dân hoạt động rất lớn nhưng số lượng tàu thuyền bị nạn trên biển do bão giảm); tổ chức cứu chữa các bệnh nhân trên các đảo, nhà giàn, trên biển; cứu vớt người, phương tiện bị mắc cạn, hỏng máy thả trôi; khắc phục sự cố, máy móc của các tàu cá bị nạn trên biển. Các phương tiện tàu, ca nô của các đơn vị luôn được duy trì trong tình trạng sẵn sàng hoạt động để tham gia công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn. Khi có tình huống tai nạn, sự cố liên quan đến tàu vận tải xảy ra trên biển, các đơn vị chức năng đã chủ động đánh giá tình hình nguồn lực hàng hải tại khu vực để quyết định việc điều động lực lượng và phương tiện tham gia vào hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, huy động nguồn lực từ các bộ, ngành, địa phương tham gia phối hợp tìm kiếm, cứu nạn để ứng cứu người và phương tiện bị nạn trong trường hợp hoạt động ứng cứu đối tượng bị nạn.

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp, trong giai đoạn 05 năm từ 2016 đến năm 2020, Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam đã xử lý

[12] Báo cáo của Cục Cứu hộ - Cứu nạn/BTTM.

tổng cộng 2.845 vụ việc báo nạn; điều động phương tiện chuyên dụng tìm kiếm, cứu nạn 393 lần; cứu, hỗ trợ tổng cộng 4.882 thuyền viên, người đi biển gặp tai nạn, sự cố, trong đó có 183 người nước ngoài; cứu, hỗ trợ 409 tàu, trong đó có 11 phương tiện nước ngoài; thực hiện thành công 64 vụ tìm kiếm, cứu nạn tại khu vực biển quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, cứu và hỗ trợ hàng trăm ngư dân, công dân và các phương tiện. Vụ tìm kiếm, cứu nạn xa nhất thực hiện tại khu vực phía Đông đảo Bông Bay, quần đảo Hoàng Sa, cách bờ trên 380 hải lý[13].

- Công tác tìm kiếm, cứu nạn bằng đường không cũng đạt được những kết quả tích cực. Để kịp thời cứu chữa cho những nạn nhân tại những nơi gặp thiên tai, Quân chủng Phòng không - Không quân thuộc Bộ Quốc phòng đã sử dụng trực thăng, bay chuyên cơ chở đoàn công tác của Chính phủ và các bộ, ngành đi thị sát, kiểm tra chỉ đạo khắc phục hậu quả bão, lũ lụt; bay vận chuyển nạn nhân, bay thông báo bão, bay tìm kiếm cứu nạn; bay vận chuyển bệnh nhân từ các đảo xa về đất liền cấp cứu kịp thời, an toàn.

- Trong công tác ứng phó với dịch bệnh quy mô lớn, năm 2020 chứng kiến sự bùng phát của dịch Covid-19 trên phạm vi toàn thế giới, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 3088/QĐ-BYT ngày 16/7/2020 ban hành Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn phòng chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp áp dụng cho các bệnh viện công lập và ngoài công lập, góp phần bảo đảm hoạt động khám, chữa bệnh an toàn và hiệu quả của bệnh viện trong dịch Covid-19 và các bệnh viêm đường hô hấp cấp; Quyết định số 3888/QĐ-BYT ngày 08/9/2020 ban hành Sổ tay hướng dẫn phòng, chống dịch Covid-19 tại cộng đồng trong trạng thái bình thường mới.

c) Vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, một trong những nguyên tắc trong phòng thủ dân sự nói chung và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ nói riêng được quy định tại Nghị định số 02/2019/NĐ-CP và Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn là thực hiện theo phương châm "4 tại chỗ". Tuy nhiên, nội dung này mới chỉ dừng lại ở nguyên tắc mà chưa được quy định cụ thể nên việc thực hiện đôi khi còn gặp khó khăn do chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện.

Thứ hai, năng lực ứng phó đối với sự cố hóa chất độc của các địa phương còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu, khiến việc triển khai các hoạt động phòng thủ dân sự trong trường hợp có chiến tranh, thảm họa chưa đạt hiệu quả. Các bộ, ngành trung ương, trong đó Bộ Quốc phòng là nòng cốt có khả năng tổ chức ứng phó, khắc phục các sự cố hóa chất cấp tỉnh (khoản 3 Điều 5 Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc, ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ); tuy nhiên, lực lượng này còn mỏng nên không đủ năng lực ứng phó cùng lúc nhiều sự cố, sự cố đa tác nhân.

---

[13] Tham luận của Cục Hàng hải Việt Nam/Bộ Giao thông vận tải tại Hội thảo xây dựng đề án phát triển và nâng cao năng lực ứng phó SCTT&TKCN đến năm 2030 và những năm tiếp theo- tháng 3/2021.

d) Giải pháp khắc phục vướng mắc, bất cập trong triển khai các biện pháp phòng thủ dân sự khi có thảm họa xảy ra

- Nâng cao năng lực phòng thủ dân sự cho cấp xã để chủ động thực hiện các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa trong phạm vi địa phương mình.

- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống tổ chức, chỉ huy, điều hành và phương án cứu hộ, cứu nạn, xử lý sự cố; đồng bộ các loại trang thiết bị, phương tiện sử dụng làm nhiệm vụ ứng phó sự cố; cách thức bảo quản vật chất, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra...

- Quán triệt thực hiện đúng phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó các sự cố và tìm kiếm cứu nạn đã được quy định tại Điều 10 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP; quy định cụ thể các nội dung cần thiết của phương châm "4 tại chỗ" để có cơ sở thực hiện thống nhất.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế vận hành ứng phó sự cố đối với các mức độ sự cố sao cho phù hợp, đúng nguyên tắc, bảo đảm vận hành được nhanh chóng, hiệu quả; kèm với đó là có những cơ chế đặc thù cho việc huy động lực lượng, phương tiện, vật tư cho ứng phó, khắc phục sự cố.

- Đánh giá tổng thể rủi ro thiên tai, đa thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn; có hệ thống giám sát và cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực cho các khu vực vùng núi, trung du trên toàn quốc, chi tiết đến cấp huyện.

- Xây dựng công cụ cảnh báo, dự báo chi tiết phạm vi ngập lụt, độ sâu ngập lụt vùng hạ lưu các lưu vực sông và hồ chứa ; công nghệ hiện đại dự báo sóng , dòng chảy, nước dâng do bão và ngập lụt ven bờ , triều cường, lan truyền chất ô nhiễm và vật thể trôi chi tiết cho các đảo , vùng ven bờ biển, cửa sông và tuyến hàng hải.

- Ban hành tiêu chí đánh giá năng lực ứng phó sự cố tràn dầu của các công ty cung cấp dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu/các đơn vị tự thực hiện công tác ứng phó sự cố tràn dầu dựa theo sự tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế đang áp dụng như: Hướng dẫn đánh giá năng lực các tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu (OSRO) của IPIECA & IOGP.

- Xây dựng cơ chế phối hợp hành động tranh thủ sự giúp đỡ về vật chất, trang bị cũng như kinh nghiệm tổ chức lực lượng, chỉ đạo, chỉ huy, huấn luyện, diễn tập và tổ chức thực hiện của các nước.

3. Về triểnkhaicác biện pháp khắc phục hậu quả khi xảy ra chiến tranh, thảm họa

a) Quy định của pháp luật

- Khắc phục hậu quả thảm họa do chiến tranh gây ra (khoản 3 Điều 30 Nghị định số 02/2019/NĐ-CP): (a) Tổ chức lực lượng cứu sập, cứu thương vận

chuyển, điều trị người bị thương, nhiễm độc, nhiễm xạ; tiêu tẩy, tiêu độc cho các đối tượng; dự trữ vô trùng nước; các biện pháp hạn chế cách ly và chống các tác nhân sinh học trong khu vực bị nhiễm;(b)Đánh giá, thống kê thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ, sửa chữa các công trình bị hư hỏng, bảo vệ an ninh, phòng chống dịch bệnh;(c) Khắc phục hậu quả môi trường, nhanh chóng khôi phục sản xuất, thực hiện tốt công tác chính sách, bảo đảm đời sống cho nhân dân và duy trì mọi hoạt động của xã hội.

- *Biện pháp bảo vệ nhân dân trong và sau khi xảy ra thảm họa và chiến tranh (Điều 33, Nghị định số 02/2019/NĐ-CP):* Chủ động phòng ngừa, chuẩn bị trước các trang bị phòng hộ; kịp thời thông báo, báo động, hướng dẫn, phân tán, sơ tán nhân dân đến khu vực an toàn, ít nguy hiểm; cấp cứu, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn người và phương tiện bị nạn; kịp thời cứu trợ và bảo đảm các điều kiện về ăn, ở, vệ sinh cho nhân dân ở những vùng, khu vực bị chia cắt do thảm họa gây ra; cảnh báo không cho người, phương tiện không có phận sự vào khu vực xảy ra thảm họa; bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực xảy ra thảm họa, nơi sơ tán nhân dân; tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, ổn định đời sống nhân dân, phục hồi và phát triển sản xuất; thực hiện các biện pháp đặc biệt khi có tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Hành động của nhân dân: Chấp hành lệnh thông báo, báo động và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan thường trực phòng thủ dân sự và lực lượng phòng thủ dân sự; các phương tiện, vật dụng bảo vệ cá nhân được chuẩn bị sẵn, sử dụng khi có báo động hoặc hướng dẫn của lực lượng phòng thủ dân sự; tự mình hoặc giúp đỡ người khác cấp cứu hoặc tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng ban đầu; chấp hành nghiêm việc sơ tán, ẩn nấp và chỉ được rời khỏi vị trí khi có lệnh, tín hiệu báo an toàn của cấp có thẩm quyền.

- *Biện pháp bảo vệ cơ quan, tổ chức, nền kinh tế quốc dân trong và sau khi xảy ra thảm họa và chiến tranh (Điều 34, Nghị định số 02/2019/NĐ-CP):*Chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự theo kế hoạch và sự chỉ đạo của cơ quan thường trực về phòng thủ dân sự cùng cấp; huy động lực lượng, phương tiện tiến hành sơ tán người, vật chất, trang bị, phương tiện của cơ quan, tổ chức đến khu vực an toàn, ít nguy hiểm; tiến hành biện pháp ngụy trang, che chắn, bảo đảm an ninh trật tự nơi ở, làm việc của cơ quan, tổ chức ở nơi sơ tán; khắc phục hậu quả, nhanh chóng phục hồi sản xuất, công tác; thực hiện các biện pháp đặc biệt khi có tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Lực lượng phòng thủ dân sự thực hiện các biện pháp: Triển khai lắp đặtthiết bị an toàn cho các công trình, phòng tránh để đưa vào sử dụng; cấp phát phương tiện phòng hộ cá nhân; thông báo, báo động, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chấp hành các quy định về trú ẩn và sử dụng công trình phòng tránh; tổ chức, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sơ tán khi có lệnh, các lực lượng phòng cháy, chữa cháy, cứu sập, tìm kiếm cứu nạn, lực lượng hóa học sẵn sàng làm nhiệm vụ; tổ chức xử lý y tế và

chôn cất người chết, xác động vật; khử trùng, tiêu độc và dập dịch; hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện biện pháp phòng dịch; thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh trật tự, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, trinh sát, phát hiện, đánh dấu, khoanh vùng, tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng cho người, phương tiện, cơ sở vật chất bị nhiễm các tác nhân phóng xạ, hóa học và sinh học cách ly khu vực xảy ra thảm họa.

b) Thực tiễn thi hành

Khi xảy ra sự cố, thảm họa, về cơ bản các bộ, ngành, địa phương đã chỉ đạo và huy động lực lượng tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện khẩn trương, quyết liệt các biện pháp khắc phục hậu quả theo thứ tự ưu tiên: (i) Tìm kiếm cứu nạn, di dời người dân khỏi các khu vực nguy hiểm, thiết lập hệ thống cảnh báo khu vực có nguy cơ cao; (ii) Bảo đảm an sinh xã hội, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, giữ vững an ninh trật tự tại các khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai; (iii) Khôi phục sản xuất, hỗ trợ tái định cư, từng bước ổn định đời sống nhân dân; (iv) Sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng bị hư hỏng.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, các Bộ ngành liên quan đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí, gạo cứu đói, thuốc, vắc xin, hoá chất khử trùng hỗ trợ kịp thời các địa phương để khắc phục cơ sở hạ tầng thiết yếu, không để người dân đói, phát sinh dịch bệnh.

Từ năm 2015 đến năm 2017, Ban Chỉ đạo, các Bộ ngành đã trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ các địa phương: 4.820 tỷ đồng (năm 2015: 500 tỷ đồng, năm 2016: 1.110 tỷ đồng, năm 2017: 3.210 tỷ đồng), 62.625 tấn gạo (năm 2015: 31.606 tấn, năm 2016: 17.963 tấn, năm 2017: 16.056 tấn), 7.354 tấn hạt giống (năm 2015: 305 tấn, năm 2016: 2.868 tấn, năm 2017: 4.182 tấn). Năm 2016, cộng đồng quốc tế đã hỗ trợ 16,2 triệu USD cho các tỉnh hạn hán. Năm 2017, Ban Chỉ đạo đã kêu gọi quốc tế hỗ trợ các địa phương bị thiệt hại do thiên tai và đã tiếp nhận hơn 520 tấn hàng hoá tương đương 2,71 triệu USD và 5 triệu USD hỗ trợ (Liên bang Nga); phối hợp với UN vận động 60,5 triệu USD hỗ trợ cho các tỉnh miền Trung bị thiệt hại, trong đó đang tiến hành các thủ tục tiếp nhận 4,21 triệu USD từ quỹ CERF, 10.000 tấn gạo từ APTERR. Ban Chỉ đạo tổ chức kêu gọi cộng đồng quốc tế hỗ trợ người dân vùng bị thiệt hại trong các trận thiên tai lớn như: Hạn hán từ cuối năm 2014 đến giữa năm 2016, lũ lụt tại miền Trung năm 2016 và 2017, lũ quét, sạt lở đất tại các tỉnh miền núi phía Bắc năm 2017,… Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân trong nước cũng chung tay, góp sức hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại khôi phục đời sống và sản xuất[14].

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống thiên tai và ổn định đời sống dân cư: Với các dự án phòng chống thiên tai như củng cố, tu bổ hệ thống đê sông, đê biển; công trình phòng chống úng ngập, triều cường; đảm bảo an toàn hồ chứa, khắc phục thiên

[14] Báo cáo số 993/BC-BNN-PCTT ngày 18/2/2019 tổng kết thi hành Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều.

tai, hạn hán, xâm nhập mặn và cung cấp nước ngọt trên các đảo đông dân cư; hỗ trợ ổn định đời sống dân cư bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Tổng mức đầu tư của Chương trình này trong giai đoạn 2016-2020 là 14.882 tỷ đồng, với tỷ lệ gần 80% số vốn bố trí cho các dự án phòng, chống thiên tai tương đương khoảng 11.000 tỷ đồng[15].

- Khi xảy ra đại dịch Covid-19, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo triển khai Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid, xây dựng Đề án khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, trình Bộ Chính trị, báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua các Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù, các bộ, ngành, cơ quan, doanh nghiệp ban hành theo thẩm quyền các nghị định, quyết định, các giải pháp cụ thể để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và tận dụng tốt thời cơ phục hồi, phát triển kinh tế xã hội, như: Giãn, hoãn tiền nộp thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất; cơ cấu lại nợ, khoanh nợ, miễn giảm phí thanh toán, cho vay mới; tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội; giảm giá điện, tiền điện, giá cước viễn thông,…[16]

c) Vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, việc triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả khi thảm họa xảy ra ở nhiều nơi còn chậm, hiệu quả chưa cao;công tác tổng hợp thống kê thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp chưa thực hiện kịp thời. Ngoài ra, nguồn lực cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai còn thấp. Các quy định về triển khai, cơ chế phối hợp còn hạn chế dẫn đến chưa kịp thời, hiệu quả một số nơi chưa cao.

Thứ hai, quy trình cứu trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai, tiếp nhận viện trợ còn phức tạp, kéo dài giảm hiệu quả sử dụng, nhất là quản lý sử dụng kinh phí hỗ trợ từ dự phòng ngân sách của trung ương. Một số địa phương sử dụng kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai còn chậm trễ, lúng túng, hiệu quả chưa cao[17].

Thứ ba, Việt Nam chưa có một chiến lược/mô hình quản trị rủi ro thiên tai nên các chính sách tài khóa nhằm ứng phó với thảm họa chưa mang tính hệ thống, logic, bổ trợ cho nhau. Chất lượng công tác dự báo rủi ro cũng như việc ước tính các chi phí cần thiết để phòng ngừa, khắc phục rủi ro còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc bố trí nguồn tài chính[18].

Thứ tư, mặc dù pháp luật hiện hành quy định 13 loại sự cố, thảm họa, tuy nhiên chỉ mới cóquy định về ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm rủi ro thiên tai (Luật Phòng, chống thiên tai) mà chưa có quy

---

[15] Báo cáo số 993/BC-BNN-PCTT ngày 18/2/2019 tổng kết thi hành Luật phòng chống thiên tai và Luật Đề điều của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

[16]Báo cáo số 99/BC-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ về công tác nhiệm kỳ 2016-2021 của Chính phủ.

[17] Báo cáo ngày 15/5/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về tổng kết công tác phòng chống, thiên tai năm 2019, triển khai nhiệm vụ 2020.

[18] https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/chinh-sach-tai-chinh-va-bao-hiem-rui-ro-thien-tai-o-viet-nam-134137.html.

định về chính sách bảo hiểm rủi rodo sự cố, thảm họa nói chung hoặc cho các nhóm sự cố, thảm họa khác ngoài thiên tai.

Thứ năm, các chính sách về bảo vệ người dân chưa bảo đảm tính tổng thể, toàn diện (từ các giai đoạn phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa…). Ví dụ: Ở giai đoạn phòng ngừa, người dân cần được bảo đảm an toàn tối thiểu (như nhà ở, điều kiện sống…); ở giai đoạn khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, người dân chịu tác động trực tiếp của thiên tai, thảm họa cần được hưởng sự hỗ trợ kịp thời (về sinh kế…).

d) Giải pháp khắc phục vướng mắc, bất cập trong triển khai các biện pháp khắc phục thảm họa, sự cố

- Bổ sung các biện pháp tổng thể để khắc phục hậu quả sau thảm họa: Tài chính, khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế,...

- Xây dựng chiến lược tài chính ứng phó với thảm họa; hoàn thiện các khuôn khổ pháp lý liên quan đến quản lý thảm họa nhằm tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện các chính sách.

- Phát triển thị trường bảo hiểm rủi ro do thảm họa nhằm tạo nguồn tài chính chủ động, giúp giảm nhẹ gánh nặng về ngân sách cho Chính phủ và chuyển giao rủi ro ra thị trường.

4. Về công tác tổ chứcchỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự

a) Quy định của pháp luật

Nghị định số 02/2019/NĐ-CP quy định về hệ thống cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự từ trung ương đến địa phương, bao gồm: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự quân khu, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã. Nghị định cũng quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự các cấp.

Ngoài ra, đối với một số loại hình sự cố, thảm họa, thiên tai, pháp luật quy định về các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy cụ thể như:Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai (Luật Phòng, chống thiên tai), Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP); Ủy ban An toàn giao thông quốc gia (quy định tại Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg), Ban Chỉ đạo về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng, Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích,Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống COVID-19,…

b) Thực tiễn thi hành

Kết quả đạt được trong công tác tổ chức chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự cụ thể như sau:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1040/QĐ-TTg ngày 16/7/2020 thành lập Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Quyết định số

1041/QĐ-TTg ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương các cấp đã thành lập các Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự của bộ, ngành, địa phương.

- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và các Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự bộ, ngành trung ương và địa phương là các tổ chức phối hợp liên ngành, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo, điều hành công tác phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước hoặc phạm vi bộ, ngành, địa phương.

Từ khi thành lập đến nay, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia đã tổ chức một số đoàn khảo sát tại các bộ, ngành, địa phương để thu thập thông tin thực tiễn cho việc xây dựng các kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia. Ngày 9/3/2021, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia đã ban hành Chương trình công tác năm 2021. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc giađã tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục trang thiết bị phòng thủ dân sự; xây dựng Chiến lược Quốc gia phòng thủ dân sự; xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia giai đoạn 2021-2025.

c) Vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, do nội hàm của khái niệm "phòng thủ dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Quốc phòng là tương đối rộng, bao gồm các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân… nên chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự bao trùm hầu hết chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức phối hợp liên ngành khác, như:Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai; Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; Ủy ban An toàn giao thông quốc gia; Ban Chỉ đạo về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích; Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống COVID-19,…

Các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy nêu trên có nhiều sự trùng lặp về vị trí, tính chất, nhiệm vụ, thành viên. Cụ thể: về vị trí, tính chất, các tổ chức này đều là các tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (ở trung ương) và cơ quan hành chính (bộ, ngành, địa phương) trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa. Về chức năng, nhiệm vụ, các tổ chức này đều thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả của các sự cố, thiên tai, thảm họa, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. Về thành phần, đối với các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy cấp quốc gia thì lãnh đạo các tổ chức phối hợp liên ngành này đều là lãnh đạo Chính phủ (Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng), thành viên là bộ trưởng các bộ có liên quan, trong đó nòng cốtlà Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp vàPhát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế.

Chính vì có sự trùng lặpvề vị trí, chức năng, nhiệm vụ nêu trên nên khi có sự cố, thảm họa, thiên tai xảy ra, các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy nói trên đều vào

cuộc và tổ chức việc chỉ đạo, chỉ huy, điều phối, giải quyết và khắc phục sự cố, thảm họa, thiên tai, gây lúng túng cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

Thứ hai, có sự không tương thích trong cơ cấu tổ chức của hệ thống Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự ở cấp trung ương, các bộ ngành và ở các địa phương. Theo quy định của Nghị định số 02/2019/NĐ-CP thì tại các bộ, ngành trung ương, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn của cấp tỉnh đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Tại cấp tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn của cấp huyện đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh. Tại cấp xã, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn của cấp xã đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã.

Như vậy, trong khi ở trung ương (cấp quốc gia) tồn tại độc lập nhiều cơ quan, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy, như:Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia,Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn,… thì ở cấp bộ, ngành trung ương và địa phương đã tổ chức hợp nhất các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy, thành một tổ chức duy nhất là Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự cấp trên. Sự "thiếu đồng bộ" này khiến cho công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự trên tổng thể khó thông suốt, gây lúng túng trong quá trình triển khai khi có thảm họa, sự cố xảy ra.

d) Giải pháp khắc phục vướng mắc trong công tác tổ chức chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự

- *Phương án 1*: Hợp nhất 03 tổ chức phối hợp liên ngành gồm: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban Quốc gia về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Ban Chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai thành một tổ chức duy nhất có tên gọi Ban Chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự.

Cơ sở thực hiện việc hợp nhất:

+ 03 tổ chức phối hợp liên ngành này có tính chất, chức năng, nhiệm vụ tương đồng, hoặc gần giống nhau, trong đó, thiên tai là loại sự cố, thảm họa có tính chất phổ biến, thường xuyên xảy ra ở Việt Nam.

+ Việc hợp nhất 03 tổ chức này tạo sự thống nhất về tổ chức chỉ đạo, chỉ huyvề phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, ứng phó sự cố, thảm họa từ trung ương đến địa phương.

- *Phương án 2*: Hợp nhất 06 tổ chức phối hợp liên ngành gồm: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia,Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai (quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai),Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố,

thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP), Ủy ban An toàn giao thông quốc gia (quy định tại Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg),Ban Chỉ đạo về các vấn đề cấpbách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng, Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích thành một tổ chức chỉ đạo, chỉ huy có tên gọi Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa.

5. Về công tác xây dựng lực lượng phòng thủ dân sự

a) Quy định của pháp luật

Điều 26 Nghị định số 02/2019/NĐ-CP quy định lực lượng phòng thủ dân sự bao gồm Lực lượng nòng cốt (Dân quân tự vệ; Công an xã, phường, thị trấn; lực lượng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và các bộ, ngành trung ương, địa phương). Nghị định này cũng quy định về tổ chức lực lượng phòng thủ dân sự gồm lực lượng chuyên trách và lực lượng kiêm nhiệm tại các bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và cơ quan, tổ chức.

+ Lực lượng chuyên trách:

(i) Bộ Quốc phòng (Cục Cứu hộ - Cứu nạn, Trung tâm Quốc gia huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường không/Quân chủng Phòng không - Không quân, Trung tâm Quốc gia huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường biển/Quân chủng Hải quân, Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu miền Bắc/Quân chủng Hải quân, Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu miền Trung/Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng);

(ii) Bộ Công an (các đơn vị của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy);

(iii) Bộ Giao thông Vận tải (Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam và các Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực, các Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không, các Trung tâm Cấp cứu khẩn nguy sân bay, Trung tâm Ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn đường sắt khu vực);

(iiii) Bộ Công Thương (Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam/Tập đoàn Đầu khí Việt Nam, Trung tâm Cấp cứu mỏ/Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam).

+ Lực lương kiêm nhiệm:

(i) Bộ Quốc phòng (các Trạm tìm kiếm cứu nạn Bạch Long Vĩ/Hải Phòng, Cồn Cỏ/Quảng Trị, Lý Sơn/Quảng Ngãi, Trường Sa/Khánh Hòa, Phú Quý/Bình Thuận; 07 Tiểu đoàn Công binh tìm kiếm cứu nạn, cứu sập đổ công trình: Quân khu 2, 4, 5, 7, 9, Binh chủng Công binh; 03 Trung tâm Ứng phó sự cố hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam; 05 Đội tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai); các phân đội thông tin liên lạc cơ động ứng phó thiên tai, thảm họa.

(ii) Bộ Công an (các đơn vị của lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động; Trung tâm Huấn luyện và sử dụng chó nghiệp vụ);

(iii) Bộ Giao thông vận tải (các Trung tâm Phối hợp cứu nạn đường bộ Việt Nam);

(iiii) Bộ Y tế (Trung tâm cấp cứu 115 và khoa cấp cứu của các bệnh viện).

- Lực lượng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại các cấp địa phương: Cấp xã và cơ quan, tổ chức thành lập các tổ, đội cơ động phòng chống, khắc phục hậu quả; tổ thông tin liên lạc, thông báo, báo động; tổ cấp cứu, tải thương; đội bảo vệ sơ tán, phân tán nhân dân, đội bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; đội vệ sinh môi trường, do dân quân, tự vệ, công an cùng cấp đảm nhiệm.

b) Thực tiễn thi hành

Kết quả đạt được trong việc xây dựng lực lượng phòng thủ dân sự cụ thể như sau:

- Khi có sự cố, thiên tai, thảm họa xảy ra, lực lượng chuyên trách, lực lượng kiêm nhiệm đã phát huy tốt vai trò, chức năng trong hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, góp phần hạn chế đáng kể tổn thất và hậu quả do sự cố, thiên tai, thảm họa gây ra.

- Lực lượng chuyên trách về tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn đã được quan tâm đầu tư, trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn từng bước hiện đại hóa, nâng cao năng lực chỉ đạo ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn của lực lượng Quân đội, Công an và các bộ, ngành.

- Lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm của các bộ, ngành, địa phương thường xuyên duy trì kế hoạch huấn luyện, diễn tập, phối hợp hiệp đồng thực hiện các phương án, chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả, bảo đảm an toàn về người và tích cực hỗ trợ người dân thực hiện tốt công tác phòng thủ dân sự. Duy trì, tổ chức thực hiện tốt công tác trực lãnh đạo, trực ban tại cơ quan, đơn vị 24/24 giờ; thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống kho tàng, trụ sở, công trình, trang thiết bị phòng thủ dân sự... chủ động khắc phục và chuẩn bị điều kiện cần thiết bảo đảm xử lý kịp thời khi có sự cố.

c) Vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, lực lượng phòng thủ dân sự ở các cấp địa phương chưa được đào tạo, tập huấn một cách bài bản, thường xuyên (chỉ thông qua 01-02 hội nghị chuyên đề hàng năm), ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của việc ứng phó sự cố, thảm họa, thiên tai ngay tại cơ sở; lực lượng kiêm nhiệm trình độ chưa cao, tác nghiệp chưa thực sự hiệu quả do việc tập huấn, huấn luyện định kỳ hàng năm có được triển khai nhưng thời gian chưa nhiều; quá trình huấn luyện cứu hộ - cứu nạn đan xen với huấn luyện chuyên môn và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên nên chưa thực sự chuyên sâu; số lượng các cơ sở huấn luyện chuyên ngành cứu hộ - cứu nạn không nhiều và thường được sử dụng chung cho các hoạt động huấn luyện, diễn tập của lực lượng vũ trang nên thiếu tính thực tế.

Thứ hai, đặc thù một số sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh có diễn biến nhanh, đòi hỏi phải huy động lực lượng, triển khai và tổ chức lực lượng ứng phó

kịp thời, khẩn trương; những sự cố nguy hiểm cần huy động thêm lực lượng chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, giữa các lực lượng chuyên trách về phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thảm họa, thiên tai chưa thực sự hiệu quả; việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các lực lượng chưa kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của công tác ứng phó, xử lý sự cố, thiên tai, thảm họa[19]; hoạt động điều phối, hướng dẫn chuyên môn giữa lực lượng chuyên trách đối với các lực lượng kiêm nhiệm tham gia xử lý sự cố còn lúng túng.

*Thứ ba,*quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, vai trò của một số trung tâm, đội, lực lượng phòng thủ dân sự chưa thực sự rõ ràng theo các văn bản pháp lý, gây khó khăn trong công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ.

d) Giải pháp khắc phục vướng mắc, bất cập trong công tác xây dựng lực lượng phòng thủ dân sự

- Tăng cường tổ chức diễn tập, trong đó chú trọng nâng cao khả năng hiệp đồng, phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương. Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa các bộ, ngành, địa phương liên quan để trao đổi thông tin, nắm tình hình, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn hóa chất, đưa ra những giải pháp phối hợp hành động khi xảy ra sự cố bảo đảm tính thống nhất, nhịp nhàng, đúng chức năng, nhiệm vụ và đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng phòng thủ dân sự. Phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp thông tin, chia sẻ nguồn lực khi tham gia hoạt động phòng thủ dân sự, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp khi có tình huống sự cố, thiên tai, thảm họa xảy ra, tránh chồng chéo, gây lãng phí ngân sách nhà nước.

6. Về xây dựng công trình, trang thiết bị phòng thủ dân sự

a) Quy định của pháp luật

Hệ thống công trình phòng thủ dân sự, trang bị phòng thủ dân sự được quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 02/2019/NĐ-CP.Theo đó, hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm: Công trình dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động; công trình phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí thông thường, vũ khí hủy diệt lớn; công trình nghi trang, nghi binh; đường cơ động; hệ thống thiết bị phòng hóa tập thể; hệ thống thiết bị thông gió, lọc độc; hệ thống đê điều; hệ thống hồ chứa thủy lợi; hệ thống rừng đặc dụng phòng hộ; khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; hệ thống kho dự trữ quốc gia; công trình bảo vệ, cất giữ lương thực, thực phẩm, nguồn nước, thuốc y tế, vật tư, phương tiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; công trình, phương tiện, trang thiết bị bảo đảm cho huấn luyện, diễn tập phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, ứng phó thảm họa, tìm kiếm cứu nạn.

Trang bị phòng thủ dân sự gồm trang thiết bị phòng, chống chiến tranh và trang thiết bị trung tâm điều hành về dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động và

[19] Tham luận của Cục An toàn bức xạ hạt nhân/Bộ Công Thương.

trang thiết bị phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ.

b) Thực tiễn thi hành

- Những năm gần đây, cơ quan chủ quản đã đầu tư, mua sắm một số phương tiện, trang bị tìm kiếm, cứu nạn mới, hiện đại như: Tàu tìm kiếm cứu nạn, xe cứu hộ đa năng, xe phòng cháy, chữa cháy, xuồng cứu nạn cao tốc, máy phát điện có hệ thống đèn pha TML 4000, máy cắt bê tông K750,...trang bị cho lực lượng chuyên trách và kiêm nhiệm, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ, cứu sập, ứng phó tràn dầu và tìm kiếm cứu nạn, được các đơn vị khai thác, sử dụng hiệu quả. Ngoài các phương tiện, trang bị được đầu tư mới, các đơn vị đã tranh thủ khai thác nguồn ngân sách địa phương bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp phương tiện, trang bị, kho tàng và kết hợp với khai thác, sử dụng những trang bị, phương tiện có tính lưỡng dụng của Quân đội thực hiện phòng chống, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn đạt kết quả tốt.

- Đã triển khai việc ứng dụng công nghệ mới trong công tác ứng phó đối với một số sự cố, thảm họa như sự cố tràn dầu; một số địa phương đã triển khai áp dụng công nghệ mới do Việt Nam nghiên cứu, sản xuất phù hợp với thực tiễn xảy ra sự cố, thảm họa ở Việt Nam.

c) Vướngmắc, bất cập

Thứ nhất, kinh phí để nghiên cứu và triển khai áp dụng đại trà các tiến bộ công nghệ vào việc khắc phục thảm họa, sự cố, trong đó có sự cố tràn dầu, còn hạn chế; một số trang thiết bị hiện đại, công nghệ cao nhập từ nước ngoài về giá thành đắt hoặc không phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thứ hai, một số địa phương chưa quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ dân sự hoặc khi xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm tính lưỡng dụng trong phát triển KT-XH và sử dụng khi có tình huống xảy ra.

Thứ ba, chưa có quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật về phòng thủ dân sự đối với các công trình xây dựng; công trình dân sinh chưa bảo đảm các yêu cầu về khả năng chống chịu, ứng phó với sự cố, thiên tai, thảm họa…

Thứ tư, công tác bảo đảm dự phòng trang bị, phương tiện, vật tư, xăng dầu, nhu yếu phẩm, thuốc và các trang bị y tế theo phương châm "4 tại chỗ" còn thiếu; phương tiện thông tin bảo đảm cho chỉ huy bay biển xa, ban đêm thiếu đồng bộ; các trang bị chuyên dùng tìm kiếm, cứu nạn biển xa và ứng cứu, tìm kiếm, cứu nạn sự cố, công trình ngầm, phương tiện chữa cháy nhà cao tầng còn thiếu; tàu tìm kiếm, cứu nạn đã cũ và lạc hậu, thông số kỹ thuật suy giảm, trang thiết bị phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu nạn còn hạn chế, kích thước tàu nhỏ không chịu được sóng gió to nên ảnh hưởng lớn đến công tác tìm kiếm cứu nạn.

d) Giải pháp khắc phục vướng mắc, bất cập trong việc xây dựng công trình, trang thiết bị phòng thủ dân sự

- Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn của công trình phòng thủ dân sự tương ứng với từng loại thảm họa, thiên tai,…, như:Tiêu chuẩn của nhà chống bão, nhà

chống động đất; tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của các khu chung cư,… nhằm bảo đảm sự an toàn cho người dân.

- Coi trọng xâydựng, bố trí các công trình phòng thủ dân sự ở các khu vực, địa bàn dự kiến xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần và các thảm họa môi trường, bảo đảm sẵn sàng ứng phó với các tình huống xảy ra; rà soát, cải tạo, tận dụng hệ thống các hang động, sông suối, địa hình, địa vật tự nhiên để phục vụ cho mục đích phòng thủ dân sự; tận dụng tối đa các công trình dân sinh trong quá trình phát triển KT-XH. Các công trình khi được xây dựng phải đáp ứng được các yêu cầu "tích cực, chủ động, kịp thời phòng tránh, khắc phục hậu quả", lấy các biện pháp phòng ngừa là chính.

- Đầu tư trang, thiết bị, phương tiện, vật tư theo hướng hiện đại, đa dụng, có trọng điểm, phù hợp với đối tượng được trang bị và có lượng dự trữ phù hợp; từng bước bảo đảm trang bị hiện đại, công nghệ mới cho các lực lượng kiêm nhiệm, lực lượng địa phương. Hiện đại hóa một số trang bị mũi nhọn, thiết yếu vừa đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh, vừa nâng cao tiềm lực phòng chống chiến tranh[20].

- Nâng cấp hệ thống quan trắc hóa học, phóng xạ của Quân đội; kết nối với hệ thống trạm quan trắc của các bộ, ngành, tạo thành mạng lưới quan trắc quốc gia để nâng cao chất lượng, hiệu quả quan trắc, cảnh báo, báo động sự cố hóa chất độc.

- Hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia, bảo đảm yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử và chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn. Xây dựng hệ thống hỗ trợ dự báo khí tượng thông minh; hệ thống dự báo dựa trên tác động; hệ thống truyền tin cảnh báo thiên tai; hệ thống chuyên dụng phân tích và dự báo bão, áp thấp nhiệt đới và hệ thống dự báo nước dâng do bão.

- Đề xuất, xây dựng những đề án, chương trình khoa học, nghiên cứu, chế tạo, sản xuất các trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ quá trình huấn luyện và thực hành ứng phó; góp phần giảm thiểu chi phí mua sắm và nâng cao tính tự chủ về trang bị.

---

[20]Ví dụ trong lĩnh vực khí tượng thủy văn: Xây dựng hệ thống hỗ trợ dự báo khí tượng thông minh; hệ thống dự báo dựa trên tác động; hệ thống truyền tin cảnh báo thiên tai; hệ thống chuyên dụng phân tích và dự báo bão, áp thấp nhiệt đới và hệ thống dự báo nước dâng do bão. Đánh giá tổng thể rủi ro thiên tai, đa thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn; hệ thống giám sát và cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực cho các khu vực vùng núi, trung du trên toàn quốc, chi tiết đến cấp huyện; công nghệ dự báo, cảnh báo sạt lở đất thời gian thực cho cụm dân cư, khu vực cụ thể có nguy cơ cao sạt lở đất. Xây dựng công nghệ cảnh báo ngập lụt đô thị, khu công nghiệp trọng điểm, ưu tiên cho khu vực đô thị lớn…Trong lĩnh vực y tế: Xây dựng hệ thống kho dự trữ thuốc, vật tư y tế tại các vùng, để sẵn sàng hỗ trợ các địaphương ứng phó với thiên tai, thảm họa, dịch bệnh (khi có yêu cầu); nghiên cứu điều chỉnh cơ số thuốc phòng chống lụt bão, trang thiết bị y tế, trang phục phòng chống thiên tai, phòng chống dịch cho phù hợp với thực tiễn; tăng cường năng lực của các bệnh viện, sẵn sàng thu dung, cấp cứu, điều trị các nạn nhân, bệnh nhân hàng loạt trong thiên tai, thảm họa, trong mọi tình huống…

7. Về xây dựng, bố trí các nguồn lực cho phòng thủ dân sự

a) Quy định của pháp luật

Điều 29 Nghị định số 02/2019/NĐ-CP quy định về huy động lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động phòng thủ dân sự (thẩm quyền của Bộ Quốc phòng; người đứng đầu bộ, ngành trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp); phương tiện, tài sản được huy động để thực hiện phòng thủ dân sự phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thảm họa, chiến tranh; trường hợp bị mất, hư hỏng thì được bồi thường theo quy định của Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản.

b) Thực tiễn thi hành

Việc xây dựng, bố trí các nguồn lực cho phòng thủ dân sự đã đạt được các kết quả như sau:

- Hầu hết các bộ, ngành, địa phương đã phân công đơn vị đầu mối thực hiện quản lý nhà nước về công tác phòng thủ dân sự, đồng thời, bố trí công chức làm chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện việc tham mưu, giúp lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương quản lý nhà nước về công tác phòng thủ dân sự.

- Đội ngũ công chức được giao nhiệm vụ tham mưu về công tác phòng thủ dân sự đa số đều có trình độ đại học, chủ yếu là chuyên ngành quân sự, công an, hàng hải.Vì vậy, về cơ bản đội ngũ này đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Công tác đầu tư xây dựng, mua sắm, hiện đại hóa trang thiết bị, cơ sở vật chất, hạ tầng bảo đảm hoạt động đã được các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, cân đối nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Công tác nghiên cứu khoa học để nâng cao năng lực ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa được chú trọng hơn; nhiều công trình nghiên cứu có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn cao; hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cũng được chú trọng; nhiều hoạt động hợp tác đa phương, song phương được diễn ra trong bằng các hình thức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm, tập huấn, diễn tập được diễn ra theo các Công ước, Hiệp ước, Chương trình đã ký kết[21].

c) Vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho hoạt động phòng thủ dân sự ở nhiều địa phương, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, những khu vực dễ bị thiệt hại bởi thiên tai, thảm họa do yếu tố tự nhiên còn nhiều hạn chế.

Thứ hai, trang thiết bị phòng thủ dân sự hiện có chủ yếu là lưỡng dụng; thiếu trang bị chuyên dụng (ví dụ như trang bị khử khuẩn, trang thiết bị trinh sát,

[21] Ví dụ: dự án hợp tác quản lý môi trường khu vực Biển Đông Á; Thỏa thuận hợp tác quốc gia trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu giữa Việt Nam, Camphuchia và Thái Lan; Dự án Nâng cao năng lực về quản lý y tế trong thảm họa cho các nước ASEAN (Dự án ARCH) được triển khai với sự hợp tác giữa Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và Viện Y học về thảm họa của Thái Lan (NIEM); tuyên bố ASEAN về hợp tác tìm kiếm và cứu nạn người và tàu thuyền gặp nạn trên biển…

xe quan trắc,…). Bên cạnh đó, một số trang bị lưỡng dụng được nhà nước đầu tư với kinh phí lớn (ví dụ như robot ngầm,…) nhưng lại ít được sử dụng, dẫn đến khấu hao, lãng phí, trong khi pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (Luật Đầu tư công) không cho phép sử dụng các phương tiện này cho mục đích khác (như cung cấp dịch vụ ngoài,…).

Thứ ba, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu về công tác dự báo, lập kế hoạch và triển khai hoạt động phòng thủ dân sự chưa nhiều và chủ yếu tập trung ở trung ương trong khi rất thiếu ở địa phương.

Thứ tư, hoạt động nghiên cứu ứng dụng thành tự khoa học công nghệ để áp dụng cho hoạt động phòng thủ dân sự còn nhiều hạn chế, nhất là việc ứng dụng những công nghệ mới[22]; nhiều lĩnh vực phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả các dạng thảm họa, sự cố chưa được nghiên cứu hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, khả năng ứng dụng chưa cao.

d) Giải pháp khắc phục các vướng mắc, bất cập trongxây dựng, bố trí các nguồn lực cho phòng thủ dân sự

- Phân bổ hợp lý nguồn lực trong phòng thủ dân sự, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khả thi; có quy định cụ thể về dự trữ nguồn lực cho phòng thủ dân sự; thực hiện tốt "4 tại chỗ"; có chế độ, chính sách phù hợp cho người tham gia hoạt động phòng thủ dân sự.

- Khai thác có hiệu quả các nguồn lực hiện có (trang thiết bị, phương tiện được trang bị), đồng thời tăng cường nguồn lực để đầu tư trang, thiết bị, phương tiện, vật tư giúp tăng cường năng lực quan trắc, phát hiện, cảnh báo sớm và ứng phó, khắc phục[23];

- Xã hội hóa, thu hút nguồn lực và sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự; từng bước thực hiện xã hội hóa một số khâuthuộc lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn nhằm huy độngcác nguồn lực hợp pháp để giảm vốn đầu tư tập trung của ngân sách nhà nước[24]. Ví dụ: xây dựng cơ chế đặc thù xã hội hóa theo hình thức thuê dịch vụ thực hiện các hoạt động liên quan đến quan trắc, thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo yêu cầu của công tác dự báo khí tượng thủy văn, đặc biệt là dự báo bão, lũ,…; đầu tư phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, tự động hóa thông qua đầu tư công kết hợp xã hội hóa[25]; ban hành tiêu chí đánh giá năng lực ứng phó sự cố của các công ty cung cấp dịch vụ, các đơn vị,

---

[22] Ví dụ ứng dụng khảo sát và đánh giá hiện trạng ô nhiễm dầu đường bờ (SCAT app); máy bay không người lái để khảo sát sự cố tràn dầu tại khu vực khó tiếp cận…

[23] Ví dụ trong lĩnh vực khí tượng thủy văn: Tăng đầu tư thiết bị, công nghệ quan trắc, thu thập và xử lý số liệu tự động đối với mạng lưới quan trắc khí tượng bề mặt, thủy văn; trạm khí tượng trên cao theo hướng tăng cường hệ thống radar c-band phân cực, radar x-band phân cực kép ở các đô thị lớn, khu vực nhiều hồ chứa, các đảo ngoài khơi; mạng lưới trạm hải văn; đan dày mạng lưới đo mưa tự động, đặc biệt tại vùng núi cao nơi thường xảy ra mưa, lũ, lũ quét, sạt lở đất theo hình thức thuê dịch vụ; phương tiện bay không người lái, công nghệ quét laser từ trên không, công nghệ vệ tinh dẫn đường toàn cầu, công nghệ siêu âm radar, camera.

[24] Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ

[25] Báo cáo tham luận của Tổng cục khí tượng thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội thảo xây dựng đề án phát triển và nâng cao năng lực ứng phó SCTT&TKCN đến năm 2030 và những năm tiếp theo- tháng 3/2021.

tổ chức thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, có tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố, thảm họa nhằm nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, sử dụng trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; xây dựng cơ chế phối hợp hành động; tranh thủ sự giúp đỡ về vật chất, trang bị cũng như kinh nghiệm tổ chức lực lượng, chỉ đạo, chỉ huy, huấn luyện, diễn tập và tổ chức thực hiện của các nước; khai thác các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, vay ưu đãi.

- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để tăng năng lực tính toán, lưu trữ, theo dõi sự cố, kiểm soát hoạt động; tăng cường bảo mật an toàn an ninh thông tin dữ liệu; khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu; liên thông dữ liệu đến các cơ sở dữ liệu quốc gia khác bảo đảm yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử và chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu; xây dựng hệ thống tương tác giữa người dùng và thông tin, dữ liệu trên nền tảng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo và tương tác ảo; xây dựng tài nguyên số thông tin,…[26]

8. Về chế độ, chính sách trong phòng thủ dân sự

a) Quy định của pháp luật

- Về chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia phòng thủ dân sự:

Mục 4 Chương III Nghị định số 02/2019/NĐ-CP quy định về chế độ, chính sách đối với người tham gia phòng thủ dân sự. Trong đó có quy định về chế độ tiền lương, tiền công đối với người được huy động huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự (Điều 35); chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự bị ốm đau, tai nạn hoặc chết (Điều 36); chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự bị thương, hy sinh (Điều 37).

Ngoài ra, nội dung về chế độ, chính sách trong phòng thủ dân sự còn được quy định tại một số văn bản khác như:

+ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn quy định chế độ, chính sách đặc thù đối với người tham gia hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (Chương V);

+ Nghị định số 83/2017/NĐ-CPngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy quy định chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng cháy, chữa cháy (Điều 31 đến Điều 36).

- Về chính sách đối với đối tượng dễ bị tổn thương:

Luật Phòng, chống thiên tai quy định cụ thể đối tượng dễ bị tổn thương gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo. Luật cũng quy định chính sách của nhà nước trong phòng, chống thiên tai, trong đó có chính sách hỗ trợ đời sống và sản xuất đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên

[26] Báo cáo tham luận của Tổng cục khí tượng thủy văn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội thảo xây dựng đề án phát triển và nâng cao năng lực ứng phó SCTT&TKCN đến năm 2030 và những năm tiếp theo- tháng 3/2021.

tai gây ra, ưu tiên vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, đối tượng dễ bị tổn thương, đồng thời quy định việc xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp phải chú ý đến đối tượng dễ bị tổn thương (điểm b khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 6 Điều 15). Ngoài ra, trong các quy định cụ thể về dự báo, cảnh báo, các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, Luật đều quy định theo hướng ưu tiên, quan tâm đến đối tượng dễ bị tổn thương (các Điều 24, 32, 33).

b) Thực tiễn thi hành

Thời gian qua, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia công tác phòng thủ dân sự được quan tâm thực hiện tương đối đầy đủ, kịp thời từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương theo quy định.

c) Vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, chế độ ưu đãi, chính sách khuyến khích đối với cán bộ làm công tác phòng thủ dân sự còn hạn chế nên khó thu hút được cán bộ có trình độ cao trong lĩnh vực phòng thủ dân sự thực hiện công tác này.

Thứ hai, chưa có quy định thống nhất về chế độ, chính sách đối với người làm nhiệm vụ trực áp dụng chung trong tất cả các lĩnh vực có liên quan đến phòng thủ dân sự. Nghị định số 30/2017/NĐ-CP và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP đều có quy định chế độ đối với người làm nhiệm vụ trực cứu nạn, cứu hộ; trong khi đó Nghị định số 02/2019/NĐ-CP mới chỉ có quy định về chế độ, chính sách đối với người được huy động huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự, đối với lực lượng phòng thủ dân sự bị ốm đau, tai nạn hoặc chết, đối với lực lượng phòng thủ dân sự bị thương, hy sinh mà chưa có quy định về chế độ đối với người làm nhiệm vụ trực.

Thứ ba, trong các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với người được huy động huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn vẫn còn một số quy định mâu thuẫn, chồng chéo, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện.Ví dụ: Nghị định số 02/2019/NĐ-CP quy định chế độ đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự (khoản 1 Điều 35): "Trường hợp làm nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến chất phóng xạ, tác nhân sinh học, hóa chất độc hại thì mức trợ cấp thấp nhất bằng 0,15 lần mức lương cơ sở" (điểm b khoản 1 Điều 35), "làm nhiệm vụ ở nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại thì được bồi dưỡng bằng hiện vật theo quy định của pháp luật" (điểm c khoản 1 Điều 35). Nhưng Nghị định số 30/2017/NĐ-CP quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn lại quy định chế độ đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (khoản 1 Điều 19) như sau: "Đối với lao động có liên quan trực tiếp đến chất phóng xạ, tác nhân sinh học, hóa chất độc hại mức trợ cấp thấp nhất bằng 0,1 lần mức lương cơ sở; nếu làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau được tính gấp đôi; làm nhiệm vụ trong điều kiện có yếu tố độc hại, nguy hiểm thì được bồi dưỡng tại chỗ theo quy định của pháp luật" (điểm a khoản 1 Điều 19).

Thứ tư, hiện nay, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước mới chỉ đáp ứng được một phần tổng thiệt hại do thảm họa gây ra, ngân sách dành cho công tác khắc phục và tái thiết vẫn còn khó khăn. Luật Phòng, chống thiên tai có quy định ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm rủi ro thiên tai, tuy nhiên quyền lợi về bảo hiểm rủi ro thiên tai mới chỉ được các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai như một nội dung rủi ro mở rộng trong các đơn bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người hoặc bảo hiểm nông nghiệp.

Thứ năm, pháp luật về phòng thủ dân sự chưa quy định chính sách hỗ trợ đối với người dân chịu ảnh hưởng bởi các sự cố, thảm họa, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi...) nhằm đảm bảo an toàn cho các đối tượng này khi xảy ra sự cố, thảm họa, giảm nhẹ đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, tổn thương về sức khỏe thể chất và tinh thần gây ra bởi sự cố, thảm họa đối với đối tượng này.

d) Giải pháp khắc phục bất cập, hạn chế về chế độ, chính sách trong phòng thủ dân sự

- Quy định tại Luật nhằm bảo đảm chế độ, chính sách đối với người làm nhiệm vụ trực; đồng thời cần quy định thống nhất về chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia phòng thủ dân sự để áp dụng chung trong thực tiễn.

- Để bảo vệ quyền và lợi ích, đặc biệt là quyền về tài sản cho công dân trước, trong và sau thảm họa cũng như giảm "gánh nặng" cho ngân sách nhà nước, cần nghiên cứu, đưa ra các chính sách hỗ trợ để xây dựng thị trường bảo hiểm phát triển theo hướng khuyến khích và nâng cao tính cạnh tranh, từ đó hướng đến xây dựng bảo hiểm thảm họa như một loại hình bảo hiểm riêng biệt. Ngoài ra, có thể nghiên cứu, xây dựng cơ chế đầu tư, sử dụng trái phiếu rủi ro do thảm họa. Nếu xảy ra thảm họa, người tham gia bảo hiểm được bồi thường từ nguồn thu do bán trái phiếu.Trong đó, trái phiếu thảm họa là loại trái phiếu có lãi suất thả nổi và áp dụng một số điều kiện cụ thể liên quan đến thảm họa chính, được sử dụng như một lựa chọn thay thế cho tái bảo hiểm thảm họa truyền thống.

- Nghiên cứu, quy định tại Luật chính sách đối với các đối tượng dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi...) khi thảm họa xảy ra, trong đó chú trọng đến nâng cao năng lực, kỹ năng tự ứng phó đối với các sự cố, khả năng tiếp cận được với các nguồn lực và sự hỗ trợ của nhà nước cho các đối tượng này.

9. Về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức; công tác tuyên truyền, phối hợp, kiểm tra, thanh tra, giám sát trong hoạt động phòng thủ dân sự

a) Quy định của pháp luật

- Nghị định số 02/2019/NĐ-CP quy định về trách nhiệm tổ chức và hoạt động phòng thủ dân sự của cơ quan, tổ chức, địa phương (khoản 3 Điều 3); việc kiểm tra thực hiện phòng thủ dân sự (Điều 13); việc thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự (Điều 14); việc tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập về phòng thủ dân sự (Điều 15); trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động phòng thủ dân sự (Điều 40, Điều 41).

- Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Luật Phòng, chống các bệnh truyền nhiễm và các nghị định quy định chi tiết thi hành đều có quy định cụ thể về tuyên truyền, phối hợp, kiểm tra, thanh tra, giám sát trong hoạt động phòng thủ dân sự**.**

b) Thực tiễn thi hành

Trong việc thi hành các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự, cần có hoạt động tuyên truyền, phối hợp, kiểm tra, thanh tra, giám sát giữa các cơ quan nhà nước và các chủ thể tham gia các hoạt động phòng thủ dân sự.

Kết quả đạt được trong lĩnh vực này cụ thể như sau:

- Bộ Quốc phòng đã phối hợp với các cơ quan báo chí ở trung ương tăng cường công tác tuyên truyền; biên soạn tài liệu về phòng thủ dân sự, biên soạn chuyên mục hỏi đáp về các nội dung của Nghị định về phòng thủ dân sự, đăng bài viết, đưa tin trên một số báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình; giải đáp vướng mắc, kịp thời cung cấp thông tin về tình hình triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự; chủ động xây dựng một số phóng sự phản ánh sinh động các hoạt động lực lượng vũ trang trong cứu hộ, cứu nạn.

- Tại các bộ, ngành, địa phương, công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự cũng được quan tâm triển khai thông qua hội nghị triển khai, hội nghị tập huấn, cử cán bộ tham dự các đợt bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về phòng thủ dân sự do Quân đội, Công an và ngành Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường các cấp tổ chức. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng đã quan tâm chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện tổ chức hội nghị triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân bằng nhiều hình thức như: Biên soạn chuyên mục hỏi đáp về phòng thủ dân sự trên đài truyền thanh, truyền hình; mở các chuyên trang, chuyên đề và tăng thời lượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng thủ dân sự; phát tờ rơi, tờ gấp, tổ chức cuộc thi tìm hiểu về phòng thủ dân sự nhằm nâng cao ý thức, chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đối với các quy định về phòng thủ dân sự.

- Các cơ quan, tổ chức như Cơ quan quân sự, Biên phòng, Công an cấp tỉnh, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,… cũng đã cử cán bộ, công chức thuộc ngành mình quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn phòng thủ dân sự do các bộ, ngành chủ quản tổ chức cũng như tổ chức tập huấn cho các cơ quan, đơn vị thuộc quyền về phòng thủ dân sự. Ngoài ra, một số bộ, ngành, địa phương đã chủ động tổ chức các hội nghị triển khai, các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về phòng thủ dân sự với sự tham gia của các báo cáo viên của các Bộ: Quốc phòng, Công an, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chất lượng công tác tham mưu, tổng hợp, khả năng ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự được nâng lên, từng bước chuyển từ bị động sang chủ động. Công tác chỉ đạo, chỉ huy, tham mưu ứng phó,

khắc phục hậu quả đã được quan tâm thích đáng, nhất là các đợt thiên tai lớn, đã có các giải pháp nhanh chóng, kịp thời chính xác, hiệu quả nên đã giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

- Công tác thanh tra, kiểm tra sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự đã được triển khai trên thực tế. Đối với Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, Ban Chỉ đạotrung ương về Phòng chống thiên tai, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hằng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra, phân công trách nhiệm các thành viên Ủy ban, Ban Chỉ đạo phối hợp với các bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự. Định kỳ tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ: Sau khi các văn bản được ban hành và có hiệu lực, hầu hết việc kiểm tra thi hành pháp luật về phòng thủ dân sự ở các bộ, cơ quan ngang bộ được tổ chức thực hiện dưới hình thức lồng ghép với các chuyên đề theo dõi thi hành pháp luật về phòng thủ dân sự trong từng lĩnh vực cụ thể hoặc các cuộc thanh tra hành chính. Tuy nhiên, cũng có một số bộ đã xây dựng kế hoạch kiểm tra riêng việc thi hành pháp luật về phòng thủ dân sự. Hằng năm, Bộ Quốc phòng đều tổ chức các cuộc kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật về phòng thủ dân sự cũng như trong các lĩnh vực cụ thể, cùng với đó, các bộ cũng tích cực cử cán bộ tham gia các Đoàn kiểm tra liên ngành do Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạotrung ương về phòng, chống thiên tai chủ trì.

Đối với các địa phương: Các địa phương quan tâm thực hiện, thường xuyên đôn đốc làm tốt chức năng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật. Qua báo cáo tổng kết thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự cho thấy hầu hết các địa phương đều ban hành các kế hoạch kiểm tra thi hành pháp luật về phòng thủ dân sự trong từng lĩnh vực cụ thể; cùng với đó, nhiều đoàn kiểm tra, tổ công tác liên ngành đã được thành lập để kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai, thực hiện ở địa phương trong một số nhiệm vụ, kế hoạch trọng tâm. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, điều chỉnh, kiến nghị chấn chỉnh việc chấp hành quy định về phòng thủ dân sự.

Trong công tác quản lý nhà nước, Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác phòng, chống thiên tai trong việc xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực phòng, chống thiên tai; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai…

c) Vướng mắc, bất cập

Thứ nhất, công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự của các cơ quan nhà nước đến người dân chưa thường xuyên, kịp thời, thiếu toàn diện, chưa sát với đặc điểm của từng địa phương, đơn vị. Tại một số bộ, cơ quan ngang bộ, công tác

này chưa được đầu tư, tiến hành độc lập mà chủ yếu lồng ghép trong chương trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chung.Vì vậy, việc triển khai nhìn chung chưa được sâu rộng về mọi mặt. Nhận thức của một bộ phận doanh nghiệp, người dân về sự nguy hiểm của sự cố, thảm họa chưa cao đã làm tăng rủi ro cho chính bản thân dẫn đến những thiệt hại đáng tiếc về người và tài sản. Đa phần người dân chưa ý thức việc cần phải đầu tư, đóng góp cho công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự để bảo vệ chính cuộc sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Thứ hai, công tác giáo dục, quán triệt, triển khai cụ thể hoá các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nghiệp vụ cấp trên về công tác cứu hộ, cứu nạn có đơn vị còn hạn chế; việc nắm tình hình, thực hiện chế độ báo cáo theo phân cấp có lúc chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó và khắc phục hậu quả; nội dung của báo cáo của nhiều bộ, ngành, địa phương còn chung chung, chưa bảo đảm yêu cầu, chất lượng; số liệu tổng hợp còn nhiều thiếu sót hoặc chưa chính xác khiến cho việc tổng hợp báo cáo, đánh giá chưa thực sự đạt được hiệu quả như mong đợi.

Thứ ba, pháp luật về phòng thủ dân sự chưa có quy định về trách nhiệm của từng cấp chính quyền địa phương mà chỉ quy định chung về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp dẫn đến trong một số trường hợp chưa có sự phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, gây lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện; việc phân định, giao quyền chỉ huy chưa có nguyên tắc thống nhất, thường căn cứ vào từng vụ việc, tình huống cụ thể, nên đôi khi còn bị động, chưa rõ ràng, đặc biệt trong trường hợp có nhiều cơ quan cùng đầu mối hoặc chủ trì thực hiện.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự còn nhiều bất cập do chưa có quy chế, hướng dẫn chung về công tác phối hợp giữa các bộ, ngành; trong một số trường hợp, chế tài xử phạt chưa đủ mạnh, chưa đủ răn đe đối với những đối tượng cố ý coi thường pháp luật (lĩnh vực đê điều).

d) Giải pháp khắc phục vướng mắc, hạn chế trong công tác tuyên truyền, phối hợp, kiểm tra, thanh tra, giám sát

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của phòng thủ dân sự. Đối với việc ứng phó các dịch bệnh cần triển khai các hoạt động truyền thông trong toàn đơn vị, người bệnh cũng như người nhà người bệnh và tại cộng đồng. Phối hợp với các đơn vị, cơ quan truyền thông trên địa bàn tuyên truyền, phổ biến cho người dân qua nhiều hình thức, với các nội dung tuyên truyền, giáo dục sức khỏe về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, xử lý nước cho sinh hoạt, xử lý gia súc, gia cầm chết…

- Phân định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân; có nguyên tắc về xác định cơ quan chỉ huy, cơ quan phối hợp.Tham mưu xử lý kịp thời có hiệu quả các tình huống thiên tai, sự cố, góp phần giảm thiểu những thiệt hại về tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân

dân.

- Tăng cường sự chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các cấp, nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực về ứng phó sự cố thiên tai và ứng phó với dịch bệnh quy mô lớn. Trong đó, đối với công tác quản lý nhà nước, phòng, chống thiên tai cần chú trọng làm tốt các nội dung sau:

+ Đẩy mạnh kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị chủ động thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và phòng thủ dân sự. Kịp thời khen thưởng, động viên cho người thực hiện nhiệm vụ.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về phòng thủ dân sự, qua đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân được giao thực hiện công tác phòng thủ dân sự nhằm đưa công tác này vào nề nếp, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu thực tế; có cơ chế hậu kiểm; xử lý nghiêm hành vi vi phạm.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố tiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, các bộ, ngành liên quan, tiếp tục nghiên cứu đề xuất xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, xây dựng chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia và triển khai thực hiện có hiệu quả. Chỉ đạo các bộ, ngành trung ương xây dựng các kế hoạch phòng thủ dân sự, kế hoạch ứng phó các thảm họa ở cấp mình và triển khai có hiệu quả.

10. Pháp luật về tình trạng khẩn cấp

a) Quy định của pháp luật

Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội có thẩm quyền "quy định về tình trạng khẩn cấp" (khoản 13 Điều 70); Ủy ban Thường vụ Quốc hội "quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương" (khoản 10 Điều 74); Chủ tịch nước "căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương" (khoản 5 Điều 88); Chính phủ "thi hành lệnh động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của nhân dân" (khoản 3 Điều 96).

Hiện nay, tình trạng khẩn cấp được quy định tại nhiều luật, pháp lệnh; cụ thể:

- Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 23/3/2000. Tại Pháp lệnh này quy định khái niệm về tình trạng khẩn cấp "Khi trong cả nước, một hoặc nhiều địa phương có thảm họa lớn do thiên nhiên hoặc con người gây ra, có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng đe dọa nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước và tổ chức, tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân hoặc có tình hình đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia và

trật tự, an toàn xã hội thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chủ tịch nước ban bố trạng khẩn cấp để áp dụng các biện pháp đặc biệt nhằm kịp thời ngăn chặn, hạn chế và khắc phục hậu quả xả ra, nhanh chóng ổn định tình hình". Pháp lệnh này quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, tổ chức thi hành, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; các biện pháp đặc biệt được áp dụng trong từng tình huống tình trạng khẩn cấp (tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm, tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội).

- Luật Phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm được Quốc hội ban hành ngày 21/11/2007. Tại Luật này, Quốc hội quy định ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch (nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; đưa tin trong tình trạng khẩn cấp về dịch, từ Điều 42 đến Điều 45), các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về dịch (Điều 54).

- Luật Quốc phòng được Quốc hội ban hành ngày 8/6/2018, trong đó có quy định về tình trạng khẩn cấp về quốc phòng. Theo đó, Luật này quy định cụ thể về ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp về quốc phòng. Trên cơ sở quy định của Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định việc thi hành quyết định ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, trong đó quy định cụ thể các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

Ngoài ra, tại các luật chuyên ngành như Luật An ninh quốc gia năm 2004, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Thú y năm 2015, Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008,… mặc dù không quy định cụ thể về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp nhưng có quy định theo hướng viện dẫn đến Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Thực tiễn thi hành

Từ khi ban hành Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp đến nay, Việt Nam chưa thực hiện ban bố tình trạng khẩn cấp. Do vậy, pháp luật về tình trạng khẩn cấp chưa được áp dụng trên thực tế.

Tuy nhiên, trong thời gian qua (năm 2020 - 2021), dịch COVID-19 đã xuất hiện và lây lan đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có một số quốc gia có số lượng ca mắc lớn (như Hoa Kỳ, Italia, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Anh, Nga…). Đây là một dịch bệnh có diễn biến phức tạp, khó lường, có nguy cơ lây lan trên quy mô rộng, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của Nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình phát triển KT-XH của đất nước, trong khi chưa có vắc-xin điều trị. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã công bố dịch bệnh COVID-19 là đại dịch toàn cầu, nhiều quốc gia trên thế giới đã công bố tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh. Tính đến ngày 10/8/2021, toàn thế giới đã ghi nhận hơn 204 triệu ca nhiễm COVID-19, trong đó hơn 4,3triệu ca tử vong; tại Việt Nam đã ghi nhận 224.894 ca mắc COVID-19, trong đó có

3.757 ca tử vong[27].

Trước diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 30/3/2020về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới. Ngày 01/4/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 447/QĐ-TTg về việc công bố dịch COVID-19 tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ngày 09/4/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 42/CP-NQ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Ngày 29/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 84/NĐ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Mặc dù tình hình diễn biến dịch bệnh Covid-19 vẫn đang trong tầm kiểm soát nên Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh; nhưng thực tiễn phòng, chống dịch thời gian qua đã mang lại nhiều bài học về ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa trong trạng thái "tiền khẩn cấp", đồng thời đặt ra các vấn đề pháp lý trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp.

c) Vướng mắc, bất cập

- Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp sau hơn 20 năm triển khai thi hành đã không còn phù hợp với thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh KT-XH của đất nước có nhiều thay đổi, hệ thống pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung khá nhiều. Một số quy định của Pháp lệnh về các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp có thể dẫn đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân (như quyền tự do đi lại, quyền hội họp, quyền tự do kinh doanh…). Điều này không còn phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về nguyên tắc *"quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của **luật** trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"* (khoản 2 Điều 14) và quy định của Hiến pháp về Quốc hội *"quy định về tình trạng khẩn cấp"* (khoản 13 Điều 70).

- Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp chỉ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp và một số biện pháp đặc biệt áp dụng trong tình trạng khẩn cấp như hạn chế quyền tự do đi lại, giới nghiêm, các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân; các biện pháp khoanh vùng để hạn chế, khắc phục hậu quả của sự cố, thảm họa… Tuy nhiên, Pháp lệnh chưa quy định các biện pháp liên quan đến an sinh, xã hội, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, cũng như các biện pháp tổ chức, điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội, y tế, văn hóa, giáo dục, các hoạt động tố tụng tư pháp… trong tình trạng khẩn cấp. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực chủ yếu điều chỉnh

[27] Theo Trang tin về dịch bệnh đường hô hấp cấpCOVID-19/Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế.

các quan hệ xã hội trong tình trạng bình thường, không điều chỉnh quan hệ xã hội trong tình trạng khẩn cấp hoặc chỉ quy định theo hướng viện dẫn đến pháp luật về tình trạng khẩn cấp. Do vậy, khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, các cơ quan nhà nước, tổ chức,cá nhân thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện các chính sách an sinh xã hội đặc biệt tại vùng xảy ra thảm họa, sự cố; bảo đảm điều kiện hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong bối cảnh tình trạng khẩn cấp nhằm ứng phó kịp thời với tình hình. Đặc biệt, khi chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp *("tiền khẩn cấp")*, pháp luật hiện hành hầu như không có quy định về vấn đề này (chỉ có quy định tại Điều 21 Luật An ninh quốc gia),đây là một "khoảng trống pháp lý" cần khắc phục.

- Các quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm không bảo đảm đầy đủ, cụ thể, do đó, nếu tình trạng khẩn cấp xảy ra thì cũng có thể gây khó khăn, lúng túng cho việc thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều luật khác, như: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Xử lý vi phạm hành chính,… cũng có các quy định liên quan đến thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện các hoạt động trong tình trạng khẩn cấp (như xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xét xử, thi hành án…).Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy các quy định này chưa dự liệu hết các tình huống có thể xảy ra trong tình trạng khẩn cấp, thiếu tính khả thi trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp.

- Hiện nay, còn tồn tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật cùng điều chỉnh về sự cố, thảm họa, trong đó pháp luật về phòng thủ dân sự quy định cụ thể các cấp độ, trạng thái phòng thủ dân sự (bao gồm cả trạng thái tình trạng khẩn cấp). Tuy nhiên, Nghị định số 02/2019/NĐ-CP lại chỉ quy định các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa trong trường hợp chưa đến mức tình trạng khẩn cấp. Các biện pháp này còn khá chung, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác phòng chống dịch bệnh trong thời gian qua, đồng thời chưa có sự liên thông, thống nhất với các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp quy định tại Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp và các luật khác có liên quan.

d) Giải pháp khắc phục

Đề nghị Chính phủ trình Quốc hội quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật phòng thủ dân sự. Theo đó, Luật Phòng thủ dân sự sẽ thiết kế một chương quy định về tình trạng khẩn cấp, trong đó quy định cụ thể về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, công bố, thi hành, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp, các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp (trong các lĩnh vực hành chính, kinh tế, tài chính, giáo dục, y tế, tố tụng hình sự, ban hành văn bản pháp luật…); vấn đề bảo đảm quyền con người, quyền công dân và hạn chế quyền con người, quyền công dân trong tình trạng khẩn cấp; trách nhiệm của các chủ thể trong tình trạng khẩn cấp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, hoạt động phòng thủ dân sự về cơ bản đã được triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương, đạt được nhiều thành quả quan trọng trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, góp phần quan trọng xây dựng, phát triển KT-XH của đất nước.

- Hệ thống văn bản pháp luật về phòng thủ dân sự đã được xây dựng, sửa đổi, bổ sung, tạo hành lang pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự được kiện toàn (theo hướng kiêm nhiệm). Cơ chế chỉ đạo, chỉ huy, điều hành của hoạt động phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn nói chung đã được quy định trong các văn bản pháp luật, bao gồm các luật, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, như: Luật Quốc phòng, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Đê điều,... nhờ đó năng lực bảo đảm phòng thủ dân sự được nâng lên.

- Lực lượng phòng thủ dân sự đã được tổ chức từ trung ương đến địa phương, tổ chức được một số đơn vị chuyên trách tại các Bộ: Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Công Thương; các lực lượng kiêm nhiệm của Quân đội, lực lượng Dân quân tự vệ, Công an xã, phường, thị trấn và lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia được tổ chức chặt chẽ, cơ bản đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự. Đến nay, các bộ, ban, ngành trung ương và các địa phương đã thành lập, kiện toàn về mặt tổ chức và có quy chế tổ chức hoạt động trong ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; hệ thống các kế hoạch ứng phó sự cố, thảm họa trong từng lĩnh vực được triển khai xây dựng và ban hành ở các cấp.

- Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, thảm họa ngày càng chính xác và kịp thời hơn; hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình, trang thiết bị phòng thủ dân sự từng bước được trang bị đồng bộ; việc ứng dụng khoa học công nghệ trong chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng tham mưu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu nạn có nhiều tiến bộ; chú trọng hơn việc thực hiện phương châm "4 tại chỗ"; khả năng sẵn sàng ứng phó các tình huống sự cố, thảm họa được nâng lên, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

- Cơ sở hạ tầng phòng thủ dân sự được quan tâm đầu tư; mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, song hệ thống công trình phòng thủ dân sự, nhất là các công trình đê điều, hồ đập, thủy lợi, khu trú, tránh bão đã được quan tâm đầu tư bằng nhiều nguồn.

- Công tác thông tin, truyền thông tạo nên những thay đổi lớn, đóng góp hiệu quả thiết thực trong việc truyền tải thông tin chỉ đạo điều hành, diễn biến sự cố, thiên tai, thảm họa.

2. Khó khăn, vướng mắc, bất cập

a) Về mặt thể chế

- Mặc dù hệ thống các quy định của pháp luật của Việt Nam về phòng thủ dân sự đã được quan tâm xây dựng, nhưng các quy định đó còn thiếu và chưa thể chế hóa đầy đủ quan điểm mới của Đảng cũng như chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; nội dung của các quy định định về phòng thủ dân sự chưa đầy đủ, chưa theo kịp sự phát triển của KT-XH, chưa đáp ứng được nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong giai đoạn hiện nay khiến việc điều hành, chỉ đạo của cơ quan chức năng gặp khó khăn, lúng túng khi sự cố, thảm họa, dịch bệnh xảy ra.

- Quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự chưa thực sự rõ ràng, khiến việc điều động lực lượng khi triển khai nhiệm vụ gặp khó khăn, đặc biệt khi xảy ra những tình huống có tính chất đặc thù, diễn biến nhanh, đòi hỏi phải huy động lực lượng ứng phó ngay lập tức; quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức cũng chưa đề cao sự chủ động, tích cực của các chủ thể này (ví dụ, trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp như các doanh nghiệp bảo hiểm…); các quy định về biện pháp bảo vệ tổ chức, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi thảm hoạ, sự cố cũng chưa đầy đủ.

b) Về tổ chức thi hành pháp luật

- Một số nội dung trong Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ) đến nay chưa thực hiện được (chưa thành lập cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở trung ương…)

- Công tác quản lý nhà nước và thực hiện công tác phòng thủ dân sự triển khai chưa đồng bộ, hiệu quả, kịp thời để đáp ứng nhiệm vụ được giao và nhu cầu thực tế trong công tác phòng thủ dân sự của các ngành, lĩnh vực.

- Hệ thống các giải pháp tổng thể về tài chính, khoa học kỹ thuật nhằm khắc phục hậu quả do thảm họa, sự cố cũng chưa được chú ý. Hiện nay, Việt Nam chưa có một chiến lược hoặc một mô hình quản trị rủi ro thiên tai nên các chính sách tài khóa nhằm ứng phó với thảm họa chưa mang tính hệ thống, logic, bổ trợ cho nhau.

- Công tác dự báo, cảnh báo chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội; khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng thấp; chất lượng dự báo rủi ro và việc ước tính các chi phí cần thiết để phòng ngừa, khắc phục rủi ro còn hạn chế.

- Công tác hướng dẫn, phổ biến cho nhân dân nâng cao kỹ năng tự ứng phó khi xảy ra các sự cố (như cháy nhà chung cư, cháy nhà dân…) còn hạn chế[28]. Việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý các cơ sở, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về phòng ngừa sự cố, thảm họa (ví dụ:Vi phạm an toàn phòng, chống cháy nổ…) chưa nghiêm, có tình trạng buông lỏng quản lý gây hậu quả nghiêm trọng.

- Tổ chức bộ máy chỉ đạo, chỉ huy còn những bất cập nhất định. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, tính chất, phạm vi hoạt động của các Ban, Ủy ban quốc gia ở trung ương có sự trùng lắp trong thực hiện nhiệm vụ. Công tác

[28] Báo cáo tổng kết của TP. Hà Nội

phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ, kịp thời.

- Việc huy động và sử dụng các nguồn lực cho hoạt động phòng thủ dân sự còn khó khăn, hạn chế.

3. Nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập

a) Nguyên nhân chủ quan

- Chế định về phòng thủ dân sự được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật (cả luật, nghị định) nhưng chưa đầy đủ (ví dụ, chưa quy định cụ thể các tiêu chí xác định, đánh giá rủi ro và cấp độ rủi ro của các loại sự cố, thảm hoạ; các phương án ứng phó sự cố, thảm hoạ còn chung chung, chưa sát thực tế); có những quy định về biện pháp ứng phó, ngăn ngừa, khắc phục sự cố, thảm họa nhưng các biện pháp này lại chồng chéo, trùng lặp hoặc chưa theo kịp sự phát triển của cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển của khoa học công nghệ; các vấn đề mang tính nguyên tắc về phòng thủ dân sự hiện đang được quy định tại một văn bản dưới luật là Nghị định số 02/2019/NĐ-CPchưa bảo đảm tính bao quát, chưa "tương xứng" với tầm văn bản về phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố trong từng lĩnh vực.Vì vậy, chưa đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự, nhất là trong tình hình hiện nay, nguy cơ xảy ra nhiều loại thảm họa, đòi hỏi yêu cầu cao về khả năng thích ứng và năng lực ứng phó, khắc phục.

Đặc biệt, trong hệ thống pháp luật hiện hành chưa có văn bản có giá trị pháp lý cao (như một đạo luật riêng quy định về phòng thủ dân sự nói chung, bao hàm các quy định về tình trạng khẩn cấp nói riêng) để tương thích và đáp ứng yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng cứu, phòng ngừa sự cố, thảm họa. Pháp luật về phòng thủ dân sự hiện hành cũng chưa phân định rõ về trạng thái và các cấp độ khác nhau của phòng thủ dân sự để làm cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự tương ứng, phù hợp, hiệu quả.

- Phạm vi của phòng thủ dân sự là rất rộng, bao gồm tổng thể các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; hay nói cách khác, bao gồm cả các vấn đề liên quan đến trạng thái tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật điều chỉnh trong tình trạng khẩn cấp còn nhiều khoảng trống hoặc chưa đủ cụ thể, chưa có quy định về các biện pháp được áp dụng khi xảy ra tình huống *"tiền khẩn cấp"* (là tình huống chưa nghiêm trọng đến mức cần ban bố tình trạng khẩn cấp nhưng cần áp dụng một số biện pháp hành chính mạnh)khiến việc điều hành, chỉ đạo của cơ quan chức năng khó khăn, lúng túng khi sự cố, thảm họa, dịch bệnh xảy ra.

- Cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở một số vùng, địa phương còn chủ quan, chưa quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ phòng thủ dân sự, chưa nhận thức đúng vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác phòng thủ dân sự hoặc có thái độ thụ động, trông chờ cấp trên.

- Lực lượng phòng thủ dân sự tại các cấp còn rất mỏng, chưa được đào tạo chuyên sâu, chuyên nghiệp; nguồn lực cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai còn thấp; nhiều trang thiết bị còn lạc hậu; kho tàng cất giữ, bảo quản, niêm cất

các loại phương tiện, trang thiết bị, vật tư còn hạn chế.

- Kinh phí để nghiên cứu, triển khai áp dụng đại trà các tiến bộ công nghệ vào việc khắc phục thảm họa, sự cố cũng như phục vụ cho công tác quản lý phòng thủ dân sự, chi trả cho việc ứng phó, khắc phục các sự cố, thảm họa, đầu tư trang thiết bị phòng thủ dân sự còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

b) Nguyên nhân khách quan

- Tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động khó lường, các thảm họa do chiến tranh, xung đột vũ trang là yếu tố tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Bên cạnh đó, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng tạo cho nước ta nhiều mối đe dọa an ninh phi truyền thống, như khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh nguy hiểm…

- Điều kiện KT-XH của đất nước còn khó khăn; nhiều địa phương, địa bàn thường xuyên xảy ra thiên tai, sự cố… Một số nơi có địa bàn rộng, đi lại khó khăn nên việc ứng phó gặp trở ngại.

- Công tác ứng phó đối với một số sự cố, thảm họa như rò rỉ chất phóng xạ là nội dung mới, khó và chuyên môn sâu. Do đó, cần thời gian để từng bước nâng cao nhận thức, năng lực của cán bộ quản lý, lực lượng triển khai và công chúng nói chung.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về thể chế

Xây dựng một đạo luật riêng (Luật Phòng thủ dân sự) chứa đựng các quy định cơ bản liên quan đến việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả khi xảy ra thảm họa, sự cố, trong đó bao hàm cả các quy định liên quan đến tình trạng khẩn cấp. Trong bối cảnh nguy cơ gia tăng cả về số lượng, quy mô và mức độ các sự cố, thảm họa trong thời gian tới, để khắc phục những hạn chế, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức phòng thủ dân sự, thì cần có văn bản điều chỉnh một cách tổng thể, thống nhất về cơ chế, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự đáp ứng tình hình thực tiễn.

- *Mục tiêu của Luật là*: Tăng cường các biện pháp và bảo đảm tính chủ động trong phòng ngừa, khắc phục thảm họa do chiến tranh gây ra; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ an toàn cho người dân, cơ quan, tổ chức, KT-XH, bảo vệ môi trường…; khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự.

- *Phạm vi điều chỉnh của Luật*: Luật Phòng thủ dân sự quy định việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, khắc phục thảm họa do chiến tranh; phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; quyền và nghĩa vụ của công dân; chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật hiện hành đã có quy định về phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố ở một số lĩnh vực, dự án Luật Phòng thủ dân

sự sẽ không thay thế các Luật hiện hành mà bổ khuyết vào những khoảng trống của pháp luật hiện hành. Theo đó, Luật sẽ quy định cụ thể về các biện pháp giảm nhẹ, khắc phục thảm họa do chiến tranh gây ra và bảo vệ nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố. Trường hợp pháp luật đã có quy định về phòng, chống, khắc phục các loại thảm hoạ, sự cố cụ thể (Luật Phòng, chống thiên tai,Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Phòng cháy vàChữa cháy…) thì áp dụng quy định của pháp luật đó. Trường hợp pháp luật không có quy định cụ thể thì áp dụng các nguyên tắc, biện pháp được quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.

2. Về tổ chức thực hiện

- Cấp ủy, chính quyền các cấp cần thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức và quần chúng nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng về phòng thủ dân sự. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc, phương châm chỉ đạo hoạt động phòng thủ dân sự; tuyên truyền, giáo dục để các lực lượng phòng thủ dân sự nhận thức rõ: Phòng thủ dân sự là một chủ trương chiến lược của Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; trong đó, Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển tổng thể của quốc gia và của từng vùng miền, khu vực; nhất là trên các địa bàn chiến lược biên giới, biển đảo..., đảm bảo hài hòa giữa lợi ích KT-XH với quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường, sinh thái; sự phát triển nhanh với phát triển bền vững của đất nước.

- Tập trung xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng thủ dân sự, nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm trong thực hiện phòng thủ dân sự. Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan trong hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố, thảm họa… Trên cơ sở đó nâng cao ý thức phòng ngừa, ngăn chặn từ xa, từ sớm các nguy cơ xảy ra sự cố, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mọi người dân và địa phương, doanh nghiệp; hạn chế tối đa thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.

- Đẩy mạnh công tác huấn luyện, diễn tập, nâng cao khả năng thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự cho các lực lượng, đặc biệt là lực lượng phòng thủ dân sự cấp xã, bảo đảm các lực lượng được huấn luyện đầy đủ những kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự và làm chủ, khai thác có hiệu quả trang thiết bị, phương tiện phòng thủ dân sự được trang bị.

- Tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng thủ dân sự; huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đối với các hoạt động phòng thủ dân sự. Việc xây dựng hệ thống công trình phòng, chống thảm họa thiên tai, môi trường... cần được trù tính kỹ càng nhằm bảo đảm cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng các yêu cầu "tích cực, chủ động, kịp thời phòng

tránh, khắc phục hậu quả", lấy các biện pháp phòng ngừa là chính.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thực hiện các hoạt động phòng thủ dân sự; quá trình thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân theo phương châm "4 tại chỗ".

- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để nâng cao năng lực phòng thủ dân sự theo hướng xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể (cả trước mắt và lâu dài); tập trung có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình và bước đi thích hợp, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ, đối tác, các thông lệ quốc tế mà nước ta tham gia...; đảm bảo nâng cao được năng lực phòng thủ dân sự, đồng thời phải đảm bảo yêu cầu có tính nguyên tắc là giữ vững độc lập, tự chủ, không để bị lệ thuộc, phụ thuộc vào nước ngoài, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về phòng thủ dân sự, qua đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân được giao thực hiện công tác phòng thủ dân sự nhằm đưa công tác này vào nề nếp, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu thực tế.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Phó TTg Nguyễn Văn Thành (để b/c);
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Ngoại giao;
- Đ/c Bộ trưởng BQP (để b/c);
- Đ/c TTMT-Thứ trưởng BQP;
- BTTM;
- Lưu: VT, VPC, Cục CHCN. Kh12.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Thượng tướng Nguyễn Tân Cương

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 511/BC-BQP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH
DỰ ÁN LUẬT PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Kính gửi: Chính phủ.

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong những thập niên đầu tiên của Thế kỷ này, mặc dù hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song thế giới vẫn đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn. Tình hình đó làm gia tăng rủi ro đối với môi trường chính trị, an ninh quốc tế. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, là khu vực phát triển năng động, ngày càng thể hiện vị thế chiến lược quan trọng; tuy nhiên, đây cũng là khu vực các nước lớn gia tăng sự ảnh hưởng, tiềm ẩn các yếu tố mất ổn định; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, tranh chấp khai thác tài nguyên diễn biến phức tạp, dễ nảy sinh xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ. Các thảm họa do chiến tranh, xung đột vũ trang là yếu tố tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Đại dịch COVID-19 là một đại dịch bệnh truyền nhiễm với tác nhân là virus SARS-CoV-2, đang diễn ra trên toàn thế giới với mức độ ngày càng khốc liệt. Ngày 11 tháng 3 năm 2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ra tuyên bố gọi "COVID-19" là "Đại dịch toàn cầu. Đại dịch COVID-19 đã tác động lớn đến tình hình chính trị - kinh tế - xã hội trên toàn thế giới với các thiệt hại về sinh mạng con người, sự bất ổn về kinh tế và xã hội, tình trạng phân biệt chủng tộc... Báo cáo đặc biệt về đa dạng sinh học và các đại dịch của Ủy ban đa dạng sinh học của Liên hợp quốc (IPBES) dự báo dưới tác động của tình trạng biến đổi khí hậu và suy giảm đa dạng sinh học, trong tương lai các đại dịch sẽ xảy ra thường xuyên hơn, với mức độ nguy hiểm cao hơn và gây nhiều thiệt hại hơn cho nền kinh tế toàn cầu.

Bên cạnh tình hình nêu trên, các yếu tố tự nhiên như động đất, sóng thần, nước biển dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, bão lũ, cháy rừng … xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới với phạm vi rộng, mật độ dày, cường độ cao, hậu quả nghiêm trọng. Số liệu thống kê trong 20 năm qua cho thấy tình hình thiên tai trên thế giới có xu thế ngày càng gia tăng và khó lường, diễn biến bất thường, trái quy luật và gây ra những hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Ở Việt Nam, thiên tai xảy ra nhiều hơn tại các vùng miền trước đây ít có những trận thiên tai lớn, ví dụ các

cơn bão lớn ở khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ; hoặc hiện tượng mưa đặc biệt lớn, trong đó có mưa cục bộ ở nhiều khu vực vượt giá trị lịch sử; hiện tượng mưa lớn trái mùa ở một số khu vực ngày càng diễn biến phức tạp: có nơi mưa sớm hơn và hoặc có nơi xuất hiện mưa muộn cuối vụ rất lớn sau khi các hồ chứa đã tích đầy nước; bão lớn trên cấp 11-12 thường xuyên xảy ra và trái quy luật kể cả về thời gian hình thành và khu vực đổ bộ; lũ lớn xảy ra thường xuyên, thời gian có thể xảy ra ngay từ đầu năm và kéo dài đến cuối năm ở các vùng miền; hạn hán trên diện rộng, kéo dài tại các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên ... cùng với đó, để phát triển kinh tế, các hoạt động sản xuất, dịch vụ (xây dựng các khu công nghiệp lớn và hiện đại, nhà cao tầng, thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí, chế biến, vận chuyển, khai thác thủy hải sản trên biển…) phát triển nhanh, mạnh làm tăng nguy cơ xảy ra các sự cố, thảm họa như: ô nhiễm môi trường quy mô lớn; cháy nổ, sập đổ hầm lò, hầm khai khoáng; tai nạn trong các hầm giao thông; cháy nổ khu công nghiệp, đường ống dẫn dầu, khí; tràn dầu, rò rỉ hóa chất, độc xạ; sập đổ nhà cao tầng, chung cư…

Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thế giới và trong nước có nhiều biến động, khó khăn, thách thức nêu trên, hoạt động phòng thủ dân sự, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa ngày càng đóng vai trò quan trọng, góp phần kịp thời triển khai các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm an toàn hoặc hạn chế thấp nhất mức độ thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

Qua 15 năm triển khai thực hiện các văn bản về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự, nước ta đã đạt được nhiều kết quả, thành tựu quan trọng: cơ bản hoàn thiện về cơ cấu, tổ chức lực lượng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn từ cơ quan quản lý nhà nước đến các bộ, ngành, địa phương; lực lượng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự đã từng bước được củng cố theo hướng chuyên môn hóa, xây dựng lực lượng chuyên trách gắn với tập huấn, bồi dưỡng lực lượng kiêm nhiệm; năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã được củng cố và phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đáp ứng được một phần quan trọng về công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự; hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự được triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương; cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện toàn diện các văn bản của Đảng, Nhà nước đạt kết quả quan trọng; chất lượng tham mưu, tổng hợp, khả năng ứng phó sự cố, thiên tai thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự được nâng lên; đã từng bước chuyển từ bị động sang chủ động thích ứng.

Bộ Quốc phòng cơ quan Thường trực của Ủy ban đã tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương với gần 2.000 công điện chỉ đạo, huy động 3,4 triệu lượt người và 119.000 lượt phương tiện trên phạm vi toàn quốc; chỉ đạo ứng phó xử lý hiệu quả 40.900 vụ việc, cứu được 56.871 người và 5.400 phương tiện; tham gia cứu nạn 11.979 vụ, cứu được 25.694 người và 1.413 phương tiện, trong đó có 206 vụ, 846 người và 144 phương tiện có yếu tố nước ngoài. Trong đó riêng quân đội đã huy động 2,8 triệu lượt cán bộ, chiến sĩ (chiếm 82%) và 85.000 lượt phương tiện các loại, di dời 2.529.191 hộ dân đến nơi an toàn, khám chữa bệnh cho 70.109 lượt người; kêu gọi 14,20 triệu lượt người/4,5 triệu lượt phương tiện nắm được thông tin của bão, an toàn neo đậu để kịp thời tránh trú; di dời 305.983 hộ dân đến nơi an toàn, khám chữa bệnh cho 10.285 lượt người, vận chuyển 696 tấn lương thực hàng hóa, gia cố, khắc phục 356.463 nhà, sửa đường 1.482 km và giúp dân thu hoạch nhiều diện tích hoa màu bị gãy đổ, ngập úng. Các vụ việc sự cố, thảm họa thời gian vừa qua đã được xử lý, ứng cứu kịp thời như: vụ cháy rừng U Minh năm 2005; sập nhịp dẫn cầu Cần Thơ năm 2007; sập mỏ đá Bản Vẽ/Nghệ An năm 2007; sạt lở đất Pắc Nậm/Bắc Cạn năm 2009; cháy rừng Quốc gia Hoàng Liên Sơn năm 2009; bão Chan Chu năm 2006; lũ lụt tại miền Trung năm 2010; bão Nari, bão Haiyan năm 2013; tìm kiếm máy bay MH370/Malaysia năm 2013; sự cố sập hầm công trình thủy điện Đạ Dâng/Lâm Đồng năm 2014; sự cố môi trường tại nhà máy Formosa, Hà Tĩnh năm 2016; sự cố cháy nổ tại Công ty Cổ phần bóng đèn, phích nước Rạng Đông/Hà Nội năm 2019; dịch bệnh Covid-19 năm 2020…

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả chủ yếu đã đạt được nêu trên, nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng thủ dân sự vẫn còn tồn tại nhiều vướng mắc, bất cập như: hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện; một số cơ chế, chính sách chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi, chưa đáp ứng được với yêu cầu công tác phòng thủ dân sự; công tác quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, tính tổng thể, liên ngành, liên vùng; chưa rõ trọng tâm, trọng điểm, nguồn lực thực hiện; công tác dự báo, cảnh báo mặc dù đã có một số bước tiến, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, có lúc thiếu chính xác, không kịp thời, nhất là việc dự báo các loại hình thảm họa như lũ quét, sạt lở đất … khiến công tác chỉ đạo phòng, chống và chuẩn bị lực lượng, phương tiện ứng phó gặp nhiều khó khăn; hệ thống kết nối dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động thông tin phòng thủ dân sự chưa đáp ứng được yêu cầu; kết cấu hạ tầng một số công trình chưa gắn kết chặt chẽ với công trình, thiết bị phòng thủ dân sự; một số địa phương chưa quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ dân sự hoặc khi xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm tính lưỡng dụng trong phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng khi xảy ra các thảm họa, chiến tranh; tổ chức bộ máy, quản lý

nhà nước và phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương chưa thực sự tinh, gọn, hiệu quả; tổ chức thực hiện chưa thực sự chủ động, cương quyết; hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa cao.

Vì phòng thủ dân sự có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nên Đảng và Nhà nước luôn quan tâm chỉ đạo sát sao về hoạt động phòng thủ dân sự. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đề ra yêu cầu *"Sau năm 2010, xây dựng mới các đạo luật về phòng thủ dân sự, giáo dục quốc phòng, bảo vệ các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia, chống khủng bố…"*. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai yêu cầu*"Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan theo hướng khắc phục các chồng chéo, xung đột, bổ sung các quy định mới bảo đảm sự thống nhất, phù hợp, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, khả thi, thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai"*. Bên cạnh đó, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 như sau: *"Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu…"; "Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch"*. Đồng thời, Nghị quyết cũng khẳng định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII là*"Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh…"*.

Trong bối cảnh những nguy cơ tiềm tàng về sự cố, thảm họa có thể xảy ra trong thời gian tới; để khắc phục các hạn chế, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động phòng thủ dân sự; nhằm bảo đảm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về công tác phòng thủ dân sự, việc nghiên cứu, xây dựng Luật Phòng thủ dân sự để điều chỉnh một cách tổng thể, thống nhất về cơ chế, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự là cần thiết, có ý nghĩa quan trọng, bảo đảm đáp ứng tình hình thực tiễn.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc xây dựng Luật Phòng thủ dân sự hướng tới các mục tiêu sau đây: tăng cường các biện pháp và bảo đảm tính chủ động trong phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ an toàn cho người dân, cơ quan, tổ chức; bảo vệ môi trường; khắc phục

sự chồng chéo, mâu thuẫn và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự.

Việc xây dựng Luật Phòng thủ dân sự tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động: phân bổ hợp lý nguồn lực trong phòng thủ dân sự, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khả thi; ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin nhằm bảo đảm tính kịp thời, hiệu quả trong phòng thủ dân sự; xã hội hóa, thu hút nguồn lực và sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự; có chính sách hỗ trợ và bảo vệ (tính mạng, tài sản…) người dân bị thiệt hại do thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh trong phòng thủ dân sự; tăng cường tính chủ động của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh trong phòng thủ dân sự; đề cao trách nhiệm chỉ huy, chỉ đạo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng thủ dân sự.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Mức độ rủi ro của thảm hoạ, sự cố là cơ sở xuyên suốt cho việc dự báo, cảnh báo, xây dựng kế hoạch, phương án và chỉ đạo, chỉ huy các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thảm hoạ, sự cố. *Ở giai đoạn phòng ngừa*, đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố trên cơ sở các tiêu chí rõ ràng, cụ thể là cơ sở để dự báo, cảnh báo chính xác nguy cơ xảy ra thảm hoạ, sự cố, xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó hiệu quả, khả thi và chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực cần thiết. *Ở giai đoạn ứng phó, khắc phục thảm hoạ, sự cố*, việc đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng và khả năng gây thiệt hại của thảm hoạ, sự cố là căn cứ để xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, huy động lực lượng, phương tiện và triển khai các biện pháp ứng khó, khắc phục thảm họa, sự cố kịp thời, hiệu quả, bảo vệ tính mạng, tài sản củaNhà nước và Nhân dân, giảm thiểu tối đa các thiệt hại có thể xảy ra.

Thực tiễn cho thấy, các cơ quan chưa chú trọng đúng mức đến việc đánh giá mức độ rủi ro của các thảm hoạ, sự cố; công tác dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố chưa đạt kết quả như mong muốn; nhiều kế hoạch, phương án ứng phó, khắc phục thảm hoạ, sự cố còn chung chung, chưa sát với thực tế hoặc chưa dự liệu đầy đủ nguy cơ xảy ra thảm hoạ, sự cố thường gặp trên địa bàn, nên còn bị động, lúng túng khi triển khai các hoạt động ứng phó. Ví dụ:

- *Trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai*: Cấp độ rủi ro thiên tai là cơ sở cho việc cảnh báo, chỉ đạo, chỉ huy, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai[1]. Đến nay, độ chính xác trong các bản tin dự báo bão (vị trí và cường độ bão) của Việt Nam đã tiệm cận với trình độ dự báo bão của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; độ chính xác trong dự báo, cảnh báo các hiện tượng thiên tai khí tượng khác như dông, lốc, sét, mưa đá, mưa lớn cục bộ, định lượng mưa, rét đậm, rét hại, nắng nóng diện rộng...đã đạt từ 60-80%. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều bước tiến, nhưng công tác dự báo, cảnh báo hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, có lúc thiếu chính xác, không kịp thời, nhất là việc dự báo các loại hình thiên tai như lũ quét, sạt lở đất… khiến công tác chỉ đạo phòng, chống và chuẩn bị lực lượng, phương tiện ứng phó gặp nhiều khó khăn[2].

- *Trong lĩnh vực phòng, chống bệnh truyền nhiễm*: Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 không quy định tiêu chí đánh giá nguy cơ, mức độ rủi ro xảy ra dịch bệnh hoặc lây lan dịch bệnh. Trong thực tiễn phòng, chống dịch COVID-19 vừa qua, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19) đã sử dụng một hệ thống *các tiêu chí đánh giá nguy cơ* để đánh giá toàn diện nguy cơ phát triển dịch ở những vùng/địa bàn nhất định, nhận định chu kỳ lây, phân tích tác động các biện pháp xử lý… từ đó đề xuất các biện pháp, giải pháp xử lý hữu hiệu nhất đối với từng cụm dịch, vùng dịch. Việc áp dụng hệ thống các tiêu chí đánh giá nguy cơ nói trên đã góp phần quan trọng giúp phân tích, đánh giá, nhận định chính xác tình hình, diễn biến của dịch và nguy cơ lây lan, từ đó có giải pháp, biện pháp phòng, chống dịch hiệu quả.

Trong quá trình phòng chống đợt bùng phát dịch COVID lần thứ 4 ở Việt Nam, tại Phiên họp Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống dịch COVID-19 ngày 19/5/2021, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam cũng nhấn mạnh *"phải thiết lập được một hệ thống chuẩn, tiêu chí và công nghệ kèm theo để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo biết được ngày hôm nay trên địa bàn cả nước, tình hình dịch bệnh như thế nào, nơi nào nguy cơ cao, nơi nào nguy cơ rất cao, đi kèm với đó là các biện pháp ứng phó. Quan trọng hơn dự báo tình hình trong những ngày tới và đưa ra các khuyến nghị. Tương tự các tỉnh, các huyện, các xã sẽ biết được nguy cơ dịch bệnh trên địa bàn để triển khai các biện pháp phòng chống dịch theo quy định, bổ sung những giải pháp phù hợp với tình hình thực tế"*. Đây là một yêu cầu cấp thiết được đặt ra từ thực tiễn.

---

[1] Các tiêu chí xác định cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

[2] Theo Báo cáo tổng kết thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện nay chưa có quy định đầy đủ, cụ thể về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của các loại thảm hoạ, sự cố. Có lĩnh vực quy định cụ thể về cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố (như thiên tai, sự cố bức xạ, hạt nhân[3], ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển[4]…); có lĩnh vực chưa quy định cụ thể (như phòng, chống bệnh truyền nhiễm…). Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự quy định kế hoạch phòng thủ dân sự phải có nội dung *"xác định, đánh giá rủi ro và cấp độ rủi ro do các thảm họa, chiến tranh thường gặp"*, nhưng chưa quy định cụ thể (hoặc giao trách nhiệm của các cơ quan trong việc quy định cụ thể) tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của các thảm họa, sự cố, gây khó khăn cho quá trình chỉ huy, chỉ đạo điều hành.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố dựa trên hệ thống các tiêu chí cụ thể, khoa học.

- Nâng cao chất lượng hoạt động đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố làm cơ sở cho việc xác định mức độ nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố (khi thảm họa, sự cố chưa xảy ra) và cấp độ thảm họa, sự cố (khi thảm họa, sự cố xảy ra), từ đó, các cơ quan kịp thời thực hiện cảnh báo, dự báo sớm, chính xác thảm họa, sự cố, xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó và triển khai các biện pháp phù hợp để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố; xác định rõ trách nhiệm xử lý, nguồn lực ứng phó tương ứng với mức độ rủi ro và tính chất nghiêm trọng của thảm hoạ, sự cố.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định pháp luật hiện hành (tại Nghị định số 02/2019/NĐ-CP và các luật trong từng lĩnh vực).

Giải pháp 2: Quy định khái quát tại Luật Phòng thủ dân sự các tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ rủi ro của thảm hoạ, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự (phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm hoạ, sự cố).

- Đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố làm cơ sở cho việc xác định mức độ nguy cơ xảy ra thảm hoạ, sự cố, dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố, xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó và triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố phù hợp với cấp độ của thảm họa, sự cố.

- Tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố: Phạm vi ảnh hưởng của thảm hoạ, sự cố; đặc điểm địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực, địa

[3]Luật Năng lượng nguyên tử và các văn bản hướng dẫn thi hành.
[4] Luật Tài nguyên, môi trường và hải đảo, Luật bảo vệ môi trường.

bàn chịu tác động trực tiếp hoặc có nguy cơ chịu ảnh hưởng của thảm họa, sự cố; tính chất, cường độ, mức độ nguy hiểm và tình hình diễn biến của thảm họa, sự cố; khả năng gây thiệt hại của thảm họa, sự cố đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, công trình hạ tầng, môi trường, gián đoạn nguồn cung cấp các dịch vụ cơ bản, thiết yếu...

Giải pháp 3: Quy định khái quát tại Luật Phòng thủ dân sự các tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ rủi ro của thảm hoạ, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự (như giải pháp 2), đồng thời quy định nguyên tắc: *"Tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm hoạ, sự cố trong các lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về Bộ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro đối với từng loại thảm họa, sự cố".*

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

1.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định pháp luật hiện hành (tại Nghị định số 02/2019/NĐ-CP và các luật trong từng lĩnh vực).

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* Chi phí: Việc đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố không được chú trọng hoặc cải thiện, có thể dẫn đến việc dự báo, cảnh báo không chính xác hoặc không kịp thời, dẫn đến không lường hết được những thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra.

Đối với những lĩnh vực mà pháp luật chưa có quy định về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố thì các lĩnh vực này sẽ thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các kế hoạch, phương án ứng phó, khắc phục thảm hoạ, sự cố bảo đảm cụ thể, phù hợp, khả thi, khiến cho việc phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố bị động hoặc không hiệu quả.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước: Thực tiễn hiện nay còn có những lĩnh vực mà pháp luật chưa có quy định về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố nên các cơ quan, đơn vị không đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn để thực hiện trách nhiệm của mình trong việc đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố; còn bị động trong việc cảnh báo, dự báo và chuẩn bị các nguồn lực, điều kiện cần thiết để triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố.

* Người dân, tổ chức: Tương tự như vậy, do pháp luật hiện nay còn thiếu vắng các quy định về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố trên một số lĩnh vực, do đó, người dân, tổ chức không biết hoặc không nắm rõ thông tin về những nguy cơ, rủi ro về thảm họa, sự cố có thể xảy ra, những hệ quả tác động trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của mình; từ đó,

không chủ động có những giải pháp tự bảo vệ bản thân hoặc phối hợp, tham gia cùng các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

*Tiêu cực: Hệ thống pháp luật chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; không có đầy đủ các quy định về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của các loại thảm hoạ, sự cố; các quy định của Nghị định số 02/2019/NĐ-CP chưa bảo đảm cụ thể, khả thi.

1.4.2. Giải pháp 2: Quy định khái quát tại Luật Phòng thủ dân sự các tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ rủi ro của thảm hoạ, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự (phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm hoạ, sự cố).

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Các kế hoạch, giải pháp ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá mức độ rủi ro của thảm hoạ, sự cố, góp phần đầu tư, quản lý và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực hiện có, chủ động huy động nguồn lực của toàn xã hội khi cần thiết, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa thảm họa, sự cố từ sớm, từ xa và giảm thiểu tối đa khả năng gây thiệt hại hoặc mức độ thiệt hại của thảm hoạ, sự cố nếu xảy ra.

* Chi phí: Chi phí về thời gian (để thực hiện các hoạt động quan trắc, khảo sát, thu thập, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ việc đánh giá), nhân lực (cần các cán bộ có trình độ, năng lực chuyên môn, kỹ thuật) và vật chất (cần đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc đo lường, tính toán, phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố). Với mỗi loại thảm họa, sự cố, có yêu cầu riêng về cán bộ, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ… phục vụ cho việc đánh giá mức độ rủi ro.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước: Góp phần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố dựa trên các tiêu chí cụ thể, khoa học; từ đó nâng cao sự chủ động và tính chính xác trong công tác dự báo, cảnh báo, xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thảm họa, sự cố.

* Người dân, tổ chức: Việc đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố dựa trên các tiêu chí rõ ràng được pháp luật quy định sẽ giúp tổ chức, cá nhân được tiếp cận các thông tin thông báo, dự báo, cảnh báo về thảm họa, sự cố kịp thời, đáng tin cậy, từ đó nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố. Khi đó, tổ chức, cá nhân vừa có biện pháp tự bảo vệ mình, vừa tích cực thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố theo quy định của pháp luật.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tích cực: Có quy định khái quát ở tầm luật về các tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ rủi ro của thảm hoạ, sự cố, làm cơ sở để áp dụng cho việc đánh giá mức độ rủi ro đối với từng loại thảm hoạ, sự cố.

Đối với những lĩnh vực đã có quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố thì áp dụng các quy định pháp luật đó. Đối với những lĩnh vực chưa có quy định về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố thì áp dụng các tiêu chí được quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.

*Tiêu cực: Mỗi loại thảm hoạ, sự cố (do chiến tranh, thiên tai, con người gây ra) có đặc điểm riêng về tính chất, quy mô, khả năng gây thiệt hại, do đó, các tiêu chí chung cơ bản được quy định trong Luật Phòng thủ dân sự có thể không bảo đảm cụ thể, rõ ràng và dễ áp dụng đối với từng loại thảm họa, sự cố riêng biệt.

Chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật vì có lĩnh vực đã có quy định cụ thể về cấp độ rủi ro và tiêu chí phân cấp độ rủi ro (như phòng, chống thiên tai), có lĩnh vực chưa có quy định cụ thể về các tiêu chí.

Chưa rõ thẩm quyền ban hành các quy định về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố liên quan đến từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

1.4.3. Giải pháp 3: Quy định khái quát tại Luật Phòng thủ dân sự các tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ rủi ro của thảm hoạ, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự (như giải pháp 2), đồng thời quy định nguyên tắc: “Tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm hoạ, sự cố trong các lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về Bộ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro đối với từng loại thảm họa, sự cố”.

a) Tác động về kinh tế

Như Giải pháp 2 và thêm các tác động tích cực sau:

* Tính chính xác của việc đánh giá mức độ rủi ro của các thảm họa, sự cố cao hơn do mỗi loại thảm họa, sự cố có Bộ tiêu chí đánh giá riêng. Việc đánh giá chính xác góp phần nâng cao chất lượng cảnh báo, dự báo, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố, giảm thiểu tối đa các thiệt hại về người, tài sản có thể xảy ra.

* Khi việc đánh giá mức độ rủi ro đi vào nề nếp, chuyên nghiệp thì càng nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

b) Tác động về xã hội

Như Giải pháp 2 và thêm các tác động tích cực sau:

+ Tạo thuận lợi cho các cơ quan trong việc áp dụng các tiêu chí đánh giá; nâng cao tính chuyên nghiệp, khoa học, chủ động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố.

+ Các tổ chức, cá nhân dễ theo dõi, tiếp cận các tiêu chí và kết quả đánh giá mức độ rủi ro của từng loại thảm họa, sự cố có thể xảy ra trên địa bàn.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

Như Giải pháp 2 và thêm các tác động tích cực, tiêu cực sau:

* Tích cực:

Bảo đảm quy định đầy đủ, cụ thể các tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của từng loại thảm hoạ, sự cố, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện.

Xác định rõ mối quan hệ giữa các quy định về tiêu chí cơ bản tại Luật Phòng thủ dân sự và pháp luật có liên quan, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Cụ thể: tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật trong các lĩnh vực đã có quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố thì áp dụng các quy định của pháp luật đó. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì áp dụng các quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.

Quy định rõ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc ban hành quy định về Bộ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của từng loại thảm họa, sự cố.

* Tiêu cực: Phải ban hành nhiều văn bản quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố trong các lĩnh vực cụ thể (hình thức văn bản: Quyết định quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ).

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi đánh giá tác động, cân bằng giữa lợi ích và chi phí, Bộ Quốc phòng kiến nghị lựa chọn ***Giải pháp 3***.

2. Chính sách 2: Phân công trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Để ứng phó với thảm họa, sự cố, các cơ quan còn lúng túng trong việc huy động lực lượng phòng thủ dân sự phù hợp do thiếu vắng các quy định về tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố trên một số văn bản Luật chuyên ngành thuộc một số lĩnh vực, do đó cũng không có quy định về phân công, phân nhiệm phù hợp trong các luật chuyên ngành dẫn đến tình trạng huy động không đúng với mức độ, tình trạng của sự cố, thảm họa gây lãng phí nguồn lực (ví dụ: mức độ ứng phó đối với thảm họa, sự cố chỉ cần đến lực lượng, phương tiện tại cấp xã nhưng thực tế huy động đến cả lực lượng cấp tỉnh). Bên cạnh đó, khi thực hiện ứng phó đối với thảm họa, sự cố, vẫn còn tình trạng đùn đẩy, chưa rõ ràng về trách nhiệm của các bên trong lực lượng chủ trì, lực lượng phối hợp. Đồng thời, khi thảm họa, sự cố xảy ra, việc điều hành của các cấp chính quyền địa phương vẫn còn khá lúng túng, không thống nhất khi xác định trách nhiệm của mình; hoặc không hành động kịp thời do chưa rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành đến đâu. Việc phối hợp giữa các Bộ, ngành trung ương chưa thường xuyên, chặt chẽ, nhất là trong xây dựng chính sách, chia sẻ thông tin, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chính sách; khiến việc ban hành, bổ sung, sửa đổi chính sách hoặc các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách bị chậm trễ, không kịp thời để đối phó với thảm họa, sự cố.

Pháp luật hiện hành mới có một số văn bản quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương đối với một số thảm họa, sự cố, chưa có đầy đủ quy định phân công, phân cấp trách nhiệm cho các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức đối với thảm họa, sự cố thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật.

Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành chỉ quy định các biện pháp chống dịch khi công bố dịch và khi ban bố tình trạng khẩn cấp, mà chưa có quy định đối với trường hợp đã công bố dịch nhưng chưa đến mức phải ban bố tình trạng khẩn cấp (giai đoạn "tiền khẩn cấp"). Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp chỉ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp và một số biện pháp đặc biệt áp dụng trong tình trạng khẩn cấp như hạn chế quyền tự do đi lại, giới nghiêm, các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân; các biện pháp khoanh vùng để hạn chế, khắc phục hậu quả của sự cố, thảm họa… Bên cạnh đó, các quy định

của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định về biện pháp phòng, chống dịch thông thường và phòng, chống dịch trong tình trạng khẩn cấp không có nhiều khác biệt; thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan (Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia, trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương…) cũng chưa đầy đủ, rõ ràng để bảo đảm các cơ quan này kịp thời ban hành các biện pháp mạnh và tổng thể để phòng, chống dịch.

Đối với phân định cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố hiện nay chưa đủ quy định pháp luật để làm cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể xác định trách nhiệm cụ thể của các cơ quan có thẩm quyền chuẩn bị sẵn sàng các lực lượng và phương tiện ứng phó với từng cấp độ, trạng thái của thảm họa, sự cố tương ứng, phù hợp. Trên cơ sở đó, bảo đảm nguồn lực hiệu quả cho công tác phòng thủ dân sự, nâng cao khả năng ứng phó, khắc phục.

2.2. Mục tiêu của chính sách

- Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan trung ương, địa phương đối với thảm họa, sự cố nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đối với thảm họa, sự cố;

- Đảm bảo tính chủ động cho chủ thể có thẩm quyền ngăn ngừa, ứng phó với thảm họa, sự cố trong các trường hợp, cấp độ rủi ro khác nhau. Nâng cao khả năng ứng phó của cấp có thẩm quyền đối với thảm họa, sự cố.

- Tạo cơ sở pháp lý để thực hiện công tác phối hợp; kịp thời chuẩn bị, huy động, sử dụng nguồn nhân lực hợp lý, tương ứng với từng mức độ, nguy cơ rủi ro của thảm họa, sự cố.

- Xác định thẩm quyền của các cấp chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố để chuẩn bị sẵn sàng lực lượng và phương tiện ứng phó với thảm họa cho phù hợp, tránh lãng phí nguồn nhân lực. Đồng thời, đối với mỗi cấp độ thảm họa, sự cố quy định thẩm quyền chỉ đạo, chỉ huy ứng phó với thảm họa, sự cố.

2.3. Các giải pháp đề xuất

Giải pháp 1:Giữ nguyên như hiện nay

Giải pháp 2:Phân công trong quản lý nhà nước đối với thảm họa, sự cố (Luật phân công cho Chính phủ, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp quản lý nhà nước đối với từng thảm họa, sự cố).

Theo đó, trách nhiệm quản lý nhà nước được phân định như sau: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý thống nhất về phòng thủ dân sự; Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm hoạ, sự cố

thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của mình (Bộ Quốc phòng đối với thảm họa chiến tranh; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với thảm họa, sự cố do thiên tai (động đất, sóng thần, siêu bão, nước biển dâng cao, hạn hán kéo dài diện rộng, xâm nhập mặn…), sự cố vỡ đê, hồ đập thủy điện quốc gia và thảm họa, sự cố cháy rừng quốc gia; Bộ Y tế đối với thảm họa do dịch bệnh nguy hiểm; Bộ Thông tin và truyền thông đối với thảm họa, sự cố nguy hiểm về an ninh mạng; Bộ Công thương đối với thảm họa, sự cố về hóa chất...); Uỷ ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm hoạ, sự cố xảy ra trên địa bàn quản lý.

Giải pháp 3:Phân công trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố

Phân công trong quản lý nhà nước như tại Phương án 2, đồng thời Phương án này thực hiện phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương và các Bộ, ngành. Theo đó, một số thảm họa sự cố như thảm họa chiến tranh, siêu bão không phân cấp cho địa phương công bố cấp độ thảm họa, sự cố và ứng phó với thảm họa, sự cố này. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng chiến lược quốc gia về Phòng thủ dân sự trình Chính phủ phê duyệt và xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở chiến lược quốc gia, kế hoạch quốc gia về phòng thủ dân sự đã được phê duyệt, các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng chiến lược quốc gia về thảm họa, sự cố, kế hoạch về thảm họa, sự cố quốc gia và áp dụng các biện pháp trong trạng thái bình thường của Bộ, ngành, địa phương mình. Khi có nguy cơ và xảy ra thảm họa, sự cố, trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố, Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xác định cấp độ thảm họa,sự cố để Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thảm họa, sự cố xảy ra theo thẩm quyền; Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, cơ quan ngang bộ triển khai các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố trong phạm vi quản lý; trường hợp vượt qua khả năng ứng phó của địa phương và vượt quá cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố thì báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp và cơ quan liên quan đế quyết định thực hiện các biện pháp phù hợp.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* Chi phí: Vì chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm, mức độ huy động, sử dụng nhân lực, phương tiện ứng phó với thảm họa, sự cố, nên có thể dẫn đến tình trạng phải chi trả các khoản chi không cần thiết hoặc chi các khoản vượt quá nhu cầu cần thiết khi sử dụng, huy động lực lượng, phương tiện ứng phó.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước:

- Do pháp luật trên một số lĩnh vực chưa có quy định về vấn đề này nên thực tế có những vấn đề mới phát sinh liên quan đến ứng phó với thảm họa, sự cố còn chưa đủ căn cứ pháp lý để xác định cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo, chỉ huy đối với từng cấp độ phòng thủ dân sự, dẫn đến tình trạng không thực hiện hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan; công tác phối hợp giữa các cơ quan chủ trì thực hiện và cơ quan phối hợp thiếu nhịp nhàng.

- Cơ quan có thẩm quyền chưa có đủ cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện để xác định trạng thái phòng thủ dân sự, cấp độ phòng thủ dân sự và việc tăng, giảm cấp độ phòng thủ để sử dụng các biện pháp, nguồn lực cần thiết ứng phó với từng thảm họa, sự cố.

- Hiệu quả công tác ứng phó với thảm họa, sự cố chưa cao do các cơ quan còn lúng túng trong xác định thẩm quyền, chuẩn bị lực lượng, phương tiện phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm rủi ro của thảm họa, sự cố.

* Người dân, doanh nghiệp:

- Không được sống trong môi trường thực sự an toàn do các biện pháp ứng phó với thảm họa, sự cố chưa đạt hiệu quả cao, nhất là trong bối cảnh diễn biến của thảm họa, sự cố ngày càng phức tạp, đa dạng.

- Hoạt động của doanh nghiệp bị ảnh hưởng khi cấp có thẩm quyền huy động nhân lực, vật lực tham gia lực lượng không phù hợp với thảm họa, sự cố; hoặc hoạt động của doanh nghiệp bị ảnh hưởng do phải áp dụng các biện pháp chưa phù hợp với cấp độ của thảm họa, sự cố.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

* Tiêu cực:

- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện về cấp độ, trạng thái phòng thủ dân sự; chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để xác định thẩm quyền, trách nhiệm

của cấp có thẩm quyền quyết định cấp độ rủi ro đối với thảm họa, sự cố và tăng, giảm cấp độ rủi ro phù hợp với nguy cơ và mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố.

- Chưa đảm bảo yêu cầu của Đảng là phải phân cấp, phân quyền, xác định thẩm quyền hợp lý trong các văn bản quy phạm pháp luật.

2.4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế

Chi phí rủi ro của người dân, doanh nghiệp sẽ giảm so với Giải pháp 1 do Giải pháp 2 xác định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành trong ứng phó với các loại hình khác nhau của thảm họa, sự cố; từ đó hiệu quả của việc ứng phó với thảm họa, sự cố sẽ cao hơn.

b) Tác động về xã hội

* Đối với nhà nước:

- Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể để các Bộ, ngành thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó và khắc phục đối với thảm họa, sự cố một cách chủ động trong việc chuẩn bị sẵn sàng lực lượng và phương tiện ứng phó với thảm họa, sự cố thông qua hoạt động như xây dựng các kế hoạch phòng thủ dân sự của các ngành, xác định các biện pháp phù hợp để áp dụng trong từng cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố; sử dụng lực lượng và phương tiện kịp thời, phù hợp với mức độ, nguy cơ rủi ro của thảm họa, sự cố; các chủ thể có thẩm quyền kịp thời phối hợp để phòng ngừa, ngăn chặn thảm họa, sự cố.

- Đảm bảo phân công hợp lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành, đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng về phân công rành mạch, hợp lý, không chồng chéo, trùng lắp nhiệm vụ đối với các thảm họa, sự cố thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản.

- Chưa rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thảm họa, sự cố, đặc biệt là đối với những thảm họa, sự cố cần sự phát hiện và xử lý ngay khi cấp chính quyền cơ sở phát hiện đảm bảo tính kịp thời trong ứng phó và giảm thiểu rủi ro và cũng phù hợp với nguồn lực của cấp chính quyền cơ sở đó.

* Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Sức khỏe, tài sản của người dân, tài sản của doanh nghiệp được bảo đảm hơn so với Giải pháp 1 do xác định rõ thẩm quyền của các Bộ, ngành; từ đó việc ứng phó với thảm họa, sự cố kịp thời, chủ động hơn.

- Người dân được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh vì các cơ quan có thẩm quyền sử dụng lực lượng, phương tiện hiệu quả, phù hợp để phòng ngừa, ứng phó kịp thời các thảm họa, sự cố; tính mạng, sức khỏe của người dân, tài sản của người dân, doanh nghiệp được bảo đảm.

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện ngăn ngừa, ứng phó với từng trạng thái phòng thủ dân sự.

- Với chính sách này được thông qua, cần chuẩn hóa lại quy định cụ thể về trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành ở Trung ương.

2.4.3. Giải pháp 3:

Ngoài các tác động tích cực như phân tích tại Giải pháp 2 thì Giải pháp này góp phần khắc phục tiêu cực của Giải pháp 2 và có thêm các tác động tích cực như sau:

a) Tác động về kinh tế

- Giải pháp này sẽ giảm bớt được chi phí thực hiện so với Giải pháp 2 do xác định thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy hợp lý, kịp thời với từng cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố; góp phần giảm thiểu rủi ro, thiệt hại cho người dân, cơ quan, tổ chức.

- Việc xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể có liên quan tương ứng và phù hợp với mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố góp phần quản lý hiệu quả hơn;

b) Tác động về xã hội

* Đối với nhà nước:

Xác định rõ thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy ứng phó với từng cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố của các cấp chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức; đồng thời, cấp có thẩm quyền tăng hoặc giảm cấp độ rủi ro của thảm họa, sự cố phù hợp với tình hình thực tế của thảm họa, sự cố; tạo sự công khai, minh bạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cấp chính quyền, cơ quan có thẩm quyền, từ đó các cơ quan có thẩm quyền chủ động trong việc huy động lực lượng, trang thiết bị, phương tiện phòng thủ dân sự phù hợp, kịp thời trên địa bàn mình quản lý và thực hiện các biện pháp phù hợp ứng phó với từng cấp độ thảm họa, sự cố. Do xác định rõ ràng về trách nhiệm giữa các cơ quan nên Giải pháp này tạo cơ sở để cơ quan chủ trì phối hợp hiệu quả hơn, nhịp nhàng hơn với các cơ quan, đơn vị phối hợp, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả ứng phó phòng thủ dân sự.

- Việc phân cấp, phân quyền rõ ràng cũng giúp tránh được sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp chính quyền địa phương; tránh đùn đẩy trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thảm họa, sự cố; từ đó góp phần tiết kiệm nguồn lực do nguồn lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả hơn.

- Chính quyền địa phương các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời có các biện pháp chủ động ứng phó với thảm họa, thiên tai khiến cuộc sống của người dân được bảo đảm hơn.

- Những tác động tiêu cực của giải pháp chính sách là không thể tránh khỏi nhất là trong những năm đầu khi giải pháp chưa đi vào nề nếp; bên cạnh đó, có thể có sự lúng túng trong triển khai thực hiện do năng lực của công chức cấp xã còn hạn chế. Tuy nhiên, sau một thời gian thực thi Giải pháp thì tác động tiêu cực này sẽ được khắc phục.

* Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Sức khỏe, tài sản của người dân, tài sản của doanh nghiệp được bảo đảm hơn so với Giải pháp 2.

- Người dân được sống trong môi trường an toàn hơn, lành mạnh hơn vì các cơ quan nhà nước chủ động hơn trong thực hiện nhiệm vụ và áp dụng các nguồn lực phù hợp trong phạm vi quản lý của mình, đồng thời phối hợp nhịp nhàng trong ứng phó với từng cấp độ phòng thủ, không đùn đẩy trách nhiệm; tính mạng, sức khỏe của người dân, tài sản của người dân, doanh nghiệp được bảo đảm hơn so với Giải pháp 2.

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tạo cơ sở pháp lý để các lực lượng thực thi nhiệm vụ áp dụng các giải pháp, huy động lực lượng, phương tiện phù hợp với nguồn lực của mình để ứng phó với từng cấp độ phòng thủ dân sự.

- Phân cấp, phân quyền hợp lý, minh bạch, phù hợp với chủ trương của Đảng.

- Với chính sách này được thông qua, cần chuẩn hóa lại quy định cụ thể về trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành ở Trung ương và các Sở, ban, ngành ở địa phương (sửa đổi các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số Bộ, văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn ở địa phương v.v…).

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn giải pháp ***Giải pháp 3*** xây dựng chính sách theo hướng phân công trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố là phù hợp.

3. Chính sách 3: Quy định các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, các biện pháp nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ người dân bị thiệt hại luôn được chú trọng. Trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành, các bộ, ngành địa phương đã tiến hành nhiều biện pháp để bảo đảm mục đích nêu trên như: chủ động phòng ngừa, chuẩn bị trước các trang bị phòng hộ; kịp thời thông báo, báo động, hướng dẫn, phân tán, sơ tán nhân dân đến khu vực an toàn, ít nguy hiểm; cấp cứu, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn người và phương tiện bị nạn; kịp thời cứu trợ và bảo đảm các điều kiện về ăn, ở, vệ sinh cho người dân ở những vùng, khu vực bị chia cắt do thảm họa gây ra; cảnh báo không cho người, phương tiện không có phận sự vào khu vực xảy ra thảm họa; bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực xảy ra thảm họa, nơi sơ tán nhân dân; tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, ổn định đời sống nhân dân, phục hồi và phát triển sản xuất.

Tuy nhiên, việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người dân và hỗ trợ người dân bị thiệt hại trước thảm họa, sự cố đã phát sinh một số hạn chế như:

- Các thảm họa, sự cố xảy ra ngày càng đa dạng với mức độ, phạm vi ảnh hưởng, tác động khác nhau đặt ra yêu cầu phải có các biện pháp ứng phó phù hợp. Pháp luật hiện hành mới quy định tương đối cụ thể các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong một số loại thảm họa, sự cố như: thiên tai, dịch bệnh. Đối với các thảm họa, sự cố khác, các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ người dân được quy định chung tại Điều 33 và Điều 35 Nghị định số 02/2019/NĐ-CP, không phân biệt mức độ thảm họa, sự cố hay đối tượng yếu thế cần ưu tiên hỗ trợ, bảo vệ. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc cơ quan nhà nước lựa chọn, sử dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ, hỗ trợ người dân trước các loại thảm họa, sự cố khác.

- Khối lượng công việc khắc phục hậu quả quá lớn, đa dạng các lĩnh vực, phạm vi trên diện rộng, khắp các khu vực từ trên biển đến đồng bằng và miền núi, nhu cầu chi cho phòng, chống, giảm nhẹ hậu quả do thảm họa, sự cố ngày một tăng trong khi nguồn lực cho công tác khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố còn thấp. Hiện nay, các khoản ngân sách dành cho giảm nhẹ và khắc phục

hậu quả thiên tai thường được sử dụng theo cơ chế giải quyết hậu quả là chính, chưa có một chiến lược tài chính lâu dài, bền vững góp phần giảm gánh nặng lên ngân sách nhà nước, đồng thời tạo cơ chế để người dân chủ động, lựa chọn giải pháp bảo vệ mình trước thiên tai, thảm họa.

- Bên cạnh nguồn ngân sách để khắc phục hỗ trợ thảm họa, sự cố như đã nói trên, một số Quỹ tài chính cũng đã được thành lập để hỗ trợ cho hoạt động ứng phó, khắc phục một số thảm họa, sự cố như: Quỹ phòng chống thiên tai theo Luật phòng, chống thiên tai; Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; các quỹ xã hội, quỹ nhân đạo như Quỹ cứu trợ khẩn cấp của Hội chữ thập đỏ v.v... Tuy nhiên, về cơ bản các quỹ này chỉ được sử dụng để hỗ trợ hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả do một số thảm họa, sự cố cụ thể như: thiên tai, sự cố môi trường. Trong khi đó, các thảm họa, sự cố có khả năng xảy ra hiện nay rất đa dạng, phức tạp như: dịch bệnh, thảm họa tàu hỏa, tàu điện ngầm, vỡ đê hồ, đập thủy điện quốc gia, rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân, cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu… đòi hỏi cần có nguồn lực sẵn sàng để ứng phó hiệu quả và nhanh chóng khắc phục hậu quả do các thảm họa, sự cố.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm hiệu quả hoạt động bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại, góp phần giảm nhẹ tác động của thảm họa, sự cố; giúp người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống sau thảm họa, sự cố, qua đó khôi phục các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: giữ nguyên các quy định hiện hành

Giải pháp 2: bổ sung các quy định phát triển bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố như một loại hình riêng biệt, trong đó, Nhà nước có chính sách hỗ trợ để phát triển loại bảo hiểm này như hỗ trợ đóng phí bảo hiểm đối với một số đối tượng có điều kiện hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn thường xuyên xảy ra thảm họa, sự cố.

Giải pháp 3: Thành lập Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố (trên cơ sở hợp nhất các quỹ phòng chống thiên tai, dịch bệnh thành một quỹ duy nhất để không gia tăng "gánh nặng", không phát sinh nghĩa vụ đóng góp tài chính của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân). Quỹ là quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác để phòng, chống và ứng phó với thảm họa, sự cố, hoạt động theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quỹ hoạt động không vì

mục đích lợi nhuận, sử dụng vốn đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

Giải pháp 4: Bổ sung các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân, tổ chức tương ứng với các mức độ thảm họa, sự cố, trong đó có các biện pháp đặc biệt được sử dụng khi thảm họa, sự cố ở mức độ nguy cơ cao và trong tình trạng khẩn cấp; bổ sung quy định về bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố và Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

3.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

Việc thực hiện giải pháp này sẽ không phát sinh chi phí mới, tuy nhiên, các hạn chế về nguồn lực để khắc phục hậu quả do thảm họa, sự cố vẫn tồn tại, kinh tế, sản xuất sẽ khó phục hồi nhanh sau thảm họa.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước: Các cơ quan nhà nước sẽ gặp phải khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn lực để bảo đảm khắc phục hậu quả do thảm họa, sự cố.

* Người dân: Người dân phụ thuộc vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khó đáp ứng được các thiệt hại thực tế do thảm họa, sự cố gây ra.

* Doanh nghiệp: Các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tương tự người dân, không có cơ chế để có nguồn lực hỗ trợ thiệt hại kịp thời, hoạt động kinh doanh, sản xuất chậm phục hồi.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

Giải pháp này không tác động đến hệ thống pháp luật.

3.4.2. Giải pháp 2: Bổ sung quy định về bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố như một loại hình bảo hiểm riêng biệt

a) Tác động về kinh tế

* Tiêu cực: dự kiến ngân sách sẽ hỗ trợ một phần chi phí bảo hiểm rủi ro để tạo điều kiện khuyến khích người dân mua bảo hiểm, qua đó, phát triển thị trường bảo hiểm.

* Tích cực: Hiện nay, thị trường bảo hiểm đã và đang bảo vệ cho hầu hết tất cả các loại hình tài sản bao gồm công trình xây dựng, tài sản của mọi thành

phần kinh tế từ Nhà nước, tư nhân đến đầu tư nước ngoài; mọi ngành kinh tế từ công nghiệp, nông nghiệp đến các ngành dịch vụ; với đa dạng loại hình bảo hiểm từ bảo hiểm tài sản thiệt hại, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm hàng hải cho đến bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính, gián đoạn kinh doanh, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm thủy sản... Bảo hiểm đã ngày càng thể hiện vai trò là một công cụ, giải pháp tài chính hữu hiệu giúp cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất kinh doanh mà không cần sử dụng đến các giải pháp tín dụng và dự phòng tài chính khác. Cụ thể: Theo thống kê của các doanh nghiệp bảo hiểm, khoảng 80% các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình kinh tế lớn của Nhà nước đã được các doanh nghiệp bảo hiểm bảo vệ về mặt tài chính trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm mà không cần phải sử dụng đến nguồn kinh phí hỗ trợ thiệt hại từ ngân sách nhà nước, góp phần thực hiện chính sách tài khóa. Trong giai đoạn 2000 - 2018, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thực hiện bồi thường và chi trả quyền lợi bảo hiểm lên đến 246.586 tỷ đồng.

Chương trình bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2011-2013) đã được thực hiện tại 20 tỉnh, thành phố (65 huyện, 748 xã). Sau 03 năm triển khai thí điểm, tổng số hộ nông dân tham gia bảo hiểm là 304.017 (bao gồm cả hộ thường, hộ nghèo, hộ cận nghèo); tổng giá trị bảo hiểm của cả chương trình thí điểm là 7.747,9 tỷ đồng; tổng số phí bảo hiểm thu được là 394 tỷ đồng; các doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường bảo hiểm với tổng số tiền 712,9 tỷ đồng. Chương trình thí điểm đã hoàn chỉnh cơ chế chính sách về thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp; đã hình thành 3 sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp bao gồm cây lúa, vật nuôi và thủy sản; thu hút được các hộ dân tham gia; có sự phối kết hợp chặt chẽ và sự ủng hộ của các địa phương, sự nỗ lực của các doanh nghiệp bảo hiểm, góp phần thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành TW khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Việc triển khai chương trình bảo hiểm thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ góp phần khuyến khích khai thác hải sản xa bờ nhằm hỗ trợ ngư dân bám biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc sau hơn 3 năm triển khai tại 28 tỉnh, thành phố ven biển. Tính đến hết năm 2018, tổng giá trị bảo hiểm là 9.121 tỷ đồng; tổng số tàu tham gia bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ là 2.381 tàu cá; tổng số lượng thuyền viên được bảo hiểm là 38.744 thuyền viên; tổng số phí bảo hiểm là 70,357 tỷ đồng. Các DNBH đã bồi thường bảo hiểm với số tiền ước đạt 589 tỷ đồng, hiện đang tiếp tục giám định, xem xét, giải quyết bồi thường bảo hiểm với số tiền khoảng 172 tỷ đồng[5].

[5] Tờ trình Chính phủ số 199/TTr-BTC ngày 23/12/2019 đề nghị xây dựng Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)

Việc phát triển thêm các loại hình bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố sẽ góp phần giảm nhẹ gánh nặng lên ngân sách nhà nước trong hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, chuyển từ cơ chế tài chính thụ động sang cơ chế chủ động. Theo UNDP, nghiên cứu về tài chính rủi ro thiên tai đa chiều cho thấy, các chương trình bảo hiểm khác nhau có thể có khả năng giúp giảm thiểu tổn thất kinh tế do thiên tai tới 25% ở các nước nghèo nhất thông qua một loạt các công cụ tài chính rủi ro thiên tai, bao gồm bảo hiểm tham số, bảo trợ xã hội dựa trên bảo hiểm và các sản phẩm bảo hiểm thông qua bồi thường. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ bảo hiểm do thảm họa, sự cố có thể được thực hiện phù hợp với khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, thông qua việc hỗ trợ phí bảo hiểm cho một số cá nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (ví dụ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo) và trong phạm vi địa bàn nhất định (khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thảm họa, sự cố).

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước: Nhà nước có thêm các nguồn lực tài chính để khắc phục nhanh chóng hậu quả do thảm họa sự cố.

* Người dân, tổ chức: Người dân sẽ thấy yên tâm hơn khi nguồn lực trong hoạt động khắc phục thảm họa, sự cố được chủ động để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng và tài sản của nhân dân, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người dân, doanh nghiệp, góp phần khôi phục nhanh cuộc sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh ngay sau thảm họa, sự cố. Đặc biệt, với chính sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí, các cá nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn sẽ có cơ hội tiếp cận, sử dụng bảo hiểm và được bồi thường, hỗ trợ khi gặp phải rủi ro do thảm họa, sự cố gây ra. Chính sách này sẽ góp phần bảo đảm an sinh xã hội được được kịp thời, bền vững hơn.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Luật chỉ quy định chính sách chung; các thủ tục hành chính sẽ được quy định và đánh giá tác động cụ thể tại văn bản quy định chi tiết nội dung này.

d) Tác động về giới

Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

Tích cực: việc quy định về bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc mở rộng nguồn lực để khắc phục hậu quả do thảm họa, sự cố, tạo thêm giải pháp để người dân lựa chọn để chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với các rủi ro có thể xảy ra.

3.4.3. Giải pháp 3: thành lập Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

a) Tác động về kinh tế

* Tiêu cực: để bảo đảm duy trì hoạt động của Quỹ cần huy động, đóng góp từ các cá nhân, tổ chức trong xã hội.

* Tích cực: bên cạnh các tác động tích cực như giải pháp 2, việc bổ sung Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố sẽ giảm phát sinh một số chi phí từ ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động về ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố. Do Quỹ là quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước với nguồn thu là từ sự đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác nên không có sự tác động lên ngân sách nhà nước, bảo đảm tính khả thi khi thành lập Quỹ. Việc thành lập Quỹ sẽ tạo thêm cơ chế để huy động và quản lý, sử dụng, phân phối chuyên nghiệp, có hiệu quả nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phòng chống, ứng phó với thảm họa, sự cố.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp này có tác động tích cực với xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố. Ngoài các tác động tương tự như đối với giải pháp 2, việc bổ sung thêm Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố vừa tạo thêm nguồn lực để hỗ trợ cá nhân, tổ chức tốt hơn trong thảm họa sự cố, góp phần xây dựng nền tảng xã hội có khả năng thích ứng nhanh trước thiên tai, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, gia đình yên tâm sản xuất, kinh doanh. Quá trình sử dụng Quỹ linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, trong đó có thể tập trung cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, chịu tác động nghiêm trọng mà ngân sách nhà nước chưa đủ khả năng đáp ứng, góp phần giảm áp lực chi lên ngân sách nhà nước.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Tương tự như giải pháp 2.

d) Tác động về giới

Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

Tích cực: tạo cơ sở pháp lý cho việc mở rộng nguồn lực để khắc phục hậu quả do thảm họa, sự cố.

3.4.4. Giải pháp 4: Bổ sung các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân, tổ chức tương ứng với các mức độ thảm họa, sự cố; bổ

sung quy định về bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố và Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

a) Tác động về kinh tế

* Tiêu cực: ngoài các tác động như tại giải pháp 2 và giải pháp 3, việc sử dụng một số biện pháp tài chính, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân có thể tác động lên ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền có thể căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước để quyết định các chính sách hỗ trợ cho phù hợp.

* Tích cực: ngoài các tác động như tại giải pháp 2 và giải pháp 3, các biện pháp đặc biệt để ứng phó với thảm họa, sự cố, nhất là trong tình trạng mức độ nguy cơ cao và tình trạng khẩn cấp (biện pháp tài chính, biện pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính, biện pháp về thuế, biện pháp về đầu tư, kinh doanh…) sẽ góp phần bảo đảm an toàn cho tính mạng, sức khỏe và tài sản của người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, các biện pháp này sẽ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng khắc phục các khó khăn trong thảm họa, sự cố; từ đó góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh thông suất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước: ngoài các tác động như tại giải pháp 2 và giải pháp 3, căn cứ vào các quy định về các biện pháp để bảo vệ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền có thể xây dựng các kịch bản ứng phó và sử dụng các biện pháp ứng phó phù hợp với từng mức độ thiên tai, thảm họa. Các quy định này sẽ góp phần nâng cao năng lực ứng phó với các loại thảm họa, sự cố, góp phần bảo đảm mục tiêu bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe cho người dân, doanh nghiệp.

* Cá nhân, tổ chức: ngoài các tác động như tại giải pháp 2 và giải pháp 3, với giải pháp này, người dân và doanh nghiệp sẽ được bảo vệ, hỗ trợ phù hợp với từng mức độ thảm họa, sự cố. Các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ được quy định tổng thể, toàn diện, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực từ an sinh xã hội đến khôi phục, phát triển hoạt động kinh doanh, sản xuất. Đồng thời, các đối tượng yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật cũng sẽ được tập trung bảo vệ, hỗ trợ để vượt qua các tác động, ảnh hưởng từ thảm họa, sự cố, bảo đảm sự công bằng trong việc ứng phó với thảm họa, sự cố.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Tương tự như giải pháp 2.

d) Tác động về giới

Chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

Giải pháp này sẽ tạo cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước ứng phó hiệu quả với thảm họa, sự cố.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn ***Giải pháp 4*** là hợp lý.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

4. Chính sách 4: Đổi mới tổ chức của Ban chỉ đạophòng thủ dân sự quốc gia

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, trong lĩnh vực phòng thủ dân sự, phòng; chống thảm họa, sự cố tồn tại nhiều tổ chức chỉ đạo, chỉ huy như Ban chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự, Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; Ủy ban An toàn giao thông quốc gia; Ban Chỉ đạo về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng; Ban Chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích.

Các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy nêu trên có nhiều sự trùng lặp về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, thành viên. Cụ thể: về vị trí, chức năng, các tổ chức này đều là các tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (ở trung ương) và cơ quan hành chính (Bộ, ngành, địa phương) trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa. Về chức năng, nhiệm vụ, các tổ chức này đều thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả của các sự cố, thiên tai, thảm họa, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. Về thành phần: đối với các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy cấp quốc gia thì lãnh đạo các tổ chức phối hợp liên ngành này đều là Lãnh đạo Chính phủ (Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng); thành viên đều là Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ có liên quan trong đó Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế là nòng cốt.

Do có sự trùng lặp, chồng chéo về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nên trên thực tế, khi có sự cố, thảm họa, thiên tai xảy ra, các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy nêu trên đều vào cuộc và tổ chức việc chỉ đạo, chỉ huy, điều phối, giải quyết và khắc phục sự cố, thảm họa, thiên tai, gây chồng chéo, lúng túng cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, việc tồn tại đồng thời nhiều tổ chức chỉ đạo, chỉ huy về phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, sự cố, thảm họa gây tốn kém, lãng phí về nguồn lực tổ chức thực hiện.

Ngoài ra, hệ thống tổ chức chỉ đạo, chỉ huy về phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai, sự cố, thảm họa có sự không thống nhất giữa các cấp độ (cấp quốc gia và cấp bộ, ngành, địa phương). Ở cấp quốc gia thì tồn tại độc lập các tổ chức phối hợp liên ngành trong các lĩnh vực (như đã nêu trên). Trong khi đó, ở cấp bộ, ngành, địa phương, thực hiện quy định của Nghị định số 02/2019/NĐ-CP tổ chức Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Ban An toàn giao thông được tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện. Ban chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích được thành lập ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng , phòng cháy chữa cháy rừng được thành lập tại cấp tỉnh, cấp huyện của một số địa phương (Bình Định). Một số địa phương thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích (Hà Nội).

Như vậy, mặc dù ở cấp trung ương (quốc gia) tồn tại độc lập nhiều cơ quan, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy như Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn… nhưng ở cấp Bộ, ngành trung ương và địa phương đã tổ chức hợp nhất một số tổ chức chỉ đạo, chỉ huy như là Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự cấp trên; các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy khác trong các lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống tai nạn thương tích được thành lập không thống nhất ở các địa phương.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp trong tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức phối hợp liên ngành trong lĩnh vực phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa;

- Nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy trong hoạt động phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa các cấp.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1:

Giữ nguyên như hiện hành. Theo đó, tại cấp quốc gia tồn tại độc lập nhiều tổ chức phối hợp liên ngành khác nhau trong lĩnh vực phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa, bao gồm: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn; Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai; Ban Chỉ đạo An toàn giao thông quốc gia; Ban Chỉ đạo về các vấn đề cấp bách bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng; Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống tai nạn, thương tích. Tại cấp bộ, ngành, địa

phương, tồn tại một số tổ chức phối hợp liên ngành gồm: Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Ban An toàn giao thông cấp tỉnh, cấp huyện; Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng cấp tỉnh, cấp huyện; Ban chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích cấp tỉnh.

Giải pháp 2:

Ở cấp quốc gia, hợp nhất 03 tổ chức phối hợp liên ngành gồm: Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban Quốc gia về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Ban Chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai thành một tổ chức duy nhất có tên gọi Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia.

Ở cấp bộ, ngành và địa phương: hợp nhất Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thành Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; duy trì Ban An toàn giao thông cấp tỉnh, cấp huyện; Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng cấp tỉnh, cấp huyện; Ban chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích cấp tỉnh.

Giải pháp 3:

Ở cấp quốc gia: Hợp nhất 06 tổ chức phối hợp liên ngành gồm: Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai (Luật Phòng, chống thiên tai); Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP); Ủy ban An toàn giao thông quốc gia (quy định tại Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg); Ban Chỉ đạo về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng; Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống tai nạn, thương tích (Quyết định số 195/2001/QĐ-TTg ngày 26/12/2001) thành một tổ chức chỉ đạo, chỉ huy có tên gọi Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia.

Ở cấp bộ, ngành trung ương: hợp nhất Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương thành Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương.

Ở cấp địa phương: Hợp nhất các tổ chức phối hợp liên ngành tương ứng gồm Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Ban An toàn giao thông Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng; Ban chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích thành 01 tổ chức Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Giải pháp 1

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Giữ ổn định về tổ chức bộ máy.

* Chi phí: Tốn kém chi phí cho việc duy trì bộ máy giúp việc của các ban chỉ đạo; chi phí tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo, nhất là những nội dung có sự trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước:

- Hoạt động chỉ đạo, chỉ huy đối với hoạt động phòng thủ dân sự có sự chồng chéo, không thống nhất.

- Khó phân định nhiệm vụ giữa các ban chỉ đạo trong xử lý tình huống sự cố, thiên tai, thảm họa cụ thể.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

* Tiêu cực: Hệ thống pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu tiên quyết là phải thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, trong đó có chủ trương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW "Rà soát, sắp xếp theo hướng giảm các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách".

4.4.2. Giải pháp 2

a) Tác động kinh tế

* Tích cực: Tiết kiệm một phần chi phí tổ chức và hoạt động của các Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc sau khi thực hiện hợp nhất.

* Tiêu cực: Dôi dư cán bộ, biên chế sau khi sắp xếp các đơn vị, bộ phận giúp việc; tâm lý đối với một bộ phận cán bộ, công chức

b) Tác động xã hội

*Tích cực:Thống nhất hệ thống tổ chức chỉ đạo, chỉ huy về phòng thủ dân sự từ trung ương xuống địa phương;

*Tiêu cực: Vẫn tồn tại đồng thời nhiều tổ chức phối hợp liên ngành có liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa (phòng thủ dân sự)

như Ủy ban an toàn giao thông quốc gia, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thương tích…

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

*Tích cực: Thể chế hóa một bước chủ trương, đường lối của Đảng, trong đó có chủ trương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW Rà soát, sắp xếp theo hướng giảm các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

* Tiêu cực: Bãi bỏ một số quy định của Luật phòng, chống thiên tai.

4.4.3. Giải pháp 3

a) Tác động kinh tế

* Tích cực: Tiết kiệm chi phí tổ chức và hoạt động của các Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc sau khi thực hiện hợp nhất.

* Tiêu cực: Dôi dư cán bộ, biên chế sau khi sắp xếp các đơn vị, bộ phận giúp việc; tâm lý đối với một bộ phận cán bộ, công chức

b) Tác động xã hội

- Phạm vi chỉ đạo, chỉ huy quá rộng, khó bảo đảm hiệu quả, nhất là đối với các vấn đề về an toàn giao thông, tai nạn thương tích.

- Khó dành được sự đồng thuận của các cơ quan quản lý nhà nước trong ngành, lĩnh vực.

- Khó khăn cho công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ và phân định nhiệm vụ giữa các thành viên Ban Chỉ đạo.

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

*Tích cực: Thể chế hóa một bước chủ trương, đường lối của Đảng, trong đó có chủ trương tại Nghị quyết số 18-NQ/TW rà soát, sắp xếp theo hướng giảm các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

* Tiêu cực: Bãi bỏ một số quy định của Luật phòng, chống thiên tai.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên việc lựa chọn ***Giải pháp 2*** là hợp lý: Ở cấp quốc gia, hợp nhất 03 tổ chức phối hợp liên ngành gồm: Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban Quốc gia về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Ban Chỉ đạo trung ương về phòng chống thiên tai thành một tổ chức duy nhất có tên gọi Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia.

Ở cấp bộ, ngành và địa phương: hợp nhất Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thành Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; duy trì Ban An toàn giao thông cấp tỉnh, cấp huyện; Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng cấp tỉnh, cấp huyện; Ban chỉ đạo phòng, chống tai nạn, thương tích cấp tỉnh.

5. Chính sách 5: Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Thực tiễn công tác phòng thủ dân sự thời gian qua cho thấy một số vấn đề bất cập như: nhiều tin báo của người dân về nguy cơ xảy ra sự cố, thảm hoạ là không chính xác, có tình trạng tin giả; việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các lực lượng chưa kịp thời; cảnh báo thảm họa, sự cố có độ chính xác chưa cao. Việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào hoạt động phòng thủ dân sự, nhất là vào việc dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố còn hạn chế; các mô hình dự báo của nước ngoài chưa được tối ưu hóa phù hợp với Việt Nam, nhiều lĩnh vực phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả các dạng thảm họa, sự cố chưa được nghiên cứu hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, khả năng ứng dụng chưa cao.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tăng cường các biện pháp và bảo đảm tính chủ động trong phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin nhằm bảo đảm tính kịp thời, hiệu quả trong phòng thủ dân sự.

- Đáp ứng nhu cầu cảnh báo sớm các thảm họa, sự cố; hỗ trợ, thay thế con người tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố.

- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để tăng năng lực tính toán, lưu trữ, theo dõi sự cố, kiểm soát hoạt động; tăng cường bảo mật an toàn an ninh thông tin dữ liệu; khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu; liên thông dữ liệu đến các cơ sở dữ liệu quốc gia khác bảo đảm yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử và chuyển đổi số.

- Giúp xây dựng hệ thống tương tác, trao đổi thông tin với người dùng qua việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trên thế giới như công nghệ vũ trụ, công nghệ thông tin (công nghệ xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh, công nghệ trên nền tảng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, thực tế ảo, tương tác ảo v.v...); xây dựng tài nguyên số thông tin trong công tác dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai.

5.3. Các giải pháp đề xuất

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng.

Giải pháp 2: Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh.

Giải pháp 3: Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố trong các lĩnh vực.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

5.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện Giải pháp.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước:

- Chưa có đầy đủ biện pháp để nâng cao mức độ chính xác của cảnh báo thảm họa, sự cố nên việc tổ chức các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả do thảm họa, sự cố gây ra đôi lúc chưa sát với thực tiễn nên hiệu quả chưa cao.

- Con người vẫn là chủ thể trực tiếp phải tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố nên phải đối mặt với những nguy hiểm do thảm họa, sự cố gây ra.

* Người dân:

- Khó chủ động trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thảm họa, sự cố.

- Việc xác định không chính xác mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố có thể gây thiệt hại về người và tài sản của người dân.

* Doanh nghiệp:

Giảm sức thu hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam do những lo ngại về thảm họa, sự cố.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

* Tiêu cực: Không khắc phục được những vướng mắc, bất cập hiện hành liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng thủ dân sự.

5.4.2. Giải pháp 2: Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh.

a) Tác động về kinh tế

* Tiêu cực:Phát sinh chi phí cho Nhà nước:Chi phí đầu tư hạ tầng, công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của cán bộ, công chức... Tuy nhiên, trong tương lai, khi đẩy mạnh xã hội hóa công tác này với sự tham gia của các doanh nghiệp với những sáng chế, ứng dụng kỹ thuật trong phòng chống thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh thì chi phí phát sinh cho ngân sách nhà nước sẽ giảm.

* Tích cực:Chi phí xã hội sẽ giảm tăng chi cho ngân sách nhà nước nhờ các tác động xã hội như phân tích dưới đây.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước:

Việc áp dụng khoa học công nghệ nói chung, trong đó đặc biệt là công nghệ trí tuệ nhân tạo, vào công tác phòng, chống thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh trong tình hình hiện nay là hết sức cần thiết bởi những lợi ích to lớn không thể phủ nhận của các công nghệ này. Nhiều quốc gia trên thế thế giới đã ứng dụng các công nghệ tiên tiến như công nghệ 5G, phân tích dữ liệu lớn, internet vạn vật và đặc biệt là trí tuệ nhân tạo vào việc cảnh báo, giảm thiểu tác hại từ thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh. Hiện nay việc sử dụng các phần mềm có công nghệ trí tuệ nhân tạo để phân tích dữ liệu, phát hiện sớm, cảnh báo thiên tai; cảnh báo, khoanh vùng, dập dịch; phát hiện người vượt biên trái phép trốn dịch … đã trở nên ngày càng phổ biến. Việc ứng dụng khoa học công nghệ nói chung, đặc biệt công nghệ trí tuệ nhân tạo nói riêng sẽ giúp phát hiện, giảm thiểu và hạn chế đến mức tối đa những thiệt hại do thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh gây ra, cụ thể:

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong đó chú trọng ứng dụng trí tuệ nhân tạo giúp phát hiện sớm thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh:

+ Tác động sâu rộng của nhiều thảm họa thiên nhiên đòi hỏi phải phân tích nhanh chóng số lượng lớn hình ảnh, vốn thường được thực hiện thủ công bởi

con người. Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo có nhiều hứa hẹn trong việc giúp ngăn chặn, giảm thiểu và quản lý thảm họa bằng cách phân tích các luồng dữ liệu. Hệ thống AI, với đủ dữ liệu để nghiên cứu, có thể giúp theo dõi tác động mà biến đổi khí hậu sẽ gây ra, đồng thời dự đoán những thảm họa do thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra.

+ Để có được dự báo chính xác về thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh thì việc xử lý số liệu là khâu hết sức quan trọng, vừa phải đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời, thống nhất, vừa phải bảo đảm tính chính xác. Một số ưu điểm nổi bật của trí tuệ nhân tạo là: có thể xử lý nhiều thao tác dữ liệu từ các nguồn khác nhau một cách tự động; tận dụng dữ liệu không gian địa lý được cảm biến từ xa từ vệ tinh để phát hiện và giảm thiểu các thảm họa tiềm ẩn; có khả năng phân tích nhanh chóng một lượng lớn hình ảnh vệ tinh trong một khoảng thời gian ngắn… Từ đó, đưa ra những phân tích, nhận định về các mối đe dọa với tốc độ nhanh hơn và độ chính xác cao hơn.

- Ứng dụng khoa học công nghệ nói chung và trí tuệ nhân tạo nói riêng giúp thay thế con người trong ứng phó, khắc phục những thiệt hại do thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh gây ra:

+ Khi xảy ra thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh, con người phải đối mặt với những nguy hiểm khi ứng phó, khắc phục những thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra. Để khắc phục tình trạng này, hiện nay, một số nước có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến (như: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc…) đã nghiên cứu, sử dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo để thay thế con người trong các hoạt động ứng phó, khắc phục thiệt hại do thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh gây ra, chẳng hạn: sử dụng các rô-bốt có khả năng hoạt động thay thế con người trong môi trường nguy hiểm, độc hại, như: ô nhiễm hóa chất, rò rỉ phóng xạ, xử lý sự cố trong lòng đất, dưới đáy đại dương; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ na-nô để chế tạo trang, thiết bị phòng hộ cá nhân đa dụng, các phương tiện xử lý ô nhiễm, lọc sạch nguồn nước quy mô công nghiệp…

+ Trí tuệ nhân tạo có thể cải thiện khả năng ứng phó với thảm họa do thiên tai, dịch bệnh, từ việc giảm thời gian đánh giá thiệt hại cho đến việc theo dõi phương tiện truyền thông xã hội cho đến việc cung cấp viện trợ nhanh chóng và hiệu quả hơn.

+ Ứng dụng trí tuệ nhân tạo có nhiều ưu điểm vượt trội, chẳng hạn: sử dụng robot, cảm biến hoặc máy bay không người lái có thể giúp những người ứng cứu ban đầu và nhân viên cứu hộ nhanh chóng tiếp cận tình hình cũng như mức độ thiệt hại gây ra để đưa ra kế hoạch hành động phù hợp cứu nạn nhân bị mắc kẹt. Sử dụng trí tuệ nhân tạo cũng làm cho các nỗ lực cứu hộ ít tốn thời gian

hơn, an toàn và được điều phối hợp lý.

Ví dụ: khi xác định được một cơn lốc xoáy hoặc bão đang tiến tới, dữ liệu về không gian địa lý, thời tiết và thảm họa trước đó có thể được sử dụng để dự đoán số lượng người sẽ phải di dời khỏi nhà của họ và nơi họ có thể sẽ di chuyển. Qua đó có thể giúp nhân viên cấp cứu xác định cần bao nhiêu viện trợ (nước, thực phẩm, chăm sóc y tế) và gửi nó ở đâu. Các thuật toán AI có thể đánh giá ngay lập tức lũ lụt, tòa nhà và thiệt hại đường xá dựa trên hình ảnh vệ tinh và dự báo thời tiết, cho phép lực lượng cứu hộ phân phối viện trợ khẩn cấp hiệu quả hơn và xác định những người vẫn đang gặp nguy hiểm và bị cô lập khỏi các lối thoát hiểm.

+ Một trong những thách thức lớn nhất mà chúng ta phải đối mặt sau thảm họa là huy động các nguồn lực cứu trợ cho những người cần chúng nhất. Hiện tại, chúng ta dựa vào con người để quyết định thời điểm và địa điểm phân phối các nguồn cung cấp cứu trợ nên có thể mất nhiều thời gian hơn để xác định ai cần sự giúp đỡ nhất. Trí tuệ nhân tạo loại bỏ phỏng đoán và thành kiến của con người, thay vào đó, xác định thời điểm và địa điểm phân phối hàng cứu trợ chỉ dựa trên việc phân tích dữ liệu và thậm chí đánh giá thiệt hại thông qua việc sử dụng chụp ảnh vệ tinh.

Tuy nhiên, việc thực hiện Giải pháp này có thể sẽ làm những người vận hành máy móc, thiết bị hiện đại bị áp lực về việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn.

* Người dân:

Thực hiện Giải pháp này còn giúp người dân bị ảnh hưởng bởi thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh nhận được sự cứu hộ kịp thời để thoát khỏi nguy hiểm do thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh gây ra; đồng thời, việc hỗ trợ để khắc phục thiệt hại cũng được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm những người bị ảnh hưởng nhất sẽ nhận được sự giúp đỡ kịp thời.

* Doanh nghiệp:

Tạo môi trường an toàn, lành mạnh thu hút các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách này không trực tiếp làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Chính sách này không có tác động về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

* Tích cực:

- Góp phần khắc phục những vướng mắc, bất cập liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng thủ dân sự.

- Phù hợp với các chủ trương của Đảng và Nhà nước, quy định của hệ thống pháp luật hiện hành về ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

* Tiêu cực:

- Phải rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhưng chưa quy định về việc ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh.

5.4.3. Giải pháp 3: Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố trong các lĩnh vực.

a) Tác động về kinh tế

*Tiêu cực:Như Giải pháp 2.

* Tích cực:Chi phí xã hội sẽ giảm tăng chi cho ngân sách nhà nước nhờ các tác động xã hội như phân tích dưới đây.

b) Tác động về xã hội

* Nhà nước:

Như Giải pháp 2, đồng thời, việc ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố trong tất cả các lĩnh vực sẽ giúp phát hiện, giảm thiểu và hạn chế đến mức tối đa những thiệt hại do thảm họa, sự cố ở tất cả các lĩnh vực gây ra mà không chỉ giới hạn trong phạm vi thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh.

* Người dân:

Như Giải pháp 2, đồng thời, phạm vi người dân nhận được sự hỗ trợ kịp thời được mở rộng hơn theo hướng người dân bị ảnh hưởng bởi thảm họa, sự cố ở các lĩnh vực khác nhau đều nhận được sự hỗ trợ mà không chỉ giới hạn ở phạm vi thảm họa, sự cố do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

* Doanh nghiệp:

Như Giải pháp 2.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách này không trực tiếp làm phát sinh thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Chính sách này không có tác động về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

* Tích cực:

- Khắc phục triệt để những vướng mắc, bất cập liên quan đến ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong phòng thủ dân sự.

- Phù hợp với các chủ trương của Đảng và Nhà nước, quy định của hệ thống pháp luật hiện hành về ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

* Tiêu cực:

- Phải rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhưng chưa quy định về việc ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn ***Giải pháp 3*** là hợp lý.

6. Chính sách 6: Quy định về tình trạng khẩn cấp tại Luật Phòng thủ dân sự

6.1. Vấn đề bất cập

Trong hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay, Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000 và các nghị định quy định chi tiết là các văn bản quy định chung về tình trạng khẩn cấp. Nhiều luật khác quy định theo hướng dẫn chiếu: trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp thì thực hiện "theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp" (như Điều 20 Luật An ninh quốc gia, Điều 26 Luật Thú y, Điều 39 Luật Lâm nghiệp, Điều 86 Luật Năng lượng nguyên tử, Điều 109 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 53 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo...). Bên cạnh đó, có một số luật chuyên ngành quy định cụ thể tình trạng khẩn cấp trong lĩnh vực tương ứng (như Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Quốc phòng). Điều này dẫn đến hệ thống pháp luật về tình trạng khẩn cấp thiếu đồng bộ, thống nhất; còn tồn tại những "khoảng trống", mâu thuẫn, chồng chéo, gây khó khăn cho việc hiểu và áp dụng trên thực tế. Cụ thể là:

- Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp sau hơn 20 năm triển khai thi hành đã không còn phù hợp với thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế - xã hội của đất

nước đã có nhiều thay đổi, hệ thống pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung khá nhiều. Một số quy định của Pháp lệnh về các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp có thể dẫn đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân (như quyền tự do đi lại, quyền hội họp, quyền tự do kinh doanh…). Điều này là chưa bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về nguyên tắc *"quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của **luật** trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"* (khoản 2 Điều 14) và Quốc hội *"quy định về tình trạng khẩn cấp"* (khoản 13 Điều 70).

- Pháp lệnh về tình trạng khẩn cấp chỉ quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp và một số biện pháp đặc biệt áp dụng trong tình trạng khẩn cấp như hạn chế quyền tự do đi lại, giới nghiêm, các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân; các biện pháp khoanh vùng để hạn chế, khắc phục hậu quả của sự cố, thảm họa… Tuy nhiên, Pháp lệnh chưa quy định các biện pháp liên quan đến tổ chức, điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội, y tế, văn hóa, giáo dục, các hoạt động tố tụng tư pháp… trong tình trạng khẩn cấp. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực chủ yếu điều chỉnh các quan hệ xã hội trong tình trạng bình thường, không điều chỉnh quan hệ xã hội trong tình trạng khẩn cấp hoặc chỉ quy định theo hướng viện dẫn đến pháp luật về tình trạng khẩn cấp. Do vậy, khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, các cơ quan nhà nước, tổ chức,cá nhân thiếu cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện các hoạt động chính trị - kinh tế - xã hội trong bối cảnh tình trạng khẩn cấp nhằm nhằm ứng phó kịp thời với tình hình. Đặc biệt, khi chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp ("tiền khẩn cấp"), pháp luật hiện hành hầu như không có quy định về vấn đề này (chỉ có quy định một phần tại Điều 21 Luật An ninh quốc gia) - đây là một "khoảng trống pháp lý" cần khắc phục.

- Các quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm không bảo đảm đầy đủ, cụ thể, do đó, nếu tình trạng khẩn cấp xảy ra thì cũng có thể gây khó khăn, lúng túng cho việc thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều luật khác như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Xử lý vi phạm hành chính v.v… cũng có các quy định liên quan đến thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện các hoạt động trong tình trạng khẩn cấp (như xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, xét xử, thi hành án v.v…), tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy các quy định này có những vướng mắc, bất cập nhất định.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoàn thiện thể chế về tình trạng khẩn cấp về thiên tai, dịch bệnh và các sự cố, thảm họa khác có thể dẫn đến tình trạng khẩn cấp (không bao gồm tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh).

- Bảođảm tính thống nhất trong quy định của pháp luật về các cấp độ, trạng thái và biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa tương ứng với mức độ rủi ro (mà mức độ rủi ro cao nhất là tình trạng khẩn cấp);

- Khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự nói chung và tình trạng khẩn cấp nói riêng.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay (quy định chung về tình trạng khẩn cấp tại Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp; pháp luật chuyên ngành hoặc có quy định riêng về tình trạng khẩn cấp trong một số lĩnh vực hoặc dẫn chiếu đến quy định của Pháp lệnh).

Giải pháp 2: Ban hành luật riêng quy định về tình trạng khẩn cấp.

Giải pháp 3: Quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật về phòng thủ dân sự (không bao gồm tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh).

6.4. Đánh giá tác động các giải pháp

6.4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay (quy định chung về tình trạng khẩn cấp tại Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp; pháp luật chuyên ngành hoặc có quy định riêng về tình trạng khẩn cấp trong một số lĩnh vực hoặc dẫn chiếu đến quy định của Pháp lệnh)

a) Tác động kinh tế

- Tích cực: không tốn kém chi phí nghiên cứu, xây dựng pháp luật.

- Tiêu cực: Các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp hiện hành không đáp ứng được yêu cầu bảo vệ nền kinh tế, bảo vệ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong điều kiện tình trạng khẩn cấp.

b) Tác động về xã hội

- Tích cực: Không.

- Tiêu cực:

+ Nhà nước không đủ cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục, bảo vệ nhân dân trong tình trạng khẩn cấp. Quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai các biện pháp có sự lúng túng, không thống nhất giữa các

địa phương hoặc không kịp thời do những mâu thuẫn, chồng chéo trong quy định của pháp luật.

+ Gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong xã hội do không có biện pháp ứng phó phù hợp, kịp thời.

c) Tác động về thủ tục hành chính

*Tích cực: Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

*Tiêu cực:

- Chưa có quy định về thủ tục hành chính thực hiện trong điều kiện tình trạng khẩn cấp;

- Chưa có quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính trong tình trạng khẩn cấp.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

*Tiêu cực:

- Tồn tại hệ thống pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, nhiều khoảng trống pháp lý như nêu tại phần vấn đề bất cập.

- Không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

6.4.2. Giải pháp 2: Ban hành luật riêng quy định về tình trạng khẩn cấp (quy định về thủ tục, thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, các biện pháp, trách nhiệm của các chủ thể trong tình trạng khẩn cấp)

a) Tác động kinh tế

* Tích cực:

+ Có các biện pháp phù hợp, đáp ứng yêu cầu của của nền kinh tế trong điều kiện tình trạng khẩn cấp;

+ Giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của việc áp dụng các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp đối với nền kinh tế, với hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Tạo bước đà thuận lợi cho việc khôi phục các hoạt động sản xuất, kinh doanh, khôi phục nền kinh tế sau khi bãi bỏ tình trạng khẩn cấp.

* Tiêu cực:

- Tốn kém chi phí xây dựng luật;

- Tốn kém chi phí tuyên truyền, phổ biến luật; tăng chi phí thực thi pháp luật.

b) Tác động về xã hội

*Tích cực:

- Tăng cường tính minh bạch, rõ ràng trong việc quy định và áp dụng biện pháp trong tình trạng khẩn cấp;

- Tăng cường khả năng kiểm tra, giám sát của nhân dân, các tổ chức xã hội đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong tình trạng khẩn cấp.

*Tiêu cực:

- Khó khăn cho người dân, cơ quan, tổ chức theo dõi tổng thể và tổ chức thực hiện các biện pháp áp dụng khi xảy ra sự cố, thảm họa, thiên tại trong các cấp độ, trạng thái khác nhau (tiền khẩn cấp và khẩn cấp).

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*Tích cực:

- Khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo và khoảng trống pháp lý về tình trạng khẩn cấp như nêu tại vấn đề bất cập.

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về hạn chế quyền con người, quyền công dân.

*Tiêu cực:

- Hạn chế tính liên thông, liên kết trong quy định về các cấp độ, trạng thái phòng thủ dân sự.

- Có sự trùng lặp các quy định chung về phòng thủ dân sự (ví dụ: khái niệm sự cố, thảm họa; xây dựng kế hoạch; nguồn lực tổ chức thực hiện).

6.4.3. Giải pháp 3: Quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật về phòng thủ dân sự (quy định về thủ tục, thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, các biện pháp, trách nhiệm của các chủ thể trong tình trạng khẩn cấp)

a) Tác động kinh tế

* Tích cực:

+ Có các biện pháp phù hợp, đáp ứng yêu cầu của của nền kinh tế trong điều kiện tình trạng khẩn cấp;

+ Giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của việc áp dụng các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp đối với nền kinh tế, với hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Tạo bước đà thuận lợi cho việc khôi phục các hoạt động sản xuất, kinh doanh, khôi phục nền kinh tế sau khi bãi bỏ tình trạng khẩn cấp.

+ Tiết kiệm chi phí xây dựng luật, chi phí tuyên truyền, phổ biến luật; tăng chi phí thực thi pháp luật.

* Tiêu cực: Không

b) Tác động về xã hội

*Tích cực:

- Tăng cường tính minh bạch, rõ ràng trong việc quy định và áp dụng biện pháp trong tình trạng khẩn cấp;

- Tăng cường khả năng kiểm tra, giám sát của nhân dân, các tổ chức xã hội đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong tình trạng khẩn cấp.

- Bảo đảm tính thống nhất trong quy định về các biện pháp áp dụng khi xảy ra sự cố, thảm họa, thiên tại trong các cấp độ, trạng thái khác nhau (tiền khẩn cấp và khẩn cấp).

*Tiêu cực: Không

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*Tích cực:

- Khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo và khoảng trống pháp lý về tình trạng khẩn cấp như nêu tại vấn đề bất cập.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật về phòng thủ dân sự.

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về hạn chế quyền con người, quyền công dân.

*Tiêu cực: Không.

6.5. Đề xuất lựa chọn giải pháp

Đề xuất lựa chọn ***Giải pháp 3***: Quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật về phòng thủ dân sự (không bao gồm tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh)

III. LẤY Ý KIẾN

1. Quá trình đánh giá tác động dự án Luật Phòng thủ dân sự, Bộ Quốc phòng đã tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm với các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương nơi có biên giới, các nhà khoa học, quản lý trong và ngoài Quân đội, các nhà hoạt động thực tiễn về nội dung của chính sách dự án Luật; kết hợp hoạt động tư vấn trong suốt quá trình khởi động, nghiên cứu, xây dựng Luật; tổ chức hội thảo lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia có kinh nghiệm xây dựng dự án Luật đồng thời triển khai các hoạt động khảo sát, điều tra xã hội học, lấy ý kiến rộng rãi cơ quan, tổ chức và nhân dân về dự án Luật.

2. Lấy ý kiến và tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Quốc phòng để chỉnh lý, bổ sung đảm bảo tính thống nhất, phù hợp trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tính minh bạch, khách quan, khả thi của các quy định trong dự án Luật.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi quyền hạn của mình, giám sát và đánh giá việc thi hành chính sách về Luật Phòng thủ dân sự.

2. Chính phủ, Bộ Quốc phòng, bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp đánh giá và thi hành chính sách về Luật Phòng thủ dân sự./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tư pháp(02);
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Cục Cứu hộ - Cứu nạn(10);
- Lưu: VT, VPC. Ti16.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Thượng tướng Nguyễn Tân Cương